



NHỰA BÌNH MINH®

NIỀM TIN CHẤT LƯỢNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



SỰ KIỆN VÀ NHỮNG CON SỐ TRONG 40 NĂM (1997 - 2017)

21

21 năm liên tục
được người tiêu dùng
bình chọn là
**HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO.**
(1997 - 2017)

4.057

TỶ ĐỒNG

so với

3,8

TRIỆU ĐỒNG

Doanh thu hiện tại so với
doanh thu cách đây 40 năm.

5

5 lần liên tục
được Chính phủ lựa chọn
vào Chương trình
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA.
(2008 - 2018)

818,6

TỶ ĐỒNG

so với

7,7

TRIỆU ĐỒNG

Vốn kinh doanh hiện tại
so với vốn kinh doanh
cách đây 40 năm.

4

so với

1

Số nhà máy
hiện tại so
với số nhà
máy cách
đây 40
năm.

TOP 100

Doanh nghiệp phát triển
bền vững.
(2016 - 2017)

TOP 50

Công ty niêm yết tốt nhất
Việt Nam.
(2011 - 2017)

94.000

TẤN

Tổng sản phẩm các loại trong năm 2017.

250 TỶ ĐỒNG

so với

2 TRIỆU ĐỒNG

Tổng ngân sách nộp cho Nhà Nước hiện tại so với tổng ngân sách nộp cho Nhà Nước cách đây 40 năm.

2,2 Triệu Kwh

TƯƠNG ĐƯƠNG

3,6 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế hiện tại so với lợi nhuận trước thuế cách đây 40 năm.

583 TỶ ĐỒNG

so với

1,3 TRIỆU ĐỒNG

Lượng điện toàn công ty tiết giảm năm 2017.

94.110 TẤN

Sản lượng tiêu thụ hiện tại so với sản lượng tiêu thụ cách đây 40 năm.

so với

600 TẤN

1.600

so với

1

Số cửa hàng hiện tại so với số cửa hàng cách đây 40 năm.

1.077 NGƯỜI

so với

110 NGƯỜI

Tổng số người hiện tại so với tổng số người cách đây 40 năm.

MỤC LỤC



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV :	Cán bộ công nhân viên
NLD :	Người lao động
ĐHĐCĐ :	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT :	Hội đồng Quản trị
BKS :	Ban Kiểm soát
BTGD :	Ban Tổng Giám đốc
HĐTV :	Hội đồng Thành viên
BMP :	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh
TNHH :	Trách nhiệm hữu hạn
MTV :	Một thành viên
NBM :	Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc
BMLA :	Bình Minh Long An
DPC :	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng
SCIC :	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
BMV :	Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt
TP. HCM :	Thành phố Hồ Chí Minh
TNDN :	Thu nhập doanh nghiệp
ERP :	Enterprise Resource planning - Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp
ĐKDN :	Đăng ký doanh nghiệp
QTRR :	Quản trị rủi ro
PCCC :	Phòng cháy chữa cháy
KSNB :	Kiểm soát nội bộ
NTP :	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiến Phong

Các chỉ tiêu tài chính nổi bật	06
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	10
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	12

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHỰA BÌNH MINH 14

Thông tin khái quát	16
Quá trình hình thành và phát triển	18
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động	22
Danh mục sản phẩm tiêu biểu	26
Các sự kiện nổi bật trong năm 2017	30
Danh hiệu và giải thưởng đạt được năm 2017	32
Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý.	36
- Mô hình quản trị và các công ty con, công ty liên kết	38
- Cơ cấu bộ máy quản lý.	40
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	44
Giới thiệu Ban Kiểm soát	50
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	52
Định hướng phát triển	56
Phân tích SWOT	62

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 64

Thông tin thị trường sản xuất, kinh doanh ngành nhựa năm 2017	66
Báo cáo và đánh giá của BTGD	68
Tổ chức và nhân sự	78
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	82
Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư	83
Những tiến bộ đã đạt được năm 2017 và những thách thức	86
Định hướng hoạt động công ty 2018	87
Tình hình hoạt động của các Công ty con và Công ty liên kết	88
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	90
Báo cáo của Ban Kiểm soát	100

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 106

Hội đồng Quản trị	108
Ban Kiểm soát	112



Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS	114
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	116
Rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro	118
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	122
Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững	124
Mục tiêu phát triển bền vững	126
Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững	128
Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015	130
Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015	132
Đánh giá các vấn đề trọng yếu	134
Gắn kết mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	138
Văn hóa Nhựa Bình Minh	146
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức nhân sự, chính sách, quản lý	148
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	156
Trách nhiệm đối với sản phẩm	168
Hoạt động cộng đồng - xã hội	174
Bảng tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI4	180
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	186
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	188





CHỈ TIÊU	DVT	2013	2014	2015	2016	2017
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu	Tỷ đồng	2.132	2.501	2.970	3.678	4.057
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.088	2.416	2.792	3.309	3.825
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	622	669	890	1.061	923
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	136	197	222	282	260
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	486	472	668	779	663
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	13,0	6,8	(1,2)	7,5	(73,4)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,6	1,3	(2,0)	(2,3)	(6,9)
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	(0,5)	0,8	0,5	0,5	0,5
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	499	481	665	784	583
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	371	377	519	627	465
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.681	1.929	2.438	2.891	2.872
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	455	455	455	455	819
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.489	1.718	2.015	2.297	2.449
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	23,9%	20,9%	23,8%	23,5%	16,1%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	26,8%	23,5%	27,8%	29,1%	19,6%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu						
(Số liệu chưa được điều chỉnh hồi tố cho 36.382.458 cổ phiếu thường phát hành trong năm 2017 và các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông qua các năm)						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	45.478.480	45.478.480	45.478.480	45.478.480	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	8.134	8.285	10.317	13.796	5.677
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	VND	32.742	37.782	44.313	50.516	29.918
Cổ tức	VND	3.000	3.500	6.000	4.000	1.500 (*)
Giá thị trường thời điểm cuối năm	VND	70.000	73.000	131.000	191.000	85.600
(Số liệu đã được điều chỉnh hồi tố cho 36.382.458 cổ phiếu thường phát hành trong năm 2017 và các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông qua các năm)						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	81.860.938	81.860.938	81.860.938	81.860.938	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	VND	4.066	4.138	5.705	6.452	5.677
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (***)	VND	18.190	20.990	24.618	28.064	29.918
Cổ tức	VND	3.000	3.500	6.000	4.000	1.500(*)
Giá thị trường thời điểm cuối năm	VND	70.000	73.000	131.000	191.000	85.600

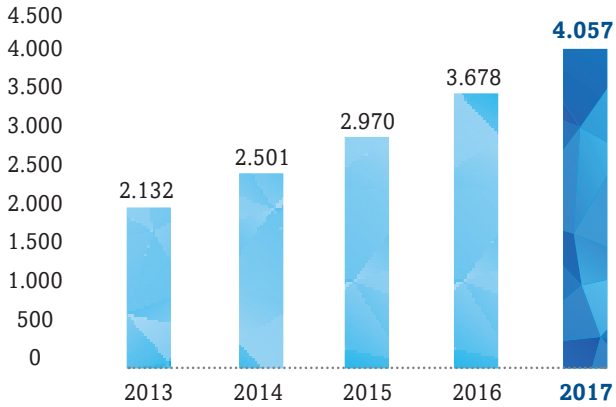
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán BMP 2013 - 2017

Cổ tức tạm tính theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 (*)

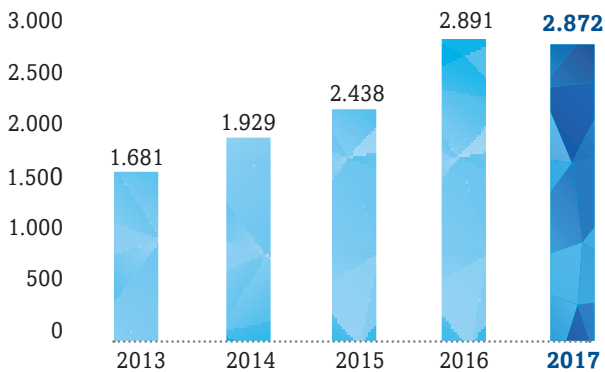
Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu (**), giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (***) đã được điều chỉnh hồi tố cho 36.382.458 cổ phiếu thường phát hành trong năm 2017 và các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông qua các năm



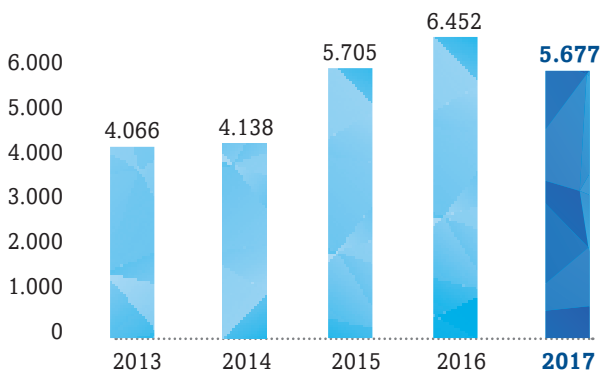
DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)

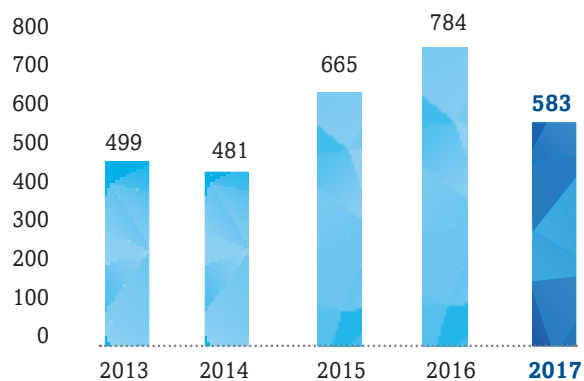


LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (VNĐ)
(SỐ LIỆU ĐÃ ĐƯỢC HỒI TỐ)

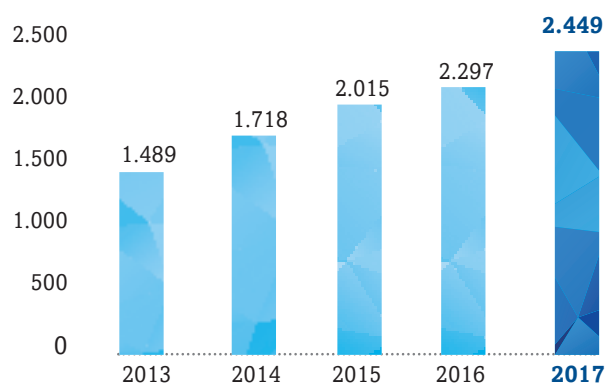




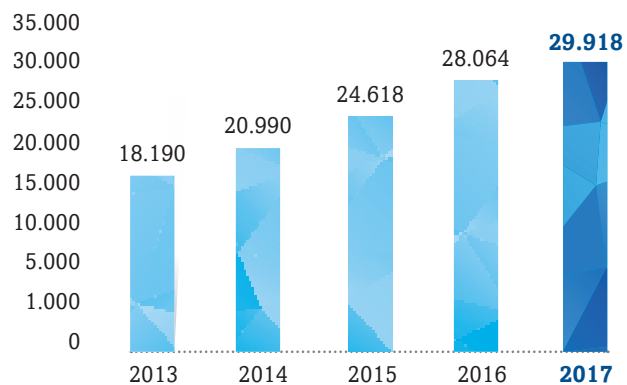
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)



VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



GIÁ TRỊ SỔ SÁCH 1 CỔ PHIẾU (VNĐ) (SỐ LIỆU ĐÃ ĐƯỢC HỒI TỐ)





TÂM NHÌN

DUY TRÌ VỊ THẾ DOANH NGHIỆP
HÀNG ĐẦU CỦA NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU
XÂY DỰNG VIỆT NAM.

CHỦ ĐỘNG HOÀN THIỆN NĂNG LỰC,
SẴN SÀNG CẠNH TRANH TRONG
KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ.

SỨ MỆNH

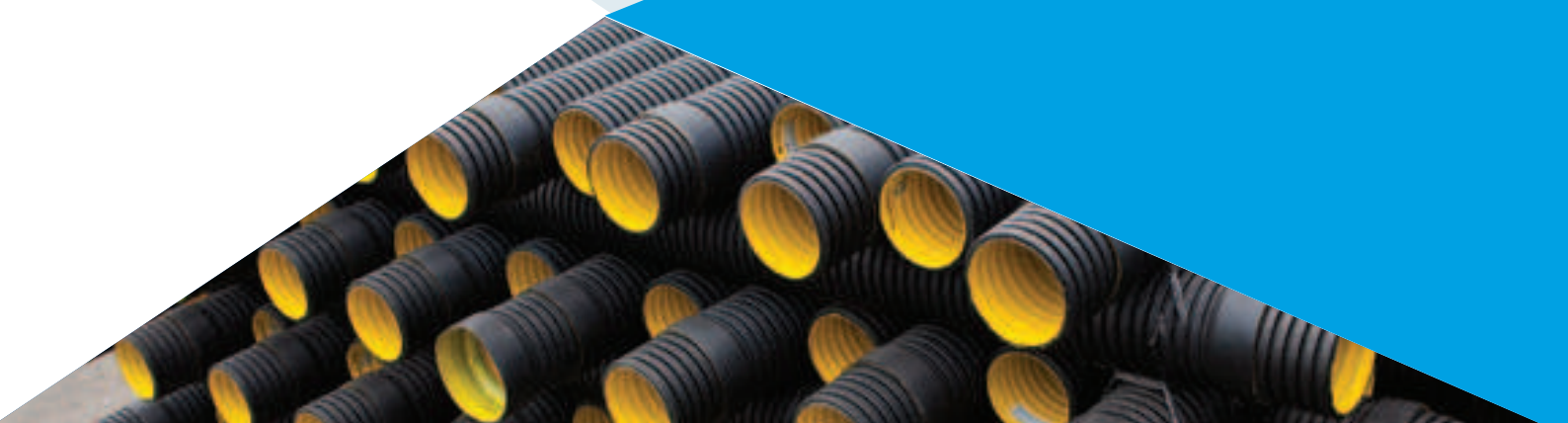
CUNG ỨNG SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG NHU CẦU
NGÀY Càng CAO CỦA THỊ TRƯỜNG.

BẢO ĐẢM HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH CỦA
KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG,
CỔ ĐÔNG VÀ XÃ HỘI.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỒNG THUẬN CAO,
TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ,
VỮNG VÀNG HIỆN TẠI,
TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI.





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Thưa Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh!

Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập (1977 – 2017), toàn thể Ban Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến toàn thể Quý Cổ đông, đối tác, khách hàng đã đồng hành với Công ty trong thời gian vừa qua.

Nhìn lại chặng đường 40 năm qua của Nhựa Bình Minh, chúng ta trân trọng công sức và những cố gắng của các thế hệ Cán bộ công nhân viên Công ty với những thành quả rất đáng tự hào. Nhựa Bình Minh từ một doanh nghiệp nhỏ bé đã trở thành doanh nghiệp nhựa vật liệu xây dựng hàng đầu tại Việt Nam.

Năm 2017 vừa qua là một năm đầy thử thách đối với Công ty. Khó khăn lớn nhất của Công ty là giá nguyên liệu không ngừng tăng cao trong bối cảnh cạnh tranh trong nước rất khốc liệt. Tuy nhiên, Nhựa Bình Minh vẫn tiếp tục khẳng định vị thế của mình với niềm tin của nhà đầu tư, đối tác và khách hàng đã được Công ty xây dựng trong thời gian dài và ngày càng được củng cố vững chắc hơn. Bên cạnh đó, Nhựa Bình Minh đã không ngừng học tập và sáng tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đóng góp mạnh mẽ vào sự tăng trưởng của Công ty.

TỔNG DOANH THU

4.057 tỷ

**TĂNG
10,3%**

Công ty đã được Chủ tịch nước quyết định trao tặng Huân chương lao động hạng nhất và Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc cho những thành tích của mình.

Cụ thể, tính đến ngày 31/12/ 2017 tổng doanh thu đạt 4.057 tỷ đồng, tăng tương ứng 10,3% so với cùng kỳ năm 2016.

Mặt khác, Nhựa Bình Minh tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, nghiên cứu nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ cùng với việc chủ động chuẩn bị mọi điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Là doanh nghiệp sản xuất ống và phụ tùng đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam cung cấp các sản phẩm từ nguyên liệu không có hàm lượng kim loại nặng, phù hợp với tiêu chuẩn và xu hướng phát triển của thế giới. Công ty đảm bảo cung cấp sản phẩm ra thị trường với chất lượng tốt nhất và giá cả phù hợp.

Với chủ trương gắn liền lợi ích của Công ty và trách nhiệm với cộng đồng xã hội, Nhựa Bình Minh hoạt động dựa trên nguyên tắc công bằng, lành mạnh. Năm qua, Công ty đã được Chủ tịch nước quyết định trao tặng Huân chương Lao động hạng nhất và Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc cho những thành tích của mình. Bên cạnh

đó, truyền thống văn hóa tốt đẹp được toàn thể Cán bộ công nhân viên và Ban Lãnh đạo gìn giữ và phát huy, những kết quả đã đạt được đã tạo được niềm tin lớn, góp phần thúc đẩy Nhựa Bình Minh vững bước phát triển trong tương lai.

Kính thưa Quý vị!

Vào ngày 9/3/2018, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã bán đấu giá thành công số cổ phần Nhà nước đang sở hữu của Nhựa Bình Minh. Lần đầu tiên trong lịch sử 40 năm của mình, Nhựa Bình Minh đã không còn vốn của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng Quản trị Nhựa Bình Minh thấu hiểu và cam kết:

- Làm mọi việc để giữ vững Thương hiệu NHỰA BÌNH MINH - là Thương hiệu Quốc gia đã gắn bó với người tiêu dùng Việt Nam.
- Tiếp tục định hướng “HÀI HÒA LỢI ÍCH” của cổ đông, cán bộ công nhân viên Công ty và khách hàng, vì sự phát triển bền vững của Công ty.
- Luôn phấn đấu để hoàn thiện

VẤN HÓA NHỰA BÌNH MINH, coi đây là tài sản vô hình, là thành quả của một quá trình phấn đấu lâu dài đã tạo nên hình ảnh Nhựa Bình Minh trên thương trường.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, đối tác trong và ngoài nước, nhà phân phối và toàn bộ Cán bộ công nhân viên luôn đồng hành, quan tâm, giúp đỡ Nhựa Bình Minh trong mọi hoàn cảnh. Đặc biệt, cảm ơn Quý khách hàng đã tin nhiệm và tin dùng sản phẩm Nhựa Bình Minh trong suốt thời gian qua. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, sự thông cảm sẻ chia, sự ủng hộ và động viên của Quý vị để Nhựa Bình Minh tiếp tục phát triển trong năm 2018 và trong tương lai.

Xin chân thành biết ơn.

CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ QUANG DOANH



CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ và BẢN HÀNG

Sau gần 40 năm hình thành và phát triển, Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2017, Công ty có gần 1.600 nhà phân phối rộng khắp trên cả nước.



Tên công ty:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH**

Tên tiếng Anh:
**BINH MINH PLASTICS
JOINT-STOCK COMPANY**

Tên viết tắt :
BMPLASCO

Giấy chứng nhận ĐKKD và mã số thuế:
0301464823

do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày
02/01/2004 và cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 06/06/2017

Vốn điều lệ:
818.609.380.000 đồng

Địa chỉ trụ sở :
240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

Điện thoại : (84-28) 39 690 973

Fax : (84-28) 39 606 814

Website :
www.binhminhplastic.com.vn

Mã cổ phiếu :
BMP



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977 - 1986: ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT

Trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy phải sản xuất cầm chừng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng là giai đoạn khởi đầu quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp ống nhựa PVC-U có đường kính 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông, .v.v...

Ngày 16/11, Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng công ty Công nghệ phẩm – Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiều Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.

1977

Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa PVC-U cho dự án “Chương trình nước sạch nông thôn”, đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.

1986

1997 - 2006: ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

Với chủ trương “Đổi mới và phát triển”, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điều này tạo tiền đề cho việc sản xuất các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn nhất Việt Nam hiện nay như ống PVC-U 630 mm, ống HDPE 1.200 mm, ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.



Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m² tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.

1999

Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.

2000

1987 - 1996: ĐẦU TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế. Song song đó, Công ty đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m² tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu.

Đổi tên thành Xi nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.

Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.

1990

Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry-Blend để sản xuất ống nhựa PVC-U đường kính lớn nhất Việt Nam 400 mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

1994

Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.

Hoàn tất đầu tư kho bãi mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m².

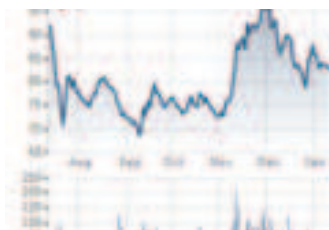


2002

Ngày 02/01, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastic Joint-Stock Company, viết tắt là BMPLASCO.

Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000m².

2004



Ngày 11/7, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.

2006

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

2007 ĐẾN NAY: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với khách hàng, người lao động, cổ đông và xã hội ở giai đoạn này, Công ty chú trọng phát triển thị trường, phát triển nguồn nhân lực, đồng bộ với các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường.



Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.

2007

29% CP

Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao nguyên.

2008

Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.

Triển khai dự án công nghệ thông tin “Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) – Oracle E-Business Suite”.

2012

Chúng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.

Tăng vốn điều lệ lên **454.784.800.000 đồng.**

2013

Ngày 18/11, khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.

Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.



2015

Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.

Sản xuất ống PVC-U đường kính đến 630 mm.

2009



Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất tại Việt Nam.

Ký hợp đồng thuê hơn 155.000m² đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An.

2010

Tham gia góp 26% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt nhằm chuyển đổi công năng khu đất tại trụ sở chính Công ty khi có chủ trương di dời của Nhà nước.

2011

Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Bình Minh Long An.

Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.

Tham gia chương trình Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 liên tiếp từ 2008 đến 2018.

Đạt Thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 21 liên tiếp.

2016

Được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất (lần thứ 2).

Khánh thành giai đoạn hai BMLA.

Áp dụng thành công hệ phụ gia không kim loại nặng trong sản xuất ống và phụ tùng ống PVC-U.

Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R.

Nghiệm thu Hệ thống quản trị ERP.

2017



Tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam.

Chuyển đổi thành công phiên bản Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9000-2015 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14000-2015

Tăng vốn điều lệ lên

818.609.380.000 đồng

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng đầu và có uy tín tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

(TIẾP THEO)

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh trong nước.

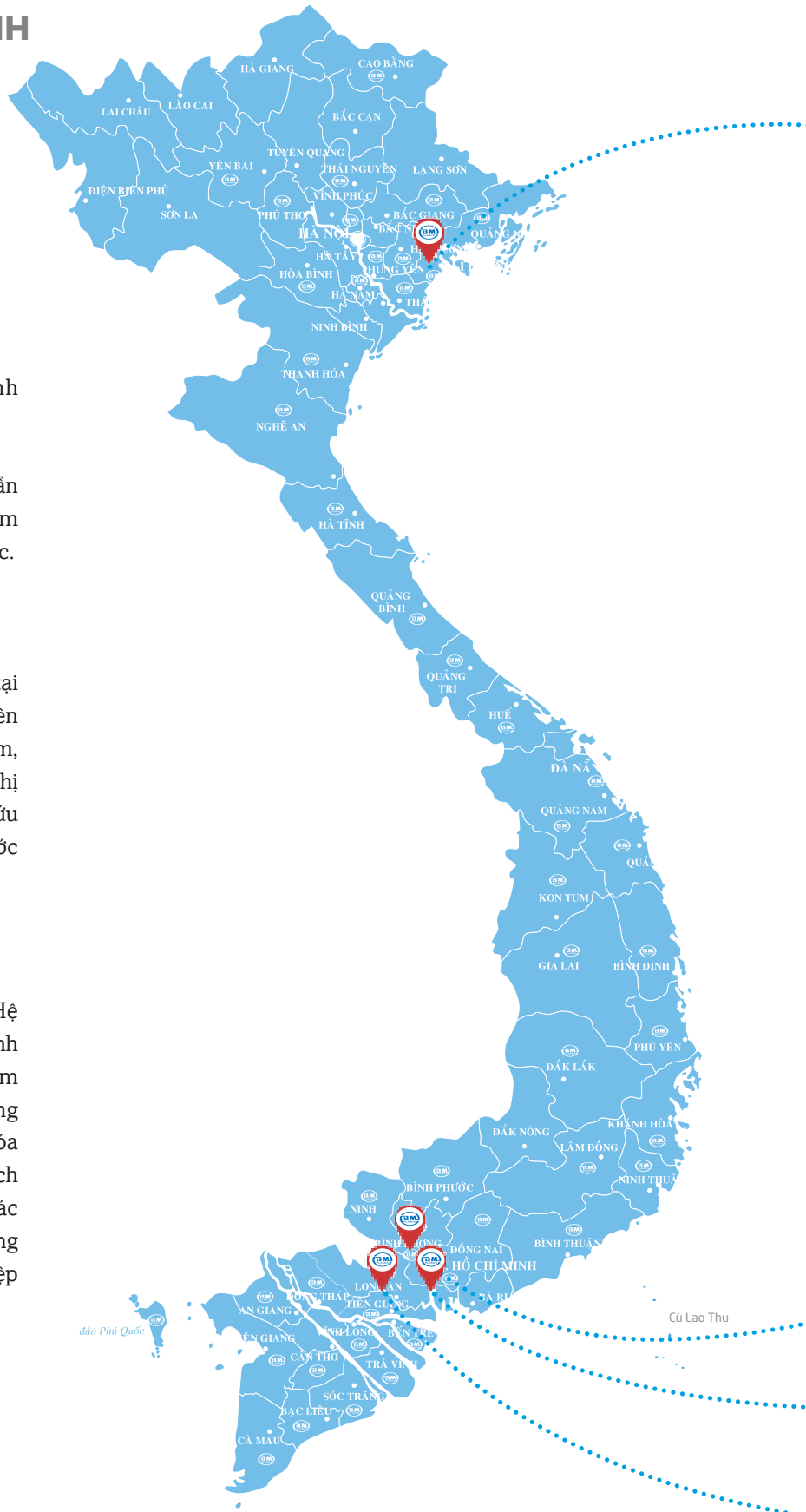
Nhựa Bình Minh chiếm khoảng 50% thị phần ống nhựa tại khu vực miền Nam và chiếm khoảng 25% thị phần ống nhựa trong cả nước.

Các nhà máy sản xuất

Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại Tp. HCM, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 130.000 tấn sản phẩm/năm, đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa chủng loại và kích thước sản phẩm.

Hệ thống phân phối sản phẩm

Sau gần 40 năm hình thành và phát triển, Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến cuối năm 2017, Công ty có gần 1.600 nhà phân phối rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng, .v.v....



**CÔNG TY TNHH MTV
NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC**



**NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH
SÀI GÒN**



**NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH
BÌNH DƯƠNG**



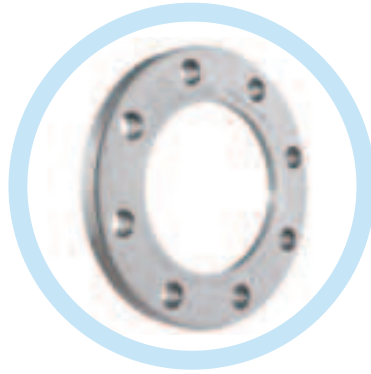
**NHÀ MÁY NHỰA BÌNH MINH
LONG AN**



quần đảo Hoàng Sa

quần đảo Trường Sa

DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



NHÓM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG PVC-U

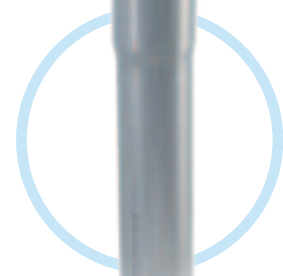
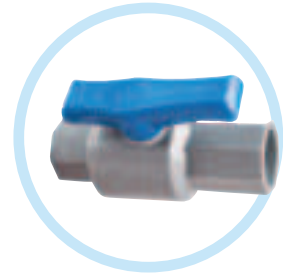
1. Ống và phụ tùng nối ống PVC-U cứng đường kính từ 20mm đến 630mm, dùng cho ngành cấp thoát nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452-2: 2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 16:2017/BXD bao gồm:

- Ống và phụ tùng ống nhựa PVC -U hệ inch và hệ mét được sản xuất từ hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo.
- Ống PVC-U hệ CIOD có đường kính ngoài tương thích với ống và phụ tùng ống gang chịu áp.

Các loại ống này thích hợp dùng trong những hệ thống dẫn nước như:

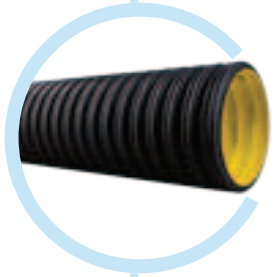
- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa, .v.v...

2. Ống và phụ tùng PVC-U được dùng để bảo vệ tuyến cáp ngầm trong các: Hệ thống cáp ngầm bu điện (cáp sợi quang, cáp đồng,...), Hệ thống cáp ngầm điện lực (cáp điện,...).





NHÓM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG HDPE

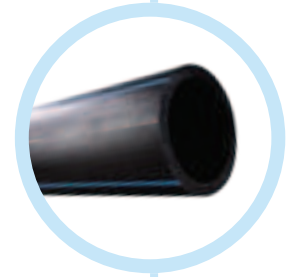


1. Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16mm đến 1.200mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao PE 100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2017/BXD thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa, .v.v...

2. Ống và phụ tùng ống gân thành đôi HDPE đường kính từ 110mm đến 500mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polyethylene tỷ trọng cao (HDPE), thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống thoát nước cho xa lộ.
- Hệ thống ống thoát nước cho sân golf.
- Hệ thống ống thoát nước dân dụng.
- Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
- Hệ thống ống lọc và lấy nước thải.
- Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.



DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU (TIẾP THEO)



NHÓM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20mm đến 160mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, theo tiêu chuẩn DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09 và tiêu chuẩn TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013 được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2017/BXD thích hợp cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống dẫn nước nóng đến 95°C và nước lạnh dùng trong sinh hoạt và trong công nghiệp.
- Hệ thống vận chuyển dung dịch thực phẩm ở nhiệt độ cao và thấp.
- Hệ thống dẫn sưởi ấm sàn nhà.





NHÓM CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu.

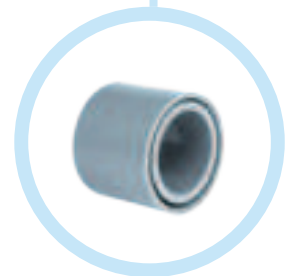


Nhóm sản phẩm mới năm 2017

124 loại phụ tùng ống nhựa PP-R dùng cho hệ thống ống nước nóng lạnh do Nhựa Bình Minh sản xuất thay thế cho phụ kiện PP-R đang nhập khẩu với giá thành cạnh tranh hơn.

Các loại phụ tùng PVC-U cải tiến mới, đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng trên thị trường, giúp thi công thuận tiện và có độ bền tốt hơn.

- Hộp đấu nối
- Bạc chuyển bậc
- Bít xả ren ngoài
- Bộ nối thông tắc
- Co ren trong nhựa dn 27x3/4.



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2017

Ngày 23/06/2017

Tham gia triển lãm Quốc tế Vietbuild năm 2017 tại Tp. HCM

Nhằm quảng bá thương hiệu rộng rãi đến với người tiêu dùng, khẳng định vị thế doanh nghiệp nhựa vật liệu xây dựng hàng đầu Việt Nam.



Ngày 08/09/2017

Lễ nghiệm thu dự án ERP

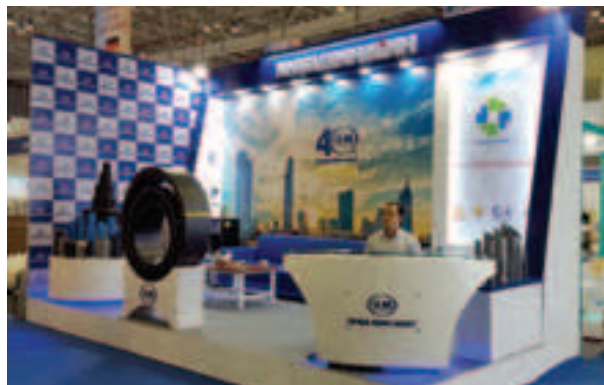
Hệ thống sẽ giúp Nhựa Bình Minh có thông tin đồng nhất, minh bạch, kiểm soát số liệu một cách chính xác, nhanh chóng từ các Chi nhánh, Nhà máy và các công ty thành viên, hỗ trợ việc ra quyết định nhanh chóng vào mọi lúc mọi nơi.



Ngày 8/11/2017

Tham gia triển lãm Quốc tế Vietwater 2017 tại Tp.HCM

Trong chuỗi các hoạt động chào mừng kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty, Nhựa Bình Minh tham gia Triển lãm Quốc tế Vietwater 2017 tại Việt Nam với gian hàng có thiết kế hoàn toàn mới.



Ngày 16/11/2017

Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập công ty

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập (16/11/1977-16/11/2017), Công ty CP Nhựa Bình Minh đã thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực để chào đón sinh nhật của chính mình theo chủ đề “40 năm – Nhựa Bình Minh Tỏa sáng”.

Ngày 16/11/2017 Hoàn thành qui hoạch tổng thể tổ hợp Nhựa Bình Minh Long An và khánh thành nhà máy Nhựa Bình Minh Long An giai đoạn 2 trên tổng diện tích 155.000 m².



Ngày 16/11/2017

Hoàn thành chuyển đổi hệ phụ gia mới không kim loại nặng, thân thiện môi trường.

Nhựa Bình Minh công bố chính thức hoàn thành chuyển đổi hệ phụ gia mới thân thiện với môi trường, hoàn toàn không có kim loại nặng, đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm xanh và phát triển bền vững theo chuẩn mực mới của thế giới.



24/11/2017

Ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP - R

Đây là dòng sản phẩm mới của Nhựa Bình Minh, phù hợp với tiêu chuẩn Quốc gia và Quốc tế. Công ty tổ chức 9 buổi Hội thảo giới thiệu sản phẩm mới tại 9 tỉnh thành với hệ thống phân phối, khách hàng và đối tác trên toàn quốc.



GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2017

NGÀY 02/03/2017

NHỰA BÌNH MINH TIẾP TỤC VINH DỰ NHẬN ĐƯỢC DANH HIỆU HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2017



Nhựa Bình Minh vinh dự là 1 trong 40 doanh nghiệp 21 năm liền đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.

NGÀY 09/06/2017

NHỰA BÌNH MINH ĐƯỢC VINH DANH TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM



Đây là lần thứ 6 liên tiếp Nhựa Bình Minh đạt được chứng nhận này từ năm 2011 đến 2017 do Tạp chí Nhip Cầu Đầu Tư, khảo sát và xếp hạng các công ty niêm yết thông qua các phương pháp đo lường khoa học theo chuẩn quốc tế với sự cố vấn của các chuyên gia phân tích tài chính trong nước và quốc tế.

NGÀY 14/09/2017

NHỰA BÌNH MINH ĐƯỢC XẾP HẠNG TRONG DANH SÁCH 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT TẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM





GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHỰA BÌNH MINH

CHẤT LƯỢNG NGUỒN LỰC

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng mang lại thành công cho Công ty. Ý thức được điều này, Công ty luôn chú trọng đến các chế độ, chính sách đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, tích lũy kiến thức đầy đủ nhằm phát huy tối đa năng lực của người lao động.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty áp dụng mô hình quản trị công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch công ty con, cử người tham gia quản trị tại các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị có các tiểu ban giúp việc. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung về hiệu quả hoạt động của Công ty và các công ty con.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



**CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH
MIỀN BẮC (NBM)**

CÔNG TY CON

**CÁC CÔNG TY CON
VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**



VỐN ĐIỀU LỆ
155 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU

100%

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006 tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. Công ty chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa PVC-U, HDPE, PPR các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. NBM Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m², năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.



Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH
BẤT ĐỘNG SẢN BÌNH MINH VIỆT**

CÔNG TY LIÊN KẾT



VỐN ĐIỀU LỆ
210 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU

26%

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Tháng 12/2016, Bình Minh Việt đã tăng vốn đầu tư là 210.000.000.000 đồng. Trong đó, BMP đã góp 53.040.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 26%.

 Số 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

**CÔNG TY CP NHỰA ĐÀ NẴNG
(DPC)**

CÔNG TY LIÊN KẾT



VỐN ĐIỀU LỆ
22,4 TỶ VNĐ
NHỰA BÌNH MINH SỞ HỮU

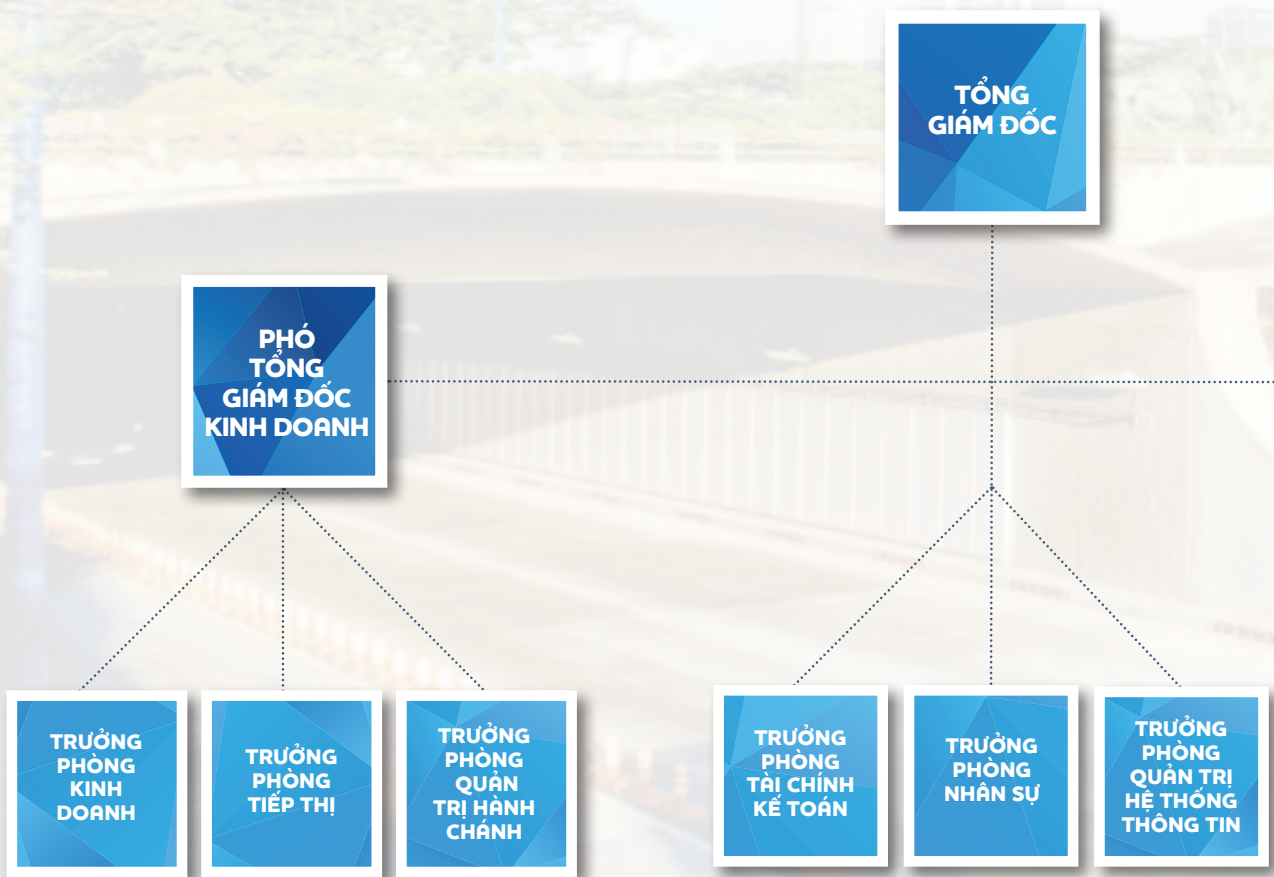
29%

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng (mã cổ phiếu DPC) được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa PVC-U, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần, trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Cao nguyên.

Hiện nay DPC là tổng kho của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Cao nguyên.

 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CHỨC NĂNG CỦA CÁC BỘ PHẬN

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG NHÂN SỰ (NS)

Quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Quản lý công tác tuyển dụng và đào tạo. Quản lý lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn... theo chính sách và qui định của nhà nước và quy chế của Công ty.

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (TKKT)

Quản lý nghiệp vụ tài chính kế toán và chức năng tài chính quản trị. Quản lý vốn và tài sản của Công ty. Kiểm tra và giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách về kinh tế, tài chính của Công ty.

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG QUẢN TRỊ HỆ THỐNG THÔNG TIN (QTHTTT)

Quản lý hệ thống ERP, hệ thống máy chủ, hệ thống mạng, Website Công ty và các thiết bị tin học phục vụ cho sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Quản lý hệ thống thông tin, lưu trữ dữ liệu của toàn Công ty.

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH (QTHC)

Quản lý hoạt động hành chính văn phòng, công tác đối nội và đối ngoại về hành chính của Công ty. Quản lý việc thực hiện các văn bản pháp qui về công tác hành chính và các nội qui, qui chế của Công ty. Quản lý hồ sơ và tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp lý của Công ty.

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG KINH DOANH (KD)

Quản lý mua hàng cung cấp nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, bán thành phẩm, thành phẩm phục

vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Quản lý bán hàng và hệ thống phân phối của Công ty. Đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến chính sách bán hàng của Công ty.

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG TIẾP THỊ (TT)

Quản lý quan hệ khách hàng và phát triển khách hàng. Quản lý và phát triển hệ thống phân phối của Công ty. Quản lý hoạt động tiếp thị và truyền thông tiếp thị.

Thực hiện các hoạt động hội thảo, hội nghị, hội chợ trong và ngoài nước để quảng bá thương hiệu, sản phẩm của Công ty.

CHỨC NĂNG PHÒNG ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN (ĐTNCP)

Quản lý các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, nguyên vật liệu mới vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hiện có.

CHỨC NĂNG CỦA PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG (ĐBCL)

Quản lý chất lượng nguyên liệu, sản phẩm, bán thành phẩm và bán thành phẩm mua ngoài. Quản lý hệ thống quản lý chất lượng và môi trường của Công ty. Quản lý công tác hiệu chuẩn, giám định các thiết bị theo dõi và đo lường trong Công ty.

CHỨC NĂNG CỦA CÁC NHÀ MÁY (NM)

Quản lý hoạt động sản xuất. Quản lý hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 trong khu vực được phân công.



GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG LÊ QUANG DOANH

Chủ tịch HĐQT
(Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1952
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

“ Ông là một nhà quản lý kỳ cựu với gần 40 năm công tác gắn bó tại Công ty. ”

Ông Lê Quang Doanh là một nhà quản lý kỳ cựu với gần 40 năm công tác gắn bó tại Công ty. Ông gia nhập Nhựa Bình Minh từ năm 1979 với chức vụ Phó Quản đốc xưởng sau đó làm Phó Giám đốc Công ty. Đến năm 1996, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty. Sau khi Công ty cổ phần hóa thành công, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc từ năm 2004 đến năm 2012. Từ tháng 11/2012 đến nay, ông đã chuyển giao chức vụ Tổng Giám đốc cho người kế nhiệm và tập trung cho công tác quản trị với vai trò Chủ tịch HĐQT Công ty.

Quá trình công tác:

- Trước 1979: Tổ trưởng sản xuất Nhà máy Sắt trắng men nhôm Hải Phòng.
- 1979: Phó Quản đốc xưởng Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1987: Phó Giám đốc Nhà máy Công tư hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1996: Giám đốc Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004 đến tháng 11/2012: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc BMP
- 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT BMP

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **1.062.252** cổ phần.

Sau khi tốt nghiệp Đại học Bách khoa TP. HCM, ông tham gia quân ngũ. Năm 1988 ông vào làm nhân viên kỹ thuật của Công ty. Trải qua các chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, đến cuối năm 2012 ông đảm nhận trọng trách Tổng Giám đốc Công ty. Ông là người rất am hiểu về kỹ thuật ngành nhựa tại Việt Nam, đã đồng hành cùng Nhựa Bình Minh trong suốt quá trình chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, đầu tư thiết bị công nghệ, phát triển mở rộng sản xuất của Công ty như hiện nay.

Quá trình công tác:

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Giám đốc Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007-2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010-2/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP - Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP - Chủ tịch HĐQT NBM.
- Tháng 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP - Trưởng Tiểu ban Chiến lược-Phát triển.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:

618.550 cổ phần.



ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó Chủ tịch HĐQT
(Thành viên điều hành) –
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị

“ Ông là người rất am hiểu về kỹ thuật ngành nhựa tại Việt Nam ”

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



BÀ NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Thành viên HĐQT –
(Thành viên không điều hành)
Chủ tịch NBM

Năm sinh: 1960
Trình độ: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

“ Bà là một trong những
nữ cán bộ chủ chốt
lâu năm nhất của
Nhựa Bình Minh ”

Bà là một trong những nữ cán bộ chủ chốt lâu năm nhất của Nhựa Bình Minh. Bà tham gia công tác tại Nhựa Bình Minh từ đầu những năm 80, và liên tục công tác từ đó đến nay, kinh qua các chức vụ phó phòng, rồi trưởng phòng Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc kinh doanh. Bà đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển Hệ thống cửa hàng bán sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu của Nhựa Bình Minh đạt được thành tựu như ngày hôm nay.

Quá trình công tác:

- 1981: Nhân viên thống kê Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Cung tiêu Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1998: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004 - 2005: Thành viên HĐQT BMP Trưởng phòng Kinh doanh BMP
- 2006 - 2016: Thành viên HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh BMP.
- 2017 đến nay: Thành viên HĐQT BMP - Chủ tịch Công ty NBM - Trưởng Tiểu ban Quan hệ cổ đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **457.034** cổ phần.

Quá trình công tác:

- Từ 1995 đến 2000: Công ty Dệt kim Hà Nội.
- Từ 2000 đến 2007 : Ngân hàng Mizuho Hà Nội.
- Từ 2007 đến 2008: Công ty cổ phần Chứng khoán Tràng An.
- Từ 2008 đến nay: Phó Trưởng Ban đầu tư 3 - SCIC.
- Từ ngày 07/3/2016 đến nay: Là thành viên HĐQT BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **Không có**.



BÀ ĐẶNG THỊ THU HÀ

**Thành viên HĐQT
(Thành viên không điều hành)**

**Năm sinh: 1973
Trình độ: Cử nhân Kinh tế,
Cử nhân Ngoại ngữ,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.**

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



ÔNG APICHAİ CHAREONSUK

Thành viên HĐQT
(Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1966
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ: Cử nhân Hoá học,
Thạc sĩ Công nghệ Hóa dầu

Quá trình công tác:

- 1999 Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Thai MMA.
- 2005 Giám đốc Công nghệ Sản xuất Công ty TNHH Thai Polyethylene.
- 2005 Trưởng phòng Sản xuất LLDPE Công ty TNHH Thai Polyethylene.
- 2007 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grand Siam Composite.
- 2011 Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thai Polyethylene.
- 2017 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Thai Plastic and Chemicals PCL.
- Từ ngày 06/6/2017 đến nay: Thành viên HĐQT BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **Không có**.

Quá trình công tác:

- 1995: Tổng Giám đốc Công ty Thai MFC Co., Ltd.
- 1998: Phó Tổng Giám đốc Công ty Siam Mitsui PTA Co., Ltd và Thai Pet Resin Co., Ltd.
- 2010: Tổng Giám đốc Công ty Rayong Olefins Co., Ltd.
- 2012: Tổng Giám đốc Thai Plastic and Chemicals PCL.
- 2013 - 06/2017: Tổng Giám đốc Thai Plastic and Chemicals PCL - Thành viên HĐQT BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **Không có.**



ÔNG SUCHAI ASVATHAVORNVANIT

Thành viên HĐQT
(Thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1957
Quốc tịch: Thái Lan
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGA

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1963

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1982: Nhân viên Phòng Cung tiêu Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1999: Phó Phòng Kinh doanh Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004: Thành viên BKS - Phó Phòng Kinh doanh BMP.
- 2008: Trưởng BKS - Phó Phòng Kinh doanh BMP.
- 2010 - 2013: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Tiếp thị BMP.
- 2013 đến nay: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Kinh doanh BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **228.051** cổ phần.

Quá trình công tác:

- 2007: Chuyên viên Kiểm toán - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- 2010 - 2013: Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro - SCIC.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **Không có.**



BÀ NGUYỄN THỊ THẨM

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ: Cử nhân Kinh tế



BÀ NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983

Trình độ: Cử nhân Kế toán,
Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác:

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **14.040** cổ phần.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những thay đổi trong Ban điều hành

Ngày 01/01/2017 Ông Nguyễn Thanh Hải được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.



ÔNG NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó Chủ tịch HĐQT –
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962
Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,
Thạc sĩ Quản trị

(Xem thông tin ở phần Giới thiệu HĐQT
trang 45)



Với khách hàng, chúng tôi là **nhà cung ứng tận tình và sẻ chia lợi ích.**

Với nhân viên, chúng tôi là **người đảm bảo đời sống vật chất và cuộc sống tinh thần.**

Với cổ đông, chúng tôi là **nhà quản lý chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.**

Quá trình công tác:

- Năm 1995 - 2000: Nhân viên P. Kỹ thuật - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2001 - 2002: Phó Quản đốc Xưởng 1 - Công ty Nhựa Bình Minh.
- Năm 2002 - 2005: Phó phòng Tổ chức hành chính – BMP.
- Năm 2006 - 2010: Trưởng phòng Nhân sự - BMP.
- Năm 2011 - 2014: Thành viên HĐQT - Giám đốc NBM.
- Năm 2015 - 2016: Trưởng phòng Tiếp thị - BMP.
- Năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **21.600** cổ phần.



ÔNG NGUYỄN THANH HẢI

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Năm sinh: 1971

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí,

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Với đối tác, chúng tôi là **người đồng hành tin cậy và cùng hợp tác phát triển.**

Với cộng đồng, chúng tôi là **doanh nghiệp trung thực và có trách nhiệm xã hội.** ”

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)



ÔNG NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh: 1968

Trình độ: Kỹ sư Hóa,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1994: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 - BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 - BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **11.709** cổ phần.

Quá trình công tác:

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007 đến 2013: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM – Thành viên HĐQT NBM.
- 2014 đến 2016: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Thành viên HĐQT NBM.
- 2017 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP – Giám đốc DPC.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **03** cổ phần.



ÔNG HỒNG LÊ VIỆT

Kế toán trưởng
Giám đốc Công ty Cổ Phần
Nhựa Đà Nẵng

Năm sinh: 1966
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

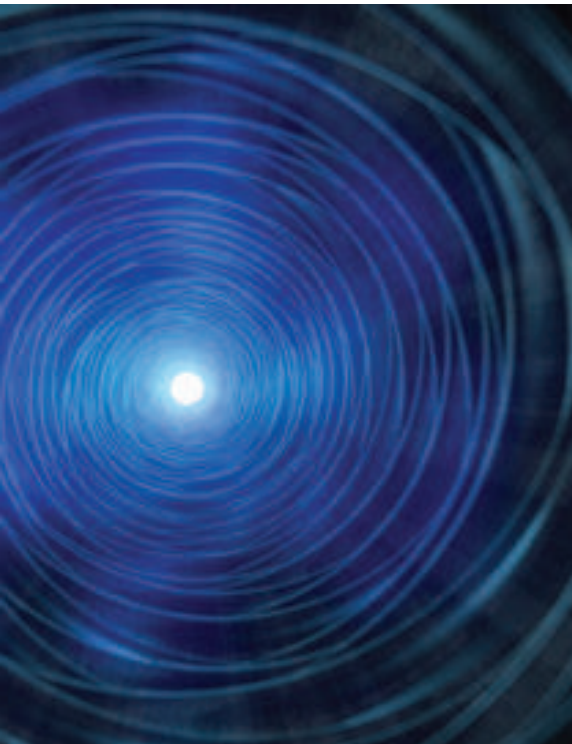


Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh hiện là công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa. Đây là thành tựu to lớn của Nhựa Bình Minh trong suốt 40 năm hình thành và phát triển Công ty. Tuy nhiên, với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay, để duy trì được vị thế hàng đầu trên thị trường là một thách thức không nhỏ đối với Nhựa Bình Minh. Với những thành tựu đã đạt được trong các năm vừa qua, Nhựa Bình Minh khẳng định sẽ tiếp tục phát triển theo những định hướng chiến lược dài hạn để tạo nên những bước đi vững chắc, duy trì vị thế trong nước và sẵn sàng tham gia sâu rộng hơn vào thị trường quốc tế.

Định hướng chiến lược về sản phẩm:

ĐỒNG BỘ SẢN PHẨM - ĐA DẠNG ỨNG DỤNG

Khẳng định cơ cấu sản phẩm chính - dòng sản phẩm chiến lược - lâu dài là các dòng sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa với phương châm từng bước quy hoạch hoàn thiện và đồng bộ hệ thống sản phẩm theo từng phạm vi ứng dụng và hệ tiêu chuẩn. Phát triển các dòng sản phẩm đa dạng và đồng bộ nhằm đáp ứng các ứng dụng khác nhau, các đối tượng khách hàng khác nhau, phân khúc thị trường khác nhau. Định hướng ưu tiên phát triển sản phẩm mới trên cơ sở đánh giá đúng nhu cầu thị trường, đầu tư phù hợp với khả năng tài chính và các nguồn lực



khác theo định hướng phát triển dòng sản phẩm theo công nghệ cốt lõi hiện nay dựa vào sự tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, sản phẩm của thế giới. Khẳng định phương hướng chiến lược, đồng thời, ưu tiên tập trung phát triển nhóm

sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng nhưng về lâu dài định hướng mở rộng sang một số sản phẩm trong các lĩnh vực khác có tiềm năng phát triển như sản phẩm nhựa cho công nghiệp hỗ trợ, cho nông nghiệp kỹ thuật cao, tưới tiêu,

thủy lợi và các ngành công nghiệp chủ lực khác.

Định hướng chiến lược về chất lượng:

CHẤT LƯỢNG HOÀN HẢO - CHUẨN MỰC QUỐC TẾ



Chất lượng sản phẩm luôn là ưu tiên hàng đầu, là kim chỉ nam cho toàn bộ các hoạt động của Nhựa Bình Minh. Khẳng định định hướng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, thống nhất hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm, đảm bảo toàn bộ những sản phẩm chính được hợp chuẩn, hợp quy theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế. Tham gia tích cực vào việc phân biện, đóng góp về chính sách và quy hoạch để xây dựng chuẩn quốc gia chung cho sản phẩm trong ngành.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Định hướng chiến lược kinh doanh:

THỐNG NHẤT THỊ TRƯỜNG - LINH HOẠT CHÍNH SÁCH

Tập trung phát triển các hoạt động đầu thầu tại các dự án, công trình thông qua các nhà phân phối lớn và bộ phận phụ trách khách hàng dự án với thế mạnh là các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hợp lý và linh hoạt trong chính sách bán hàng. Bên cạnh đó, Chủ động hợp tác bằng hình thức liên minh, liên kết với các nhà sản xuất nhóm hàng vật liệu xây dựng, các đơn vị tư vấn, thiết kế, thi công cấp thoát nước, các nhà đầu tư địa ốc và cơ sở hạ tầng, các nhà thầu xây dựng để tạo ra chuỗi liên kết ổn định và vững mạnh.

Định hướng phát triển thị trường:

TẬP TRUNG NỘI ĐỊA - ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU

Nhựa Bình Minh hiện đang là một trong những công ty chiếm thị phần lớn tại Việt Nam. Trong tương lai, thị trường nội địa vẫn được định hướng là thị trường chủ lực cho các chủng loại sản phẩm của Công ty, mặc dù không có ưu thế về xuất khẩu do chi phí vận chuyển lớn nhưng khả năng tham gia vào các thị trường khu vực lân cận, đặc biệt là khu vực các nước Đông Dương, là hoàn toàn có thể. Do vậy, trong các kế hoạch tác nghiệp của mình, Nhựa Bình Minh đang chủ động tăng cường các hoạt động tìm hiểu, đánh giá

và từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường lân cận trong khu vực dưới các hình thức thương mại, hợp tác kinh doanh hoặc đầu tư.

Định hướng chiến lược phát triển thương hiệu và truyền thông:

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA - HƯỚNG RA KHU VỰC

Khẳng định giá trị thương hiệu uy tín trên thị trường, chú trọng vào việc bảo vệ và quảng bá thương hiệu dưới nhiều hình thức, đặc biệt thông qua những chương trình thương hiệu lớn quy mô quốc gia và khu vực. Đồng thời, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu thống nhất và đa dạng hóa hoạt động truyền thông tiếp thị, trong đó chú trọng đến vai trò của truyền thông mạng, truyền thông định hướng cộng đồng và truyền thông định hướng môi trường.

Định hướng chiến lược đầu tư:

THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Giữ vững vai trò tiên phong trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới, khẳng định chiến lược đầu tư thiết bị tiên tiến để ổn định chất lượng sản phẩm, hiện đại hóa và kiểm soát tốt quá trình sản xuất. Đồng thời, khai thác ưu thế về tuổi thọ lớn của thiết bị. Nâng cao năng lực tổ chức và đẩy mạnh



hoạt động nghiên cứu phát triển, cập nhật liên tục và nhanh chóng những thông tin liên quan đến ngành, thông tin thị trường cả ở phạm vi trong nước và quốc tế để chủ động phát triển sản phẩm mới và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và trong tương lai.

Định hướng về tổ chức và mô hình quản trị:

QUY MÔ PHÙ HỢP - QUẢN TRỊ TIÊN TIẾN

Cấu trúc tổ chức Công ty và mô hình quản trị sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy mô phát triển theo từng giai đoạn, quy hoạch



và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cả nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển. Ứng dụng và không ngừng hoàn thiện những mô hình và công cụ quản lý tiên tiến để đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

Định hướng về chiến lược quản trị tài chính:

MINH BẠCH THÔNG TIN - NGĂN NGỪA RỦI RO

Tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính trong ngắn hạn, đồng thời hướng đến việc phát triển bền vững trong dài hạn của

Công ty trên cơ sở “cân bằng” và “hài hòa lợi ích” với sự đồng thuận cao giữa khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng. Ứng dụng công nghệ thông tin để chủ động trong việc hoạch định, quản trị, khai thác thông tin tài chính và kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro.

Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế:

CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG - HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

Với việc hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC) trong năm 2015 và Việt Nam tham gia các hiệp định về hợp tác thương mại tự do khác, xu hướng và áp lực cạnh tranh đã vào đến “cửa” đối

với các doanh nghiệp nói chung và Nhựa Bình Minh nói riêng. So sánh với các nhà sản xuất sản phẩm cùng loại trong khu vực Asean, Công ty hoàn toàn tự tin về khả năng cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, năng lực công nghệ, năng suất lao động và hoạt động quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn đòi hỏi Công ty phải tăng cường sự hiểu biết hơn nữa về môi trường kinh doanh quốc tế, những cơ hội và thách thức của một môi trường kinh doanh mang tính hội nhập với các nước trong khu vực và toàn cầu thông qua các FTA mà Việt Nam đang tham gia để xây dựng những định hướng và giải pháp cạnh tranh phù hợp.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)



Định hướng về hoạt động môi trường, xã hội và cộng đồng:

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - CHIA SẺ CỘNG ĐỒNG

Hơn bao giờ hết, các mô hình doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng (CSR) đang được kêu gọi và thực hiện trên phạm vi toàn cầu. Việc áp dụng và tuân thủ nghiêm ngặt Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 đã thể hiện một ý thức cao của Công ty với cam kết “có trách nhiệm với tự nhiên, với cộng đồng và hướng đến phát triển bền vững”. Công ty đã trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức chính trị, xã hội tích cực tham gia đóng góp cho những hoạt động cộng đồng trên nhiều lĩnh vực trong suốt những năm qua và khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường sự đóng góp của Công ty vào hoạt động này trong tương lai.

Định hướng văn hóa công ty:

ĐỒNG THUẬN - CẦN TRỌNG - SÁNG TẠO - TIÊN PHONG

Văn hóa là giá trị nền tảng của doanh nghiệp, do đó để thực hiện được những định hướng chiến lược nêu trên, đòi hỏi phải định hình vị thế và những khả năng mà Công ty đạt được và không ngừng hoàn thiện văn hóa Công ty. Công ty khẳng định sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, cần trọng, hợp tác và gắn kết với sự sáng tạo, tinh thần sẵn sàng đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nội bộ và xây dựng môi trường làm việc thân thiện nhưng chuyên nghiệp. Tiếp tục xây dựng văn hóa Nhựa Bình Minh, đồng thời cải tiến hệ thống chính sách, nội quy, quy chế nội bộ và chăm lo, cải thiện cho đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty ngày càng tốt hơn.

Định hướng về phát triển bền vững:

HÀI HÒA LỢI ÍCH – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xu hướng về phát triển bền vững đã trở thành định hướng trong chiến lược của Công ty phù hợp với trào lưu phát triển chung của thế giới. Công ty xác định nhu cầu phát triển bền vững không chỉ liên quan đến những phạm vi lớn như bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, chia sẻ cộng đồng mà cả trong chiến lược phát triển nội bộ Công ty. Những định hướng phát triển bền vững đòi hỏi sự “cân bằng” trong các chỉ tiêu phát triển như tăng trưởng thị phần để duy trì sự tồn tại lâu dài của Công ty, tăng trưởng lợi nhuận để thỏa mãn mục tiêu của cổ đông và tăng trưởng thu nhập, phúc lợi vì lợi ích và sự gắn bó của người lao động.

NỀN TẢNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Nhựa Bình Minh là đơn vị nổi tiếng hàng đầu chuyên sản xuất ống nhựa tại Việt Nam, chiếm thị phần vào khoảng 50% tại miền Nam và 25% trên cả nước. Doanh nghiệp hiện đã có bốn nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 130.000 tấn sản phẩm/năm, hoàn toàn đáp ứng được cho nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài.

Sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành vừa là động lực vừa là thách thức trong việc lựa chọn phân khúc sản phẩm và thị trường sao cho đạt được yêu cầu phát triển, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng nhưng phải đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

NĂNG LỰC TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

Nguồn lực cho việc triển khai chiến lược:

Đảm bảo nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các chiến lược từ nguồn lợi nhuận để lại, nguồn vốn tín dụng các ngân hàng sẵn sàng cung ứng do uy tín vốn có của Nhựa Bình Minh, nguồn vốn do phát hành cổ phiếu, trái phiếu khi cần thiết.

Nguồn nhân lực có chất lượng tương đối cao với gần 100% người lao động tốt nghiệp phổ thông trung học, trong đó có trên 20% có trình độ trung cấp, cao đẳng và gần 20% có trình độ đại học, trên đại học.

Cách thức sắp xếp và sử dụng các nguồn lực và tài sản:

Căn cứ vào tình hình phát triển thị trường mà điều chỉnh mức phân bổ các nguồn lực cho phù hợp tại các nhà máy miền Nam và miền Bắc.

Nâng cao chất lượng nhân lực phía Nam, áp dụng chính sách biệt phái thời gian đầu tại phía Bắc, tuyển dụng và đào tạo thay thế trong thời gian sau.



Nhựa Bình Minh nhất quán trong định hướng chiến lược, trong việc sử dụng các nguồn lực tạo nên mối đoàn kết thống nhất vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài

của doanh nghiệp, đó là năng lực cạnh tranh cốt lõi và lợi thế cạnh tranh chủ đạo của doanh nghiệp cho việc triển khai chiến lược kinh doanh.

PHÂN TÍCH SWOT



STRENGTHS: ĐIỂM MẠNH

- S1:** Thương hiệu có vị thế dẫn đầu. Sản phẩm được định vị ở phân khúc chất lượng cao, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.
- S2:** Quy mô sản xuất lớn. Thiết bị công nghệ hiện đại. Hiệu quả sản xuất cao.
- S3:** Khả năng tài chính lớn, đầu tư thu hồi vốn nhanh.
- S4:** Mạng lưới phân phối rộng, đặc biệt tại khu vực miền Nam, tổ chức chặt chẽ, gắn bó.
- S5:** Có mối quan hệ tốt đẹp với nhà cung ứng, khách hàng, hệ thống phân phối.
- S6:** Văn hóa Công ty mạnh: Người lao động đoàn kết, nhiệt tình và gắn bó với Công ty.

WEAKNESSES: ĐIỂM YẾU

- W1:** Sản phẩm chưa đa dạng theo nhu cầu thị trường, đặc biệt là phụ tùng ống lớn công trình. Việc đầu tư sản phẩm mới còn chậm.
- W2:** Giá bán ở mức cao. Chiết khấu thấp, làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- W3:** Hệ thống phân phối chưa đồng đều. Đặc biệt ở khu vực miền Trung và miền Bắc.
- W4:** Nguồn nhân lực quản lý luôn ở mức quá tải. Nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng khó tuyển dụng.





OPPORTUNITIES: CƠ HỘI

- O1:** Nhu cầu thị trường cao: Thị trường bất động sản tiếp tục phát triển, nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng. Tốc độ tăng trưởng xây dựng 9,7%/năm.
- O2:** Môi trường đầu tư ngày càng cải thiện. Các hiệp định được ký kết mở ra nhiều cơ hội lớn cho việc hội nhập và phát triển.
- O3:** Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.
- O4:** Kinh tế ngày càng phát triển: Mức sống và trình độ của người dân cao hơn, đòi hỏi sản phẩm chất lượng tốt hơn.

THREATS: THÁCH THỨC

- T1:** Cạnh tranh trong nước khốc liệt, nhiều đơn vị đầu tư sản xuất mặt hàng cùng loại, sự xâm nhập hàng hóa của các nước trong khu vực AEC.
- T2:** Bong bóng bất động sản. Bão hòa thị trường sản phẩm ống nhựa.
- T3:** Giá cước vận tải, giá xăng dầu tăng, giá nguyên liệu không ổn định, có chiều hướng gia tăng.
- T4:** Tình trạng hàng gian, hàng giả còn nhiều.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



CHẤT LƯỢNG CÔNG NGHỆ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Nhựa Bình Minh luôn tiên phong trong việc áp dụng công nghệ sản xuất mới nhất nhằm mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng vượt trội theo tiêu chuẩn Quốc tế.





THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NGÀNH NHỰA VẬT LIỆU XÂY DỰNG NĂM 2017

BỐI CẢNH KINH DOANH

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, tính tới thời điểm năm 2017 chỉ số tiêu thụ nhựa bình quân đầu người của Việt Nam đã có sự tăng trưởng tốt, đạt mức 43 kg/người/năm, tăng gần 25% so với năm 2010 (33 kg/người/năm). Tuy vậy, mức tăng trưởng này còn khá thấp so với mức bình quân của châu Á là 48kg/người/năm và của thế giới là 70kg/người/năm, nên tiềm năng của ngành nhựa Việt Nam trong giai đoạn này còn rất lớn.

Việt Nam đã và đang trong tiến trình gia nhập với các hiệp định thương mại tự do được ký kết và thực thi đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường, đổi mới thiết bị, nâng cấp công nghệ, tăng cường quy mô sản xuất từ làn sóng đầu tư và liên doanh với nước ngoài.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp hóa dầu trong nước chưa phát triển dẫn đến nguồn cung ứng nguyên liệu còn thiếu nên đa số các doanh nghiệp nhựa phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó, nguyên liệu nhựa PE, PP vẫn là các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất. Năm 2017, do ảnh hưởng từ nhiều yếu tố của thị trường Trung Quốc, biến động tại Trung Đông, đặc biệt là giá dầu tăng, giá nguyên vật liệu diễn biến khó lường, dẫn đến hiệu quả sản xuất chung của các doanh nghiệp ngành nhựa giảm sút so với năm 2016 và các năm trước.



Nhựa vật liệu xây dựng chiếm khoảng 18,2% tổng thị phần ngành nhựa Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng 15-20%/năm trong những năm vừa qua, các nguyên nhân chính là xu hướng đô thị hoá ngày càng tăng cùng với đó là nhu cầu cải tạo nhà ở tại các khu đô thị. Theo thống kê của Bộ Xây dựng, Việt Nam là quốc gia có mức độ đô thị hóa tăng trưởng hàng năm trên 30% trong 5 năm qua. Sự tăng lên nhanh chóng của tầng lớp trung lưu cũng dẫn đến nhu cầu cao về nhà ở mới và nhu cầu cải tạo nhà ở. Điều này là cơ sở cho sự phát triển dài hạn của ngành nhựa vật liệu xây dựng trong thời gian tới.

Cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu nhà ở, thu nhập bình quân đầu người gia tăng, mặt bằng lãi suất thấp khiến tỷ lệ chi tiêu gia tăng và đặc biệt là nhu cầu nhà ở phân khúc bình dân

hiện vẫn ở mức cao sẽ làm động lực tăng trưởng cho xây dựng dân dụng và cùng với đó là nhựa vật liệu xây dựng, do vật liệu nhựa giúp tiết kiệm chi phí thi công đáng kể.

Theo báo cáo của BMI, trong năm 2017, tăng trưởng thực của ngành xây dựng hạ tầng đã đạt 6,7%, mức cao nhất trong 3 phân khúc xây dựng. Thị trường bất động sản đang hồi phục, nhu cầu xây dựng nhà ở và hạ tầng gia tăng với nhiều dự án có quy mô lớn và vốn đầu tư cao, đặc biệt là các dự án về xây dựng nhà xưởng và cơ sở hạ tầng phục vụ công nghiệp, hạ tầng giao thông, nâng cấp đường bộ...

Năm 2017, sức mua của thị trường vẫn được duy trì, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chung của ngành nhựa vật liệu xây dựng chỉ đạt 10%, nguyên nhân chính là do chậm giải

ngân vốn đầu tư công, chính phủ kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay để đầu tư cơ sở hạ tầng. Phân khúc nhà dân dụng có tốc độ tăng trưởng tốt vào đầu năm, tuy nhiên cuối năm đã tăng trưởng chậm lại do có sự siết chặt quản lý của kinh doanh bất động sản và do tâm lý lo ngại khả năng dư thừa nguồn cung trong tương lai.

Các doanh nghiệp khác ngành cũng đầu tư vào ngành nhựa vật liệu xây dựng do tỷ suất lợi nhuận trong các năm trước đây cao. Các đơn vị ngành ống nhựa đầu tư ồ ạt với qui mô lớn, tăng cường hoạt động quảng cáo với chi phí lớn, khuyến mãi với chiết khấu cao để xâm nhập thị trường. Tình trạng này dẫn đến nguồn cung tăng lên rất nhanh, trong khi nhu cầu thị trường không tăng nhanh bằng, dẫn đến bão hòa và dư thừa nguồn cung trong ngắn hạn. Hiện tại Việt Nam có khoảng 200 doanh nghiệp trong mảng ống nhựa và vật liệu xây dựng.

Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về chất lượng và thị trường còn rất bất cập và thiếu hiệu quả. Việc xử lý thiếu triệt để các vụ việc hàng giả, hàng nhái của cơ quan quản lý nhà nước gây ảnh hưởng rất lớn đến uy tín thương hiệu của các đơn vị làm ăn chân chính.

VỊ THẾ CỦA CÔNG TY

Tuy thị trường ngành ống nhựa tại Việt Nam đang cạnh tranh vô cùng gay gắt nhưng Nhựa Bình Minh vẫn

“Nhựa Bình Minh vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt trong những năm vừa qua. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trong 5 năm gần nhất của BMP đạt mức 16%/năm.”



giữ được đà tăng trưởng tốt trong những năm vừa qua. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trong 5 năm gần nhất của BMP đạt mức 16%/năm. Với lợi thế là thương hiệu được nhiều người tiêu dùng yêu mến, sản phẩm được định vị ở phân khúc chất lượng cao, có hệ thống phân phối rộng khắp, Nhựa Bình Minh luôn khẳng định vị trí và vai trò dẫn đầu trong ngành nhựa xây dựng tại Việt Nam.

Với tiềm lực tài chính mạnh, lượng tiền dồi dào, Nhựa Bình Minh hầu như không sử dụng nợ vay để đầu

tư mở rộng các nhà máy. Trong năm 2017, Nhựa Bình Minh tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư trên 600 tỷ đồng để nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng mạng lưới kinh doanh đáp ứng hàng hóa đầy đủ cho thị trường.

Đặc biệt trong năm 2017, Nhựa Bình Minh đã sản xuất và tiêu thụ hơn 94 nghìn tấn sản phẩm nhựa các loại, đạt mức tăng trưởng 15% so với năm 2016. Tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu với 50% thị phần tại thị trường miền Nam và 25% thị phần trong cả nước.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017



Năm 2017 là năm rất khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qui mô Công ty đã mở rộng thêm nhưng nguồn nhân lực quản lý chưa tăng kịp nhu cầu phát triển. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã có những giải pháp, quyết sách kịp thời giúp giữ vững nhịp tăng trưởng của Công ty, cụ thể là:

- Công ty áp dụng chính sách bán hàng mới tăng chiết khấu cơ bản từ ngày 20/3/2017. Chính sách kinh doanh linh hoạt hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm với các thương hiệu khác.
- Tăng cường các chương trình truyền thông khuyến mãi một cách hiệu quả nhân dịp Lễ Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty với chương trình “40 năm ưu đãi chiết khấu” và chuỗi Hội thảo ra mắt dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R. Khẳng định giá trị thương hiệu, uy tín chất lượng và cũng là dịp tri ân đối với khách hàng đã gắn bó với thương hiệu Nhựa Bình Minh.
- Quyết liệt đầu tư nhanh thiết bị nhà xưởng nên đã cơ bản giải quyết tình trạng thiếu hàng, cả ống và phụ tùng. Đưa vào sử dụng kho Long An, tăng cường hoạt động tại kho Đà Nẵng giúp tăng thêm năng lực dự trữ, bán hàng đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng.
- Hỗ trợ hệ thống phân phối tăng thêm năng lực cạnh tranh để vào các dự án, công trình. Duy trì hoạt động kinh doanh ổn định của hệ thống phân phối và mở rộng mạng lưới tiêu thụ thêm gần 10% nhằm đưa hàng nhanh nhất đến người tiêu dùng.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %	
				2017	2016	2017/KH	2017/2016
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.050	4.057	3.678	100,2	110,3
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	90.000	94.110	82.052	104,6	114,7
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	700	583	784	83,3	74,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	560	465	627	83	74,2

Nhờ vậy Công ty đã hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và đạt mức tăng trưởng 10% so với năm 2016, sản lượng tiêu thụ tăng gần 15% so với năm 2016 góp phần giữ vững thị phần và vị thế của Công ty.

Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế thực hiện chỉ đạt 83% so với kế hoạch và chỉ bằng 74,2% so với năm 2016. Các nguyên nhân chính dẫn đến kết quả trên là do giá nguyên liệu chính của Công ty tăng bình quân 8,2% so với năm 2016, mà Công ty không tăng giá bán sản phẩm.

Thêm vào đó, trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đơn vị cùng ngành thông qua việc gia tăng chiết khấu bán hàng, Công ty phải điều chỉnh tăng thêm 4% chiết khấu từ ngày 20/3/2017. Chính các điều này dẫn đến tỷ suất lợi nhuận năm 2017 không còn cao như các năm trước.



PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



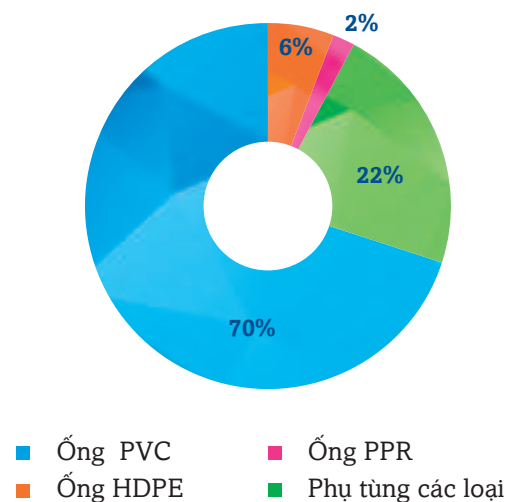
Cơ cấu doanh thu

Tổng doanh thu 4.057 tỷ, đạt 100,2% so với kế hoạch đặt ra đầu năm 2017

Tiếp bước đà tăng trưởng doanh thu năm 2016, năm 2017, doanh thu của BMP đạt 4.057 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2016. Công ty tiếp tục tập trung phát triển năng lực cốt lõi của mình là sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm ống nhựa (chiếm 93,8% tổng doanh thu) trên cơ sở tăng sản lượng các sản phẩm hiện hành và phát triển dòng sản phẩm phụ tùng ống PP-R mới với nhiều tính năng ưu việt, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Nhìn chung, với việc nắm bắt kịp thời tình hình thị trường năm 2017 và đưa ra những biện pháp, kế hoạch đúng đắn đã giúp BMP đạt mục tiêu về doanh thu đầu năm do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong cơ cấu doanh thu sản phẩm năm 2017 do BMP sản xuất, chủ yếu là ống PVC-U chiếm tỷ trọng 70%. Điểm nổi bật trong cơ cấu dòng sản phẩm của BMP năm nay là sự phát triển dòng ống và phụ tùng PP-R với những tính năng ưu việt và chính thức đưa ra thị trường từ tháng 11 năm 2017.

CƠ CẤU DOANH THU SẢN PHẨM BMP SẢN XUẤT NĂM 2017



Bất chấp những khó khăn chung của ngành nhựa nói chung và nhựa xây dựng nói riêng, kết thúc năm tài chính 2017, Nhựa Bình Minh vẫn đạt chỉ tiêu doanh thu đề ra, cụ thể.

Doanh thu 4.057 tỷ, đạt 100,2% kế hoạch năm 2017

Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 83,3% so với kế hoạch năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do giá vốn tăng cao cùng với sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ trong ngành, đặc biệt là sự gia tăng mạnh mẽ của các thương hiệu mới gia nhập như Hoa Sen hay Tân Á Đại Thành đã ảnh hưởng đáng kể đến thị phần của BMP tại miền Nam.

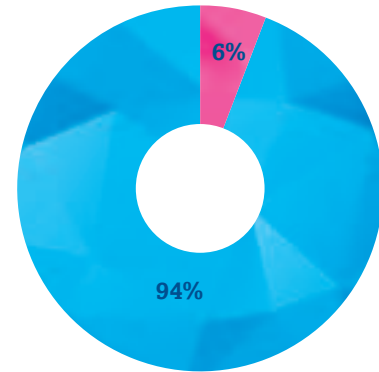
Cơ cấu doanh thu

Năm 2017, cơ cấu doanh thu của BMP chiếm 94% doanh thu là hàng BMP sản xuất. Điều này cho thấy cho đến thời điểm này BMP vẫn tập trung phát triển năng lực cốt lõi của mình.

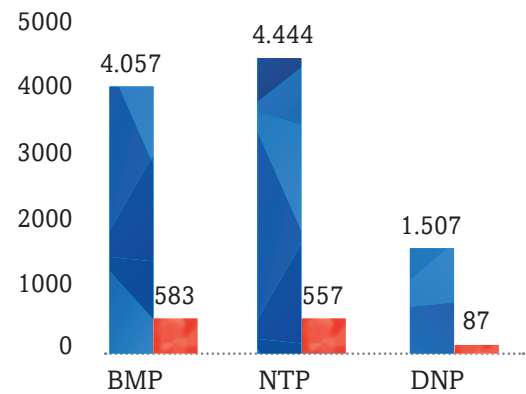
Trong cơ cấu doanh thu sản phẩm năm 2017 do BMP sản xuất, chiếm tỷ trọng chủ yếu 70% là ống PVC-U.

Doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp nhựa xây dựng năm 2017

Có thể thấy thị phần ngành này vẫn tập trung vào hai doanh nghiệp là BMP và NTP. Mặc dù doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của BMP thấp hơn NTP nhưng lợi nhuận của BMP lại tốt hơn NTP. Trong bối cảnh sắp tới, sự cạnh tranh này sẽ ngày càng khốc liệt hơn khi có sự xuất hiện của đơn vị Hoa Sen với chiến lược “chiết khấu khủng” để giành thị phần từ tay đối thủ. Với áp lực này, đòi hỏi sự đổi mới để phát triển của BMP ngày càng cao mới có thể giữ được vị thế của mình.



- Doanh thu hàng BMP sản xuất
- Doanh thu hàng hóa



- Doanh thu thuần
- Lợi nhuận trước thuế

CHỈ TIÊU	2013	2014	2015	2016	2017
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	70,2%	72,3%	68,1%	67,9%	75,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,3%	5,1%	4,5%	5,0%	3,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,2%	3,0%	3,4%	3,5%	3,3%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,8%	0,8%	1,1%	1,3%	2,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2013 - 2017

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)



Tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần của BMP tăng mạnh trong năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do giá vốn nguyên vật liệu tăng bình quân 11% so với năm 2016, đỉnh điểm giá nguyên liệu có lúc tăng đến 25,3%. Diễn biến giá nguyên liệu đã ảnh hưởng mạnh đến biên lợi nhuận từ 33% xuống 24%, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh của BMP.

Cấu trúc chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với doanh thu thuần của BMP nhìn chung không có nhiều thay đổi qua các năm. Các thành phần chi phí này chủ yếu đến từ chi phí tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi, hỗ trợ vận chuyển bán hàng nhằm đẩy mạnh doanh số, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Năm 2017 là năm mà BMP thực hiện quảng cáo rầm rộ nhằm gia tăng doanh số cũng như giới thiệu dòng sản phẩm mới phụ tùng PP-R đến tay người tiêu dùng.

Tỷ trọng chi phí tài chính so với doanh thu thuần tăng mạnh lên 2,6%. Nguyên nhân do BMP tăng tỷ lệ chiết khấu thanh toán ngay cho khách hàng nhằm thu hút dòng tiền, giảm rủi ro cho việc quản lý công nợ.

Cấu trúc chi phí của BMP so với các doanh nghiệp nhựa xây dựng niêm yết

CHỈ TIÊU	BMP	NTP	DNP	BÌNH QUÂN NGÀNH
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	75,9%	66,8%	80,8%	75,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,5%	17,6%	4,5%	8,7%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,3%	4,1%	8,7%	4,0%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	2,6%	1,7%	8,2%	2,9%

Nguồn: cafef.vn

Tỷ trọng chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí tài chính của BMP nằm dưới mức bình quân của các doanh nghiệp nhựa vật liệu xây dựng đang niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Có thể thấy sự khác biệt rất lớn giữa giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng giữa hai doanh nghiệp đầu ngành là BMP và NTP.

Điều này được lý giải là do chính sách kinh doanh khác nhau giữa hai doanh nghiệp mà tỷ lệ chi phí lại khác biệt nhau. Tuy nhiên, tính tổng chi phí so với doanh thu thì BMP quản lý chi phí tốt hơn, khiến lợi nhuận cao hơn.

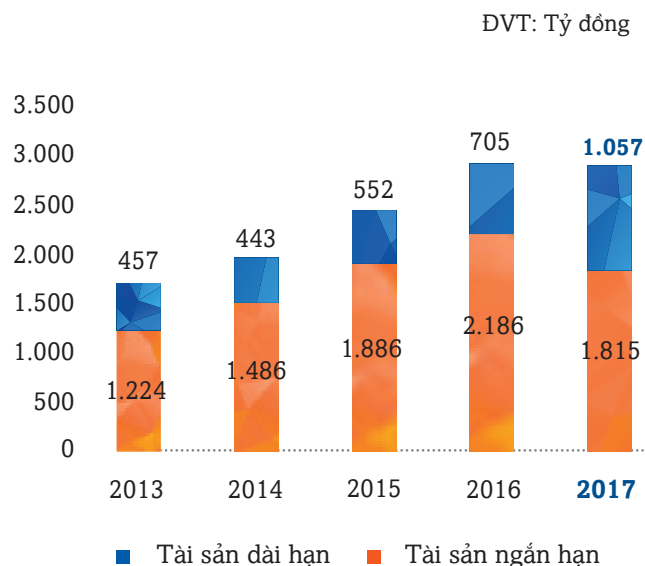
Phân tích tài sản nguồn vốn

CHỈ TIÊU	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.681	1.929	2.438	2.891	2.872
- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.224	1.486	1.886	2.186	1.815
- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	457	443	552	705	1.057
Nợ phải trả	Tỷ đồng	192	210	423	594	423
- Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	192	210	423	594	423
- Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.489	1.718	2.015	2.297	2.449

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán BMP giai đoạn 2013-2017

Tính đến 31/12/2017, tổng tài sản BMP đạt 2.872 tỷ đồng, xấp xỉ cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch từ tài sản ngắn hạn sang dài hạn. Đặc biệt, cơ cấu nguồn vốn với vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng cao qua các năm, là nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

CƠ CẤU TÀI SẢN



Cấu trúc tài sản ngắn hạn

Trong cơ cấu, tài sản ngắn hạn đã giảm từ 76% xuống còn 63% trong tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn giảm do hai khoản mục chủ yếu là nợ phải thu khách hàng giảm 25% và hàng tồn kho giảm 18%. Nguyên nhân do BMP đang khuyến khích khách hàng trả tiền ngay nhằm giảm thiểu rủi ro trong công tác thu hồi công nợ. Mặc dù điều này làm cho BMP phải gánh chịu khoản chi phí tài chính tăng nhưng đổi lại dòng tiền luân chuyển phục vụ hoạt động kinh doanh được thuận lợi, giúp BMP không gặp khó khăn cho nhu cầu chi tiêu đầu tư trong thời gian qua.

Ngoài ra, nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập, hàng loạt chính sách khuyến mãi, chiết khấu thêm nhằm mục đích kích cầu liên tục diễn ra làm cho hàng hóa luân chuyển nhanh, giá trị hàng tồn kho giảm so với cùng kỳ.

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)



Cấu trúc tài sản dài hạn

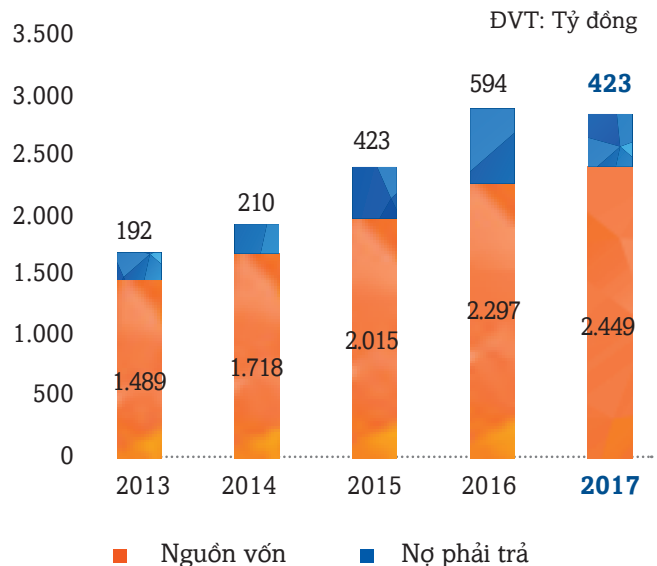
So với đầu năm, tài sản cố định tăng gần 350 tỷ. Sự thay đổi này đến từ việc đầu tư giai đoạn II Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhân dịp Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty, nâng công suất lên 130.000 tấn/năm. Dự án quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP cũng đã đưa vào vận hành làm cho tài sản dài hạn tăng lên đáng kể.

Với tham vọng mở rộng thị trường, Công ty đã tích cực triển khai kế hoạch đầu tư gia tăng công suất mạnh mẽ nằm trong chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2023. Tuy nhiên, trước sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc tăng sản lượng tiêu thụ để không bị ứ đọng nguồn cung là bài toán không hề dễ dàng đối với Công ty trong các năm tới đây.

Cấu trúc nguồn vốn

Trong cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Gần như toàn bộ tài sản được tài trợ hoàn toàn bằng vốn chủ, nợ phải trả chỉ chiếm tỷ trọng thấp. Điều này giúp Công ty tự chủ được hoạt động của mình, chưa cần đến nguồn tài trợ bên ngoài, thể hiện cơ cấu tài chính bền vững, lành mạnh của BMP. Năm 2017, BMP đã tăng vốn điều lệ lên 819 tỷ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 80% cho cổ đông hiện hữu, gia tăng tính thanh khoản cổ phiếu BMP trên thị trường, đồng thời khẳng định vị thế doanh nghiệp hàng đầu ngành nhựa Việt Nam.

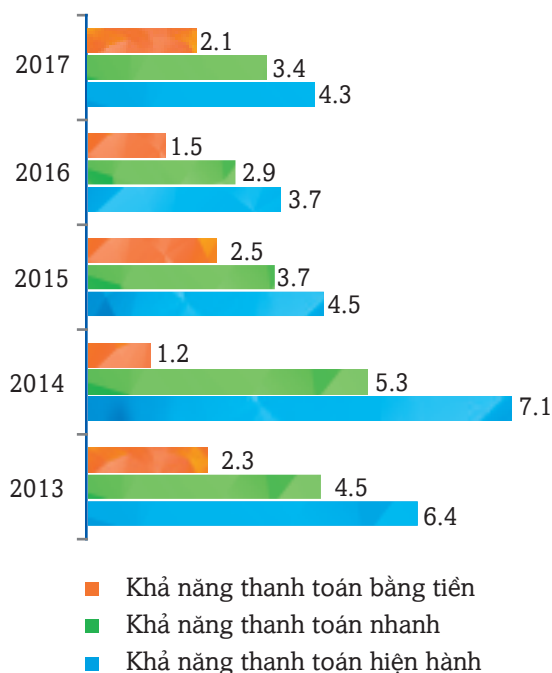
CẤU TRÚC NGUỒN VỐN



Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của BMP luôn ở mức cao và tương đối ổn định qua các năm gần đây. Tại ngày cuối năm 2017, một đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng 4,3 đồng tài sản bảo đảm cho việc thanh toán. Cho đến thời điểm này, BMP vẫn không sử dụng vốn vay, dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh không những đáp ứng nhu cầu hoạt động bình thường mà còn đủ bù đắp cho nhu cầu đầu tư, chưa cần sử dụng vốn bên ngoài. Với lợi thế về khả năng thanh toán này, BMP đã tận dụng để mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp với giá ưu đãi, giảm chi phí đầu vào, cải thiện lợi nhuận hoạt động kinh doanh.

KHẢ NĂNG THANH TOÁN BMP 2013 - 2017



Năng lực hoạt động

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2013	2014	2015	2016	2017
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	52	45	42	45	39
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,2	4,7	5,4	5,6	6,8
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	13	12	15	18	19
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,3	1,3	1,3	1,2	1,3
Vòng quay tài sản cố định	Lần	8,3	11,1	11,1	7,2	4,9

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2013 - 2017

Với chính sách tăng tỷ lệ chiết khấu thanh toán ngay để thu hút dòng tiền từ khách hàng, giảm rủi ro nợ xấu đã làm cho kỳ thu tiền bình quân thời điểm cuối năm 2017 còn 39 ngày, giảm 6 ngày so với năm 2016.

Kỳ trả tiền bình quân giữ tương đối ổn định qua các năm. Nguyên nhân do năng lực tài chính luôn đáp ứng nhu cầu thanh toán, nhằm tận dụng những lợi thế để mua được hàng giá tốt, tiết kiệm bớt chi phí đầu vào.

Với những kế hoạch tăng tỷ lệ chiết khấu, chương trình ưu đãi được đặt ra trong năm 2017, đã làm cho doanh thu của BMP vượt ngưỡng bốn ngàn tỷ đồng. Điều này, đã làm hàng tồn kho được luân chuyển nhanh hơn, quá trình lưu kho được rút ngắn 11 ngày.

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	MÔ TẢ	2013	2014	2015	2016	2017
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu thuần (1)	Tỷ suất lợi nhuận ròng biên	17,8%	15,6%	18,6%	19,0%	12,1%
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (2)	Hiệu suất sử dụng tài sản	1,3	1,3	1,28	1,24	1,33
Tổng tài sản bình quân/ Vốn chủ bình quân (3)	Hệ số đòn bẩy tài chính	1,1	1,1	1,17	1,24	1,21
ROA = (1)*(2)	Khả năng sinh lời trên tổng tài sản	23,9%	20,9%	23,8%	23,5%	16,1%
ROE = ROA* (3)	Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu	26,8%	23,5%	27,8%	29,1%	19,6%

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2013 - 2017

Suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) năm 2017 đạt 16,1%, tỷ lệ này thấp hơn so với các năm trước. Trong bối cảnh giá hạt nhựa tăng cao cùng với cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác, nhằm giữ vững thị phần, BMP đã tăng mức chiết khấu nên thêm 4% vào tháng 3/2017 và hàng loạt các đợt ưu đãi chiết khấu khác nhân Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty đã gây ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận cả năm.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2017, Công ty đã nỗ lực hết sức để hoàn thành kế hoạch doanh số do Đại hội đồng cổ đông giao phó. Song do chi phí giá vốn và chi phí tài chính đã làm cho lãi ròng giảm 26% còn 465 tỷ đồng nên suất sinh lời trên vốn chủ ROE năm 2017 chỉ còn 19,6%, giảm 9,5% so với năm trước. Trước chiến lược “chiết khấu khủng”, sự bất cần lợi nhuận của đối thủ đã làm cho BMP không thể giữ được phong độ trước kia. Kết quả này như một cột mốc giảm tốc sau một chặng đường dài tăng trưởng mạnh.

Dù không thể hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận, nhưng những gì BMP đã nỗ lực là không thể phủ nhận. Các kết quả đạt được là khá toàn diện, đều khắp trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, quản trị của Công ty. Công ty đã có những bước đi đúng đắn nhằm tiếp tục chiếm lĩnh và phát triển thị phần của mình. BMP vẫn không mất đi vị thế là doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Và trên hết, Văn hoá Công ty tiếp tục phát huy tác dụng, thể hiện trên tinh thần đoàn kết, tận tâm với công việc, vì mục tiêu chung. BMP vẫn sẽ nỗ lực hết mình, không ngừng cải tiến, ứng dụng



những quy trình quản lý hiện đại vào quản trị doanh nghiệp nhằm tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường. Xây dựng mạng lưới tiêu thụ rộng khắp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và người lao động, tối đa hóa giá trị của mình. Đây chính là tiền đề để Công ty đạt được những kết quả tốt hơn trong tương lai.



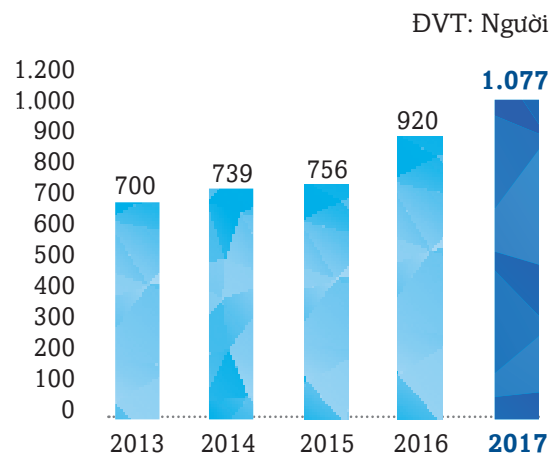
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Số lượng nhân sự

Để tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của thị trường, trong năm 2017, nguồn nhân lực BMP đã tuyển mới 238 người chủ yếu là các kỹ sư trẻ và lực lượng công nhân có trình độ. Nâng số lao động bình quân trong năm lên 1.077 người, tăng hơn 17% so với năm 2016.

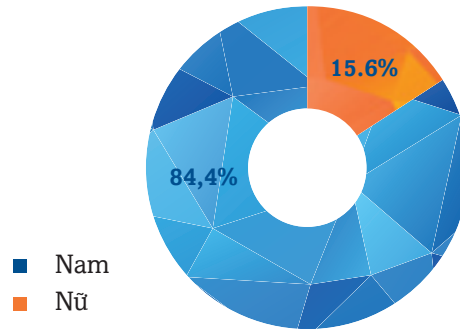
BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM



Cơ cấu nhân sự theo giới tính

Trong năm 2017 lao động nữ tăng 14,3%, lao động nam tăng 17,6% so với năm 2016. Tuy nhiên, điều này cũng không làm thay đổi nhiều cơ cấu của lực lượng lao động theo giới tính. Do yêu cầu của công việc nên lao động nam của BMP vẫn chiếm đa số trên tổng số lao động toàn Công ty. Đây cũng là đặc thù ngành nghề của các công ty sản xuất công nghiệp.

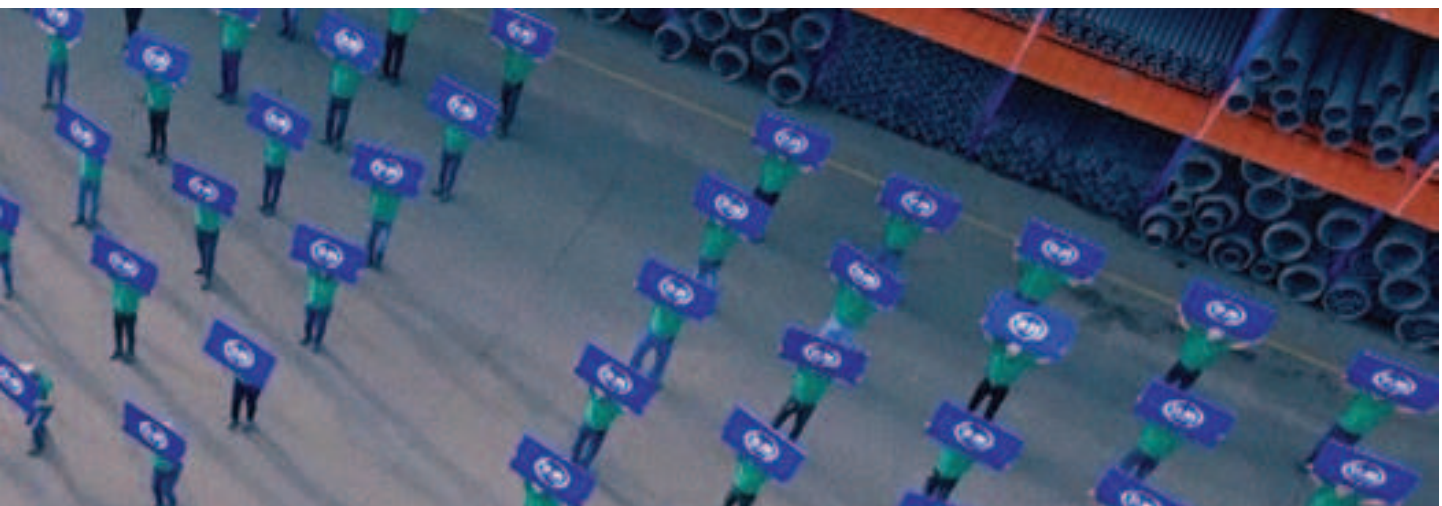
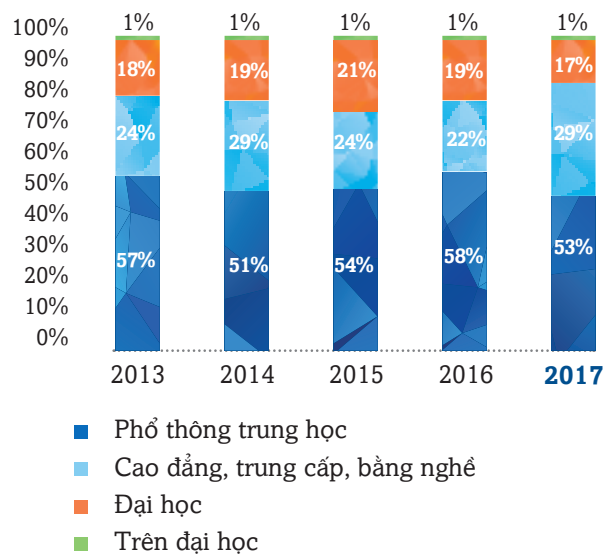
BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH



Cơ cấu nhân sự theo trình độ

Với định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năm 2017 nguồn nhân lực bổ sung phần lớn tập trung ở phân khúc lao động có trình độ. Tỷ lệ phân khúc lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng tại BMP tăng 7% so với năm 2016, nâng tỷ lệ lao động BMP có trình độ từ bằng nghề trở lên chiếm 47%. Việc tuyển dụng lao động có trình độ sẽ giúp người lao động nhanh chóng bắt kịp công việc, đồng thời giúp giảm chi phí và thời gian đào tạo nguồn lực.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

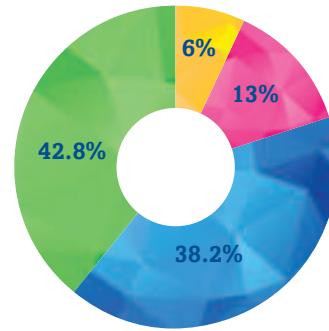
Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

Năm 2017, tỷ lệ lao động trên 50 tuổi của BMP giảm khoảng 1% và tỷ lệ lao động dưới 30 tuổi tăng lên 2%. Như vậy lực lượng lao động của BMP tập trung nhiều nhất ở độ tuổi từ 40 tuổi trở xuống. Đây cũng chính là độ tuổi mà người lao động đạt trình độ chuyên môn cao do có thời gian dài tích lũy kinh nghiệm thực tế, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của BMP trong giai đoạn sắp tới.

Cơ cấu nhân sự theo cấp quản lý

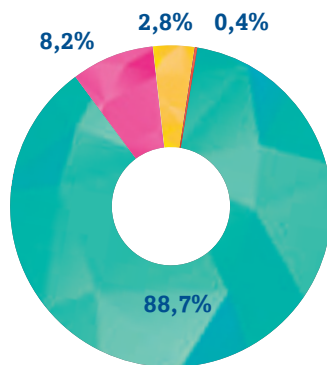
Năm 2017 số lượng cán bộ quản lý không thay đổi. Tuy nhiên, tỷ lệ cán bộ quản lý trong cơ cấu nhân sự giảm 2% so với năm 2016 là do 17% lao động tuyển mới đều là công nhân viên.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI



- Trên 50 tuổi
- Từ 41 đến 50 tuổi
- Từ 31 đến 40 tuổi
- Từ 30 tuổi trở xuống

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO CẤP QUẢN LÝ

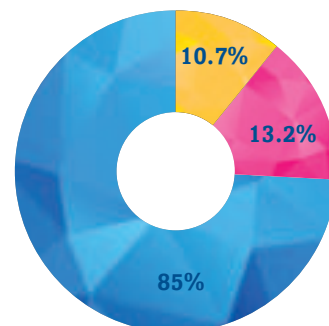


- Cán bộ quản lý cấp cao
- Cán bộ quản lý cấp trung
- Cán bộ quản lý cấp cơ sở
- Công nhân, nhân viên

Cơ cấu nhân sự theo chức năng

Trong năm 2017 Khối sản xuất chiếm tỷ lệ 85%, trên tổng nguồn lực tăng hơn 11% so với năm 2016, nguyên nhân chủ yếu do BMP mở rộng nhà xưởng sản xuất tại các nhà máy.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO KHỐI CHỨC NĂNG

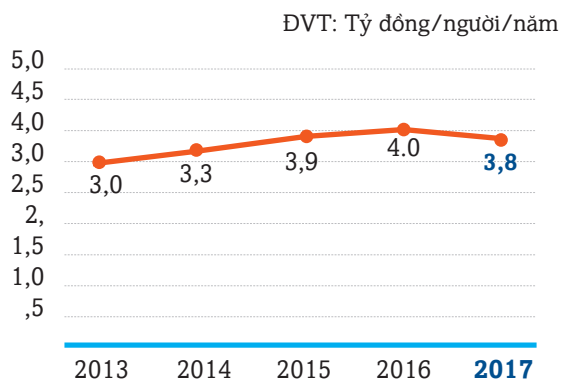


- Văn phòng
- Kinh doanh
- Sản xuất

Năng suất lao động

Năng suất lao động của năm 2017 giảm 5% so với năm 2016 do trong năm 2017 Công ty tuyển mới nhiều lao động, những lao động này vẫn đang trong giai đoạn đào tạo.

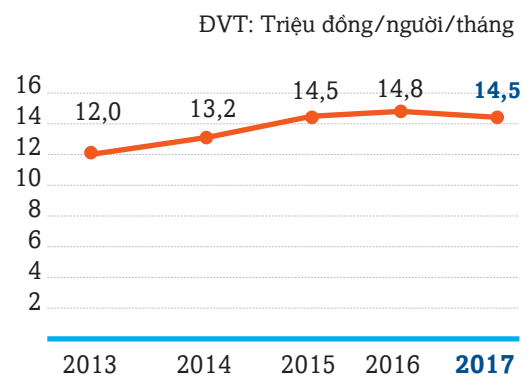
BIỂU ĐỒ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN



Lương của người lao động

Năm 2017 lao động BMP tăng 17%, những lao động này đang trong giai đoạn đào tạo có mức lương thấp nên đã kéo mức lương bình quân giảm 2% so với 2016.

BIỂU ĐỒ LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NLĐ





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NHÀ MÁY BÌNH MINH LONG AN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Ngay từ đầu năm 2017, Công ty đã có kế hoạch triển khai thành công dự án đầu tư xây dựng mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An và nâng cao năng lực sản xuất với tổng vốn đầu tư là 680 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện đầu tư với tổng giá trị 430 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng mới, phát triển sản phẩm mới và đầu tư thêm máy móc thiết bị, khuôn mẫu.

Nhờ có sự chuẩn bị tốt, các bộ phận triển khai quyết liệt trong năm 2017, Công ty đã đưa ra thị trường 02 nhóm sản phẩm mới là Phụ tùng ống nhựa PP-R dùng cho hệ thống ống nước nóng lạnh và Phụ tùng PVC-U cải tiến mới, đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng của người tiêu dùng.



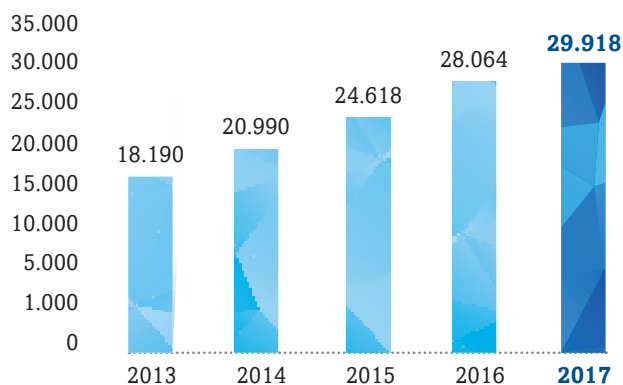
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU THEO SỔ SÁCH



BIỂU ĐỒ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH 1 CỔ PHIẾU
(SỐ LIỆU ĐÃ ĐƯỢC HỒI TỐ)

DVT: VND



Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ Công ty	818.609.380.000	đồng
Số lượng cổ phiếu	81.860.938	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.860.938	cổ phiếu
Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông	81.860.938	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	81.848.968	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	11.970	cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0	cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	đồng/cổ phiếu

Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu thưởng: Ngày 13/6/2017 phát hành: 36.382.458 cổ phiếu.

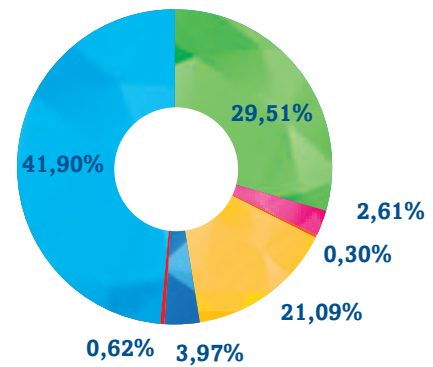
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 31/12/2017

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ %
Cổ đông Nhà nước	24.159.906	29,51%
Hội đồng Quản trị	2.137.836	2,61%
Ban Kiểm soát	242.091	0,30%
Cá nhân trong nước	17.264.931	21,09%
Tổ chức trong nước	3.252.688	3,97%
Cá nhân nước ngoài	505.865	0,62%
Tổ chức nước ngoài	34.297.621	41,90%
Tổng cộng	81.860.938	100%



BIỂU ĐỒ SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ



- Cổ đông Nhà nước
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài
- Tổ chức nước ngoài

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	LOẠI CỔ ĐÔNG		SỐ CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ
1	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước - Công Ty TNHH	Tổ chức	Trong nước	24.159.906	29,51%
Cộng cổ đông trong nước				24.159.906	29,51%
2	Franklin Templeton Investment Funds- Templeton Frontier Markets Fund	Tổ chức	Nước ngoài	7.262.672	8,87%
3	The Nawaplastic Industries (Saraburi) Co., Ltd.	Tổ chức	Nước ngoài	16.702.288	20,40%
Cộng cổ đông nước ngoài				23.964.960	29,28%
Cộng				48.124.866	58,79%

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 31/12/2017:

S TT	CỔ ĐÔNG	SỐ CP TRƯỚC GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU TRƯỚC GIAO DỊCH	LOẠI GIAO DỊCH	SỐ CP SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU SAU GIAO DỊCH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Franklin Templeton Investment Funds- Templeton Frontier Markets Fund	7.375.352	9,010%	Bán	7.262.672	8,87%	Năm 2017





NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2017 VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

NHỮNG TIẾN BỘ NỔI BẬT

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dù không tăng trưởng cao so với năm 2016 nhưng so sánh với mức độ tăng trưởng của các doanh nghiệp cùng ngành đó là một kết quả tốt.
- Kịp thời đầu tư và đưa vào khai thác rất hiệu quả mặt bằng sản xuất và kho bãi tại Nhựa Bình Minh Long An.
- Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị kịp thời để tăng cường năng lực sản xuất và đưa ra thị trường sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường và khách hàng.
- Phát triển mở rộng hệ thống phân phối và đặc biệt thực thi linh hoạt chính sách kinh doanh để duy trì sự ổn định của hệ thống phân phối hiện có.
- Hệ thống ERP được vận hành hoàn chỉnh và chuyển đổi thành công sang Phiên bản 2015 của các Hệ thống Quản trị chất lượng và Môi trường (QEMS) là một công cụ hữu ích cho việc nâng cao năng lực quản trị công ty.

NHỮNG THÁCH THỨC

- Việc phụ thuộc vào giá nguyên liệu có tác động rất lớn, nếu không muốn nói là quyết định, đến hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty.
- Thị trường nội địa có thêm những đối thủ cạnh tranh có qui mô lớn hơn, với nhiều hình thức cạnh tranh khốc liệt và thiếu lành mạnh.
- Với qui mô gia nhập ngành rất lớn của các nhà sản xuất khác trong nước hiện nay và hàng rào thuế quan có thể bị loại bỏ trong khu vực Đông Nam Á và châu Á, tình trạng cung vượt cầu đang là những đe dọa không nhỏ cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng bằng nhựa nói chung và Công ty nói riêng.
- Thách thức của nạn hàng giả, hàng nhái sản phẩm của Công ty không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế mà nguy hiểm hơn có thể làm xói mòn lòng tin của khách hàng và ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TY 2018



Định hướng hoạt động Công ty năm 2018 sẽ tập trung cho một số những hoạt động trọng tâm như sau:

- Duy trì và nâng cao thị phần.
- Tái cấu trúc hệ thống phân phối.
- Triển khai giải pháp quản lý quan hệ khách hàng CRM.
- Tổ chức Hội nghị khách hàng nhà phân phối 2018.
- Tái cấu trúc mô hình tổ chức & quản trị công ty.
- Xây dựng hệ thống tiền lương, thu nhập & đãi ngộ.
- Xây dựng chiến lược & thiết lập hệ thống quản trị rủi ro.
- Tăng cường hợp tác và quan hệ quốc tế.
- Đầu tư tự động hóa và hợp lý hóa sản xuất (sản phẩm, mặt bằng, thiết bị).
- Đẩy nhanh tốc độ phát triển sản phẩm mới.
- Qui hoạch và thiết kế tổ hợp văn phòng Công ty.
- Tổ chức hoạt động truyền thông về sản phẩm thân thiện môi trường.
- Tham gia Chương trình bình chọn Thương hiệu Quốc gia 2018.

“40 năm, Ban Lãnh đạo, toàn thể cán bộ công nhân viên và các bên liên quan đã tạo dựng nên một Nhựa Bình Minh hôm nay thành công rực rỡ và tràn đầy năng lượng bằng những bước đi thận trọng, chắc chắn.”

Bước qua cột mốc 40 năm, chúng ta đang bước vào một giai đoạn mới, cuộc chơi thị trường đang thách thức NHỰA BÌNH MINH phải tiếp tục chứng minh rằng những thành tựu đã đạt được trong quá khứ không phải là sự may mắn mà là thành quả của một quãng đường đầy nỗ lực và đáng tự hào.

Bối cảnh mới đang đặt ra cho chúng ta những thách thức đòi hỏi phải có những định hướng và giải pháp mới phù hợp với bối cảnh đó. Tuy nhiên, với niềm tin và sự tự tin với những gì chúng ta đã có, Tôi tin rằng tất cả chúng ta đã sẵn sàng vượt qua thách thức để viết tiếp những câu chuyện về tương lai tươi sáng của NHỰA BÌNH MINH.

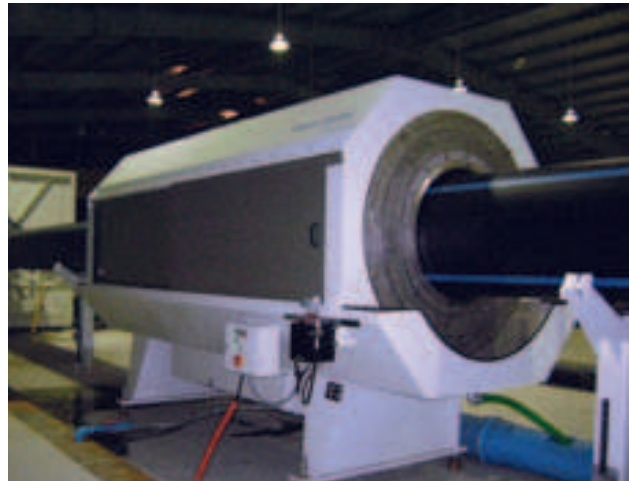


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)

S TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %
			2017	2016	2017/2016
1	Doanh thu	Tỷ đồng	369,2	444,6	83
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56,6	82,3	69

Năm 2017, cả doanh thu và lợi nhuận của NBM đều giảm so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu do sự cạnh tranh đến từ các nhà sản xuất cùng ngành nghề ngày càng trở nên khốc liệt. Thêm vào đó là sản lượng tiêu thụ và doanh thu hàng hóa của NBM bán vào thị trường miền Nam thông qua BMP cũng giảm sút. Việc xây dựng và phát triển Hệ thống phân phối nhằm thâm nhập thị trường bán lẻ tại khu vực phía Bắc cũng gặp nhiều khó khăn nên khó thúc đẩy gia tăng doanh số. Cùng với đó là giá nguyên vật liệu tăng đáng kể cũng làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của NBM giảm hơn so với năm trước.



Công ty CP Nhựa Đà Nẵng

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

S TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %
			2017	2016	2017/2016
1	Doanh thu	Tỷ đồng	63,8	67,4	94,7
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5	3,7	138

Năm 2017 doanh thu thuần là 63,8 tỷ đồng chỉ đạt 63,8% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 5 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch. Hoạt động kinh doanh của DPC trong năm 2017, chưa có gì khởi sắc. Tuy nhiên, nhờ vào việc DPC ký hợp đồng hợp tác thương mại, cho thuê mặt bằng và làm tổng kho của BMP tại khu vực miền Trung, nên lợi nhuận sau thuế tăng 87,3% so với năm 2016.

Với mục tiêu hợp tác phát triển, trong tương lai DPC sẽ tiếp tục đàm phán để tìm kiếm sự hợp tác kinh doanh toàn diện để có thể phát triển được thị trường, tăng nhanh doanh số nhằm tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt

Hiện công ty đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông để thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có sự khởi sắc, tác động đến mọi ngành nghề. Môi trường kinh doanh được mở rộng, kéo theo hoạt động đầu tư, giao thương kinh tế giữa các nước diễn ra sôi nổi. Điều này làm tăng nhu cầu cải thiện chất lượng cuộc sống của người tiêu dùng. Từ đó, ảnh hưởng tích cực đến các lĩnh vực sản xuất trong và ngoài nước đem lại tín hiệu khả quan cho nền kinh tế Việt Nam. Theo Tổng cục thống kê, năm 2017, nước ta đã đạt được những thành tựu ấn tượng:

- GDP đạt **6,81%**, vượt **1,64%** so với kế hoạch do Quốc hội đề ra đầu năm.
- Kim ngạch xuất khẩu đạt **213,77 tỷ USD, tăng 21,1%** so với năm trước.
- Kim ngạch nhập khẩu đạt **211,1 tỷ USD tăng 20,8%** so với năm trước .

Bên cạnh những tín hiệu khả quan như trên, năm qua nền kinh tế trong nước vẫn còn một số tồn tại như : Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường, các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ chưa cải thiện được khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Đầu tư công còn dàn trải, kém hiệu quả... Nhưng với cam kết mạnh mẽ của Chính phủ về kiến tạo và phát triển cũng đã góp phần tạo ra nhiều cơ hội lớn phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng cho các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.





“Cam kết mạnh mẽ của Chính phủ về kiến tạo và phát triển cũng đã góp phần tạo ra nhiều cơ hội lớn phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng cho các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.”



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả kinh doanh:

Bước vào năm 2017, cũng là năm kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty với những thành quả rất tốt của năm 2016, toàn Công ty đã rất phấn khởi và có những quyết tâm lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng Công ty đã đạt doanh thu 4.057 tỷ đồng tăng 10,3% so với năm 2016. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 465 tỷ đồng, giảm 25% so với năm 2016, một phần là do giá nguyên liệu tăng 8,2% so với năm 2016. Thị trường không thể chấp nhận việc giá thành phẩm ống nhựa tăng theo giá nguyên liệu. Sự cạnh tranh hầu như không có điểm dừng do việc đầu tư ồ ạt của những nhà sản xuất cùng ngành. Trong năm 2017, Công ty đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, phát triển thị phần, tung ra thị trường dòng sản phẩm phụ tùng PP-R mới, đồng thời tổ chức nhiều chuỗi hoạt động kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty khiến chi phí tăng mạnh. Có thể thấy rõ rằng sự liên hệ hữu cơ của những nguyên nhân trên đã khiến Công ty rất chật vật để có thể kết thúc năm 2017.

Năm 2017, với sự nỗ lực toàn thể Cán bộ công nhân viên và sự chỉ đạo sáng suốt của Ban Lãnh đạo, với chiến lược chú trọng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, sử dụng hàng tồn kho để giải quyết vấn đề. Mặc dù lợi nhuận không đạt kế hoạch là do nhiều nguyên nhân, cả khách quan lẫn chủ quan, nhưng kết quả trên thật sự là chưa xứng tầm trong năm đặc biệt kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty. Tuy nhiên, không thể phủ nhận sự cố gắng của tập thể Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV đã làm được như: Vừa tiếp tục xây dựng nhà xưởng, lắp ráp máy móc thiết bị mới, chấm dứt nạn thiếu hàng hóa, đưa được sản phẩm phụ tùng PP-R do chính Nhựa Bình Minh sản xuất, giữ vững được thị phần, áp dụng thành công hệ thống quản trị thông tin EPR. Công ty đã tham gia và đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất lần 2, bảo đảm được đời sống người lao động, bảo đảm vệ sinh môi trường, tích cực tham gia công tác xã hội... là những điểm sáng đáng ghi nhận của Công ty trong năm qua.



4.057

TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU
TĂNG

10,3%



Vị thế cạnh tranh:

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh là Công ty đầu ngành sản xuất ống nhựa các loại và đặc biệt là Công ty đầu tiên và duy nhất hiện nay sản xuất sản phẩm sạch, không chứa thành phần kim loại nặng, thân thiện với môi trường và an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng. Thị phần cung ứng sản phẩm trong thời gian qua không ngừng được mở rộng và phát triển không chỉ chiều rộng mà còn cả chiều sâu (đa dạng hóa sản phẩm). Ngoài ra, những tín hiệu tích cực từ thị trường đã tạo cơ hội cho Công ty đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nâng cấp thiết bị máy móc, kiểm soát sản lượng sản xuất phù hợp với tình hình thị trường và mục tiêu của Công ty. Điều này đã đóng góp lớn vào việc nâng cao vị thế và uy tín vững chắc trên thị trường Việt Nam.

Công tác quản lý:

Việc áp dụng thành công Hệ thống Quản trị tổng thể nguồn lực doanh nghiệp ERP đã đưa công tác quản lý lên một tầm cao mới. Giúp BMP có thông tin nhanh chóng, đồng nhất, minh bạch, kiểm soát số liệu kế toán một cách chính xác từ các Chi nhánh, Nhà máy và các công ty thành viên, hỗ trợ việc ra quyết định nhanh chóng, mọi lúc mọi nơi. Công ty tiếp tục tăng cường công tác đầu tư nâng cấp và bảo trì định kỳ hệ thống máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại các đơn vị sản xuất, trong đó chú trọng kiểm soát chất lượng, định mức sản xuất, cải tiến quy trình và an toàn vệ sinh lao động. Thực hiện rà soát, xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty trong dài hạn nhằm hướng đến phát triển bền vững.

Công tác nhân sự:

Năm qua, Công ty đã đảm bảo được nguồn lực trong điều kiện tuyển dụng khó khăn, thực hiện đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực nâng cao tay nghề của đội ngũ lao động hiện có để đảm bảo sản xuất. Công ty luôn ghi nhận những ý kiến đóng góp vì lợi ích chung, thực thi trả lương cho người lao động

theo đúng quy định của pháp luật, tiến hành khen thưởng phù hợp cho những cống hiến đóng góp thực tế vào sự phát triển chung của Công ty. Đồng thời, hỗ trợ kịp thời người lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhằm giúp đỡ phần nào về mặt tinh thần và vật chất để họ yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2017:



“HĐQT vẫn có sự nhất quán với định hướng phát triển chung của Công ty, lấy chất lượng làm yếu tố trung tâm, giữ vững ngôi vị hàng đầu của Công ty trong ngành.”



Trong năm 2017 HĐQT đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình cụ thể :

- Tổ chức thành công và tuân thủ nghiêm túc Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2017, giám sát Ban Điều hành thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như chia cổ tức, mở room...
- Tạo mọi điều kiện cho thành viên HĐQT mới người nước ngoài tiếp cận, nắm bắt nhanh chóng tình hình Công ty, từ đó có sự thấu hiểu, đồng thuận trong mọi quyết định chung.
- Lắng nghe ý kiến của Tổng Giám đốc để đáp ứng những nhu cầu về nguồn nhân lực cấp cao, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên theo dõi, đốc thúc các Tiểu ban thuộc HĐQT hoạt động một cách nghiêm túc có hiệu quả. Trong năm đã có những cuộc tiếp xúc của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc với các cổ đông nhằm giải quyết những thắc mắc, kiến nghị của cổ đông một cách kịp thời.
- Chủ tịch HĐQT tại những cuộc họp sơ kết, tổng kết của Công ty đã động viên và truyền nguồn cảm hứng cho người lao động tiếp tục gắn bó và tin tưởng vào sự ổn định của Công ty dù gặp bất cứ khó khăn nào.

Nhìn chung, HĐQT vẫn có sự nhất quán với định hướng phát triển chung của Công ty, lấy chất lượng làm yếu tố trung tâm, giữ vững ngôi vị hàng đầu của Công ty trong ngành. Hoạt động của HĐQT quy củ, nghiêm túc và có hiệu quả. Tuy nhiên, trong năm vẫn chưa giải quyết xong vấn đề giải thể Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt do đối tác thiếu sự hợp tác.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG SUỐT NHIỆM KỲ 2013 – 2017:



Đối với lịch sử 40 năm thành lập Công ty thì 5 năm chỉ là một con số nhỏ nhoi. Tuy nhiên, hoạt động của HĐQT trong suốt nhiệm kỳ qua đã có nhiều đóng góp cho những thay đổi lớn của Công ty:

Chỉ đạo định hướng nhất quán về sự phát triển bền vững của Công ty, 5 năm qua là khoảng thời gian Công ty có sự phát triển như vũ bão:

- Đầu tư lớn về máy móc thiết bị, xây dựng nhà máy mới rộng lớn, vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại, vừa đón đầu tương lai, hòa hợp và bảo vệ môi trường tự nhiên xung quanh.
- Vốn điều lệ tăng từ 455 tỷ lên 819 tỷ, tổng tài sản tăng từ 1.423 tỷ lên 2.865 tỷ, tỷ suất lợi nhuận trên vốn luôn ở mức cao nhất trong ngành, lợi nhuận trước thuế trong 5 năm đạt 3.012 tỷ.

HĐQT luôn nhất quán trong hoạt động với quan điểm xuyên suốt, cân đối hài hòa lợi ích của Cổ đông, Người lao động, Khách hàng và Xã hội.

Hoạt động của HĐQT ngày càng chuyên nghiệp với sự giúp việc của các Tiểu ban trực thuộc; là nhiệm kỳ có nhiều sự thay đổi về các thành viên trong Hội đồng, về nhân sự cấp cao của Công ty nhưng đã nhanh chóng ổn định, tạo điều kiện tối đa cho Ban Điều hành phát huy năng lực.

“**HĐQT luôn được cổ đông và Người lao động tại Công ty ủng hộ cao.**”

Với việc mở room tối đa lên đến 100%, HĐQT tin tưởng sẽ có được sự đa dạng của cổ động, đóng góp nhiều sáng kiến cho hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ mới để nâng Công ty lên một tầm cao mới.

DANH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2017, hoạt động của Công ty bị tác động mạnh bởi tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh, nguyên nhân là do giá dầu thế giới có xu hướng tăng bởi chính sách cung ứng lượng dầu ra thị trường hạn chế của Mỹ và các nước liên quan. Trong tình hình cạnh tranh gay gắt như hiện điều này đã tạo thách thức lớn trong việc thực hiện mục tiêu của HĐQT.

Trong một năm có nhiều khó khăn, đặc biệt là sự thay đổi cán bộ cấp cao, nhưng Ban Tổng Giám đốc đã nhanh chóng ổn định và đối phó tốt với tình hình mới. Ban Tổng Giám đốc cũng đẩy mạnh nghiên cứu nắm bắt kịp thời tình hình thị trường nhằm có cái nhìn tổng quan và có chiến lược chính sách phù hợp để hoàn thành mục tiêu.

Ban Tổng Giám đốc đã có sự đoàn kết tốt trong toàn thể cán bộ công nhân viên, đồng thời phát huy được hết khả năng nguồn lực chuyên môn của từng người trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những chính sách và kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra từ đầu năm như sau:

- Đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cấp hệ thống, máy móc thiết bị mới như nhà xưởng, máy móc thiết bị, khuôn mẫu... Đồng thời, kiểm tra hiệu suất hoạt động của tài sản đã khấu hao hết với những tiêu chuẩn đảm bảo nhằm tiết kiệm chi phí hoạt động khai thác tối ưu hệ thống sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm cung ứng ra thị trường.
- Nhất quán chiến lược sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng chất lượng đầu vào, coi trọng việc cải thiện công nghệ tiên tiến và bảo trì định kỳ hệ thống nhằm mang lại hiệu suất tốt nhất cho sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Tích cực nghiên cứu sản phẩm mới và đưa vào sản xuất sản phẩm mới với hệ phụ gia không kim loại nặng an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.
- Khuyến khích sáng tạo với những phương pháp hiện đại, phù hợp với biến động của thị trường

và tình hình nhân sự của Công ty. Đồng thời, mạnh dạn trong việc đề bạt người trẻ trong những vị trí phù hợp với tư duy hiện đại nhằm tiếp cận nhanh tình hình thị trường và đưa ra biện pháp giải quyết nhanh, phù hợp.

- Đưa ra chiến lược linh động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ trong việc duy trì và đa dạng hóa sản phẩm cho thị trường cũ, đẩy mạnh tìm kiếm nguồn khách hàng mới, nỗ lực đạt kế hoạch mục tiêu đặt ra đầu năm.

Tuy nhiên, điều cần lưu ý Ban Tổng Giám đốc trong năm là đã không lường được những khó khăn về thị trường, về giá nguyên liệu, về sự gia tăng cạnh tranh... nên các kế hoạch năm, đặc biệt là kế hoạch lợi nhuận, đã trở thành một áp lực nặng nề lên Ban Tổng Giám đốc. Do đó, để đạt được kế hoạch doanh thu, những tháng cuối năm Công ty đã vô cùng vất vả, làm ảnh hưởng phần nào đến tâm lý người lao động.

Sự uyển chuyển, linh hoạt trong chính sách kinh doanh đã giúp Công ty đạt được kế hoạch doanh thu, nhưng do phải xử lý dồn dập vào cuối năm nên tạo hiệu ứng “ngợp” với thị trường.

Vẫn còn nhiều công việc bị chậm trễ do sự phân công, phân nhiệm chưa thật “khớp” làm ảnh hưởng tới công việc.

Nhìn chung, với những nỗ lực trong năm 2017, HĐQT hy vọng và tin tưởng Ban Tổng Giám đốc sẽ nhanh chóng khắc phục những nhược điểm và tiếp tục điều hành Công ty theo đúng hướng phát triển bền vững mà HĐQT đã khẳng định với toàn thể cổ đông.

VỀ TÂM NHÌN VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Trong thời kinh tế mở như hiện nay, việc hình thành các doanh nghiệp mới tham gia vào thị trường và gia tăng sức cạnh tranh đối với các doanh nghiệp khác là điều tất yếu của kinh tế thị trường. 30 năm trước khi BMP từ bỏ dần những sản phẩm rất nổi tiếng khi đó như giỏ xách, xô nhựa ... để chuyển sang sản xuất các sản phẩm ống nhựa thay thế ống kim loại là quyết định đúng đắn và mang tính lịch sử.

Giờ đây việc BMP khẳng định vị trí đi đầu, đa dạng hóa các dòng sản phẩm ống, phụ tùng PVC-U, HDPE, PP-R có vai trò dẫn dắt và định hướng người sử dụng đã tạo những bước phát triển rất nhanh, toàn diện của Công ty.

BMP tự hào là doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất ống nhựa, là doanh nghiệp đầu tiên xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở phù hợp tiêu chuẩn ASTM, BS tại thị trường Việt Nam và ngày nay là các tiêu chuẩn Quốc tế ISO, Quốc gia (TCVN) mới nhất cho các dòng sản phẩm của mình.

Điều khác biệt giữa dòng sản phẩm ống nhựa các loại và phụ kiện của nó với các sản phẩm nhựa dân dụng khác là dòng đời, độ bền của sản phẩm rất dài, sử dụng tiện lợi, giá thành hợp lý và cho đến nay chưa thấy các sản phẩm nào ưu việt hơn có thể thay thế chúng. Do đó ngành nhựa vật liệu xây dựng vẫn có thể phát triển tốt trong tương lai.

MÔI TRƯỜNG, TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với BMP, việc quan tâm đến môi trường và trách nhiệm xã hội không phải chỉ là việc làm từ thiện. Việc lớn nhất, xuyên suốt là phải thấu hiểu mục đích, tuân thủ pháp luật, minh bạch, phấn đấu làm ra những sản phẩm có chất lượng cao, vừa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng vừa phải định hướng họ sử dụng những sản phẩm hữu ích, có lợi cho mỗi cá nhân và cả cộng đồng.

Chính vì vậy, mà ngay những thời điểm giá nguyên liệu, hóa chất tăng cao, BMP không vì lợi nhuận mà sử dụng vật tư rẻ tiền, kém chất lượng. Ngược lại giờ đây BMP là doanh nghiệp sản xuất các loại ống và phụ tùng với quy mô vào loại lớn trong nước và trong khu vực với tất cả các sản phẩm được quản lý theo ISO 9001-2015 và ISO 14001-2015 với máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ, nguyên liệu, hóa chất thân thiện môi trường. Người tiêu dùng đã và đang hiểu vấn đề này, chắc chắn sẽ tiếp tục ủng hộ BMP trong tương lai. Không phải ngẫu nhiên Chính phủ chọn BMP là doanh nghiệp duy nhất trong ngành ống nhựa liên tục được là doanh nghiệp đủ tiêu chí xây dựng Thương hiệu quốc gia trong 10 năm liên tiếp vừa qua.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

HDQT BMP luôn nhất quán với các định hướng chiến lược đã được xác định cơ cấu sản phẩm là đa dạng hóa các loại ống nhựa và phụ tùng. Máy móc thiết bị đồng bộ hiện đại và ngày càng tự động hóa cao. Hệ thống quản trị được hỗ trợ bằng các chương trình công nghệ tin học tiên tiến, được cập nhật kịp thời, bảo đảm đủ năng lực cạnh tranh trong nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

Trong những năm tới, trước những đòi hỏi khách quan của tình hình kinh tế xã hội, có 2 vấn đề mà HDQT, đội ngũ những nhà quản lý và Cán bộ công nhân viên BMP cần quan tâm:

- **Công tác nhân sự:** Đây là những ưu tiên, quan tâm hàng đầu của Công ty. Cơ cấu cổ đông biến động, các thành viên HDQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 cũng sẽ thay đổi, nhiều cán bộ quản lý có

kinh nghiệm của BMP đến tuổi nghỉ hưu sẽ ảnh hưởng nhất định đến công việc quản trị và điều hành trong sản xuất kinh doanh.

- Chúng ta vừa mong muốn lực lượng mới sẽ tạo động lực mới với nhiệt huyết và tư duy sáng tạo, nhưng mặt khác chúng ta cũng mong những thành tựu trước đây phải được tôn trọng, những kinh nghiệm, uy tín của thế hệ trước phải được kế thừa, phát huy. BMP đã có quy mô khá lớn với các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết ở cả Bắc, Trung, Nam đòi hỏi số lượng người làm quản lý cũng phải tăng lên.
- **Văn hóa doanh nghiệp:** Suy cho cùng đây chính là những điểm khác biệt giữa các doanh nghiệp với nhau. Máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, vốn đầu tư... có thể giống hoặc tiếp cận công nghệ như nhau, nhưng vẫn có sự khác biệt, vẫn có sự lựa chọn của người tiêu dùng, vẫn có sự đánh giá của xã hội với riêng từng doanh nghiệp thông qua giá trị và hình ảnh của doanh nghiệp đó mà văn hóa doanh nghiệp BMP đã là một phần của giá trị Thương hiệu.
- Đồng thuận, tôn trọng quá khứ, vững vàng trong hiện tại và tự tin hướng tới tương lai - BMP đã tạo dấu ấn riêng với thương hiệu của mình qua việc được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liên tục, thêm vào đó 5 lần liên tục được Chính phủ lựa chọn tham gia chương trình Thương hiệu quốc gia và được giữ vĩnh viễn kỷ niệm chương của Chương trình, v.v... đó là những tài sản vô giá đòi hỏi thế hệ quản lý, người lao động BMP phải biết trân trọng, giữ gìn và ngày càng hoàn thiện để BMP tiếp tục tỏa sáng.

Thay mặt HDQT, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới Quý cổ đông, nhà đầu tư đã giúp đỡ chúng tôi trong năm 2017 và cả nhiệm kỳ 2013 - 2018 vừa qua. Chúng tôi tin tưởng BMP nhất định sẽ vững bước trong tương lai, đặc biệt chúng tôi xin cảm ơn nhà phân phối và quý khách hàng, người tiêu dùng và xã hội đã tin tưởng, tin nhiệm vào sản phẩm của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017



Cơ cấu BKS :

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2018 bao gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên đang công tác tại Công ty và một thành viên bên ngoài, là đại diện cổ đông Nhà nước (SCIC).

Trong năm 2017 không có sự thay đổi nhân sự trong Ban.

Hoạt động của BKS:

Chương trình hoạt động BKS trong năm 2017 chủ yếu tập trung vào chức năng, nhiệm vụ chính của BKS theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- **Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ;**
- **Giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty;**
- **Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành;**
- **Giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế đang áp dụng tại Công ty.**

Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ 2017:

TT	CHỈ TIÊU	THEO NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN	TỶ LỆ %
1	Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016		Đúng nghị quyết	100%
2	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ 80% vốn điều lệ	Đúng nghị quyết (Phát hành 36.382.458 cổ phiếu tương đương với tổng giá trị theo mệnh giá là 363.824.580.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu)	100%
3	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017:			
3.1	Doanh thu	4.050 tỷ	4.057 tỷ	100,2%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	700 tỷ	583 tỷ	83,3%
3.3	Đầu tư	680 tỷ	610 tỷ	89,5%
	- Hạng mục hoàn thành		430 tỷ	63%
	- Hạng mục dở dang chuyển sang năm 2018 thực hiện		180 tỷ	26,5%
3.4	Cổ tức bằng tiền mặt	Tối thiểu 20%	Đã chi đợt 1: 15% bằng tiền mặt	
4	Thù lao của HĐQT và BKS, trong đó:	4.050 tỷ	4.050 tỷ	100%
4.1	Thù lao cho HĐQT	3.240 tỷ	3.240 tỷ	
4.2	Thù lao cho BKS	810 triệu	810 triệu	
5	Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014	Ủy quyền cho HĐQT thực hiện	Đã thực hiện, điều lệ mới áp dụng từ ngày 01/8/2017	
6	Hủy bỏ quyết định sáp nhập DPC vào BMP theo phương thức hoán đổi cổ phần, xác định hình thức hợp tác phù hợp	Ủy quyền cho HĐQT thực hiện	Trong năm 2017 đã tăng cường hoạt động hợp tác thương mại, DPC hiện là kho trung chuyển và trung tâm phân phối hàng của BMP tại khu vực miền Trung và Cao nguyên, doanh thu qua kho DPC đạt 133 tỷ đồng, tăng 577% so với năm 2016.	
7	Loại bỏ hai ngành nghề kinh doanh trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là “Vận tải hàng hóa bằng đường bộ” và “Quảng cáo”, thực hiện các thủ tục pháp lý để nâng tỷ lệ sở hữu vốn của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 100%	Ủy quyền cho HĐQT và Ban điều hành thực hiện	Đã hoàn tất nâng tỷ lệ sở hữu vốn của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 100%.	
8	Lựa chọn công ty kiểm toán cho Công ty.	Ủy quyền cho Tổng Giám đốc	Đã chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn TCKT & Kiểm toán Nam Việt (AASCN) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017, đây là một trong các đơn vị kiểm toán được ĐHCĐ 2017 thông qua.	
	Dự án Khu thương mại – Dịch vụ - Căn hộ tại 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM	Ủy quyền cho HĐQT thực hiện	Theo quy định tại Điều 14 – Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ, với tỷ lệ sở hữu 26%, Công ty đã góp vốn vào Bình Minh Việt 53.040.000.000 đồng để nâng vốn đầu tư cho dự án, là 210.000.000.000 đồng. Tuy nhiên do dự án không hiệu quả nên HĐQT đã ban hành nghị quyết 03/NQ-BM/HĐQT/2017 chấm dứt dự án BMV. Hiện đang tiếp tục làm việc với các cổ đông của Công ty Cổ phần ĐT KD BĐS Bình Minh Việt để nghị cùng nhau phối hợp giải quyết các thủ tục cần thiết cho việc chấm dứt dự án và giải thể Công ty.	



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY:

Công ty đã tuân thủ đúng quy định hiện hành của Luật kế toán, luật Thuế, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều lệ Công ty. Các khoản hạch toán minh bạch, rõ ràng, cụ thể như sau:

Về nguồn vốn, tài sản

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2017 là 818.609.380.000 đồng, tương đương với 81.860.938 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tăng 80% so với thời điểm đầu năm do phát hành thêm 36.382.458 cổ phiếu tương đương với tổng giá trị theo mệnh giá là 363.824.580.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Tổng tài sản tính đến ngày 31/12/2017 là 2.872 tỷ, giảm 0,66% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do hai khoản mục nợ phải thu giảm 25% và hàng tồn kho giảm 39%. Hai tháng cuối năm 2017, hàng loạt chính sách ưu đãi chiết khấu được thực hiện, nhu cầu mua hàng tăng cao nên hàng hóa tồn kho chưa kịp để tích lũy. Thêm vào đó, khách hàng thanh toán ngay để được hưởng chiết khấu thanh toán nên nợ phải thu giảm theo. Vốn chủ sở hữu tăng 6,6% là nhờ đóng góp từ lợi nhuận sau thuế.
- Công ty kiểm soát tốt và sử dụng hiệu quả các khoản nợ, hiện tổng nợ phải trả là 423 tỷ đồng (tỷ lệ 14,7%/ tổng tài sản), 100% là nợ ngắn hạn.
- Trong năm 2017, Tổng Cục thuế tiến hành thanh tra thuế năm 2016 của Công ty. Kết quả Công ty phải nộp bổ sung thuế và phạt 12.189.604.376 đồng do Công ty hạch toán khoản chi phí chưa đúng theo quy định.
- Về khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009, 2010 đã có quyết định xử lý của Tổng cục Thuế. Công ty đã nộp và đang tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán 49,1 tỷ.

Về hoạt động đầu tư

- Tất cả các khoản đầu tư tài chính, mua sắm tài sản và các dự án đều được thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của Điều lệ hoạt động Công ty, cụ thể một số danh mục đầu tư lớn trong năm 2017:
- Đầu tư tài chính:** Ngoài các khoản góp vốn vào các đơn vị khác (mua cổ phiếu) không thay đổi so với năm trước. Năm 2017, Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 450 tỷ, là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại ngân hàng
- Đầu tư tài sản, xây dựng hạ tầng:** Năm 2017, để tăng cường năng lực sản xuất, Công ty đã đầu tư vào khoản mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản. Một số hạng mục đã hoàn thành trị giá 430 tỷ đồng, đạt 63% kế hoạch. Phần còn lại trị giá 180 tỷ đồng sẽ được thực hiện tiếp trong năm 2018 do một số hạng mục đang thực hiện dở dang.

Về quản lý tiền, doanh thu, chi phí

- Tình hình công nợ:** Phần lớn khoản phải thu của khách hàng là từ Hệ thống phân phối của Công ty. Tất cả khoản nợ này đều có tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ. Ngoài khoản nợ phát sinh từ những năm trước, năm 2017, Công ty có phát sinh thêm khoản nợ khó đòi nhưng không đáng kể. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của Nhà nước.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT. HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để hoàn thành nghị quyết ĐHĐCĐ 2017.

Trong năm, HĐQT có 05 cuộc họp, ban hành 08 nghị quyết và 03 quyết định phù hợp với Điều lệ Công ty, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.

04 tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động tốt với vai trò tư vấn, hỗ trợ cho hoạt động của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

Một người trong Ban Tổng Giám đốc của Công ty là thành viên HĐQT, do đó việc chuyển tải, nắm bắt thông tin và triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT rất thuận lợi, nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

Năm 2017, trong bối cảnh giá vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng cao so với năm 2016, trong đó giá bột PVC, là nguyên liệu chính tăng bình quân hơn 8%; tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, nên Công ty không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, tuy vậy Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tăng trưởng hơn 10% so với năm 2016. Ngoài việc ổn định và phát triển sản xuất, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra nhiều chính sách linh hoạt trong kinh doanh, tăng cường đầu tư, tiếp tục mở rộng thị trường để giữ vững vị thế hàng đầu của Công ty trong ngành ống nhựa.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

Công ty không thực hiện kiểm toán nội bộ. Các số liệu kế toán, hoạt động tài chính hợp nhất được phòng chức năng báo cáo Ban Điều hành hàng tháng, HĐQT hàng quý và được kiểm toán định kỳ 6 tháng. Trong công tác hạch toán kế toán, Công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Tiểu ban kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro phối hợp với việc áp dụng các quy trình quản lý theo hệ thống ISO9000, đã kiểm soát tốt các hoạt động, kịp thời báo cáo với Ban Điều hành và HĐQT các vấn đề liên quan đến tình hình quản trị Công ty.

Đơn vị thực hiện kiểm toán số liệu của Công ty năm 2017 là Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), là 1 trong 8 đơn vị kiểm toán được Đại hội Cổ đông năm 2017 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, chúng tôi nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐỀ NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban Điều hành áp dụng nhiều biện pháp tăng cường việc kiểm soát và thu hồi công nợ, kết quả trong năm 2017, hoạt động kinh doanh tăng trưởng nhưng nợ xấu phát sinh không đáng kể.

Nhìn chung các đề nghị của BKS liên quan đến hoạt động của Công ty đều được HĐQT và Ban Điều hành quan tâm xem xét, giải quyết phù hợp với tình hình thực tế.

ĐỀ NGHỊ:

Đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

- Có giải pháp xử lý dứt điểm 49,1 tỷ đồng truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009, 2010.
- Tiếp tục duy trì việc kiểm soát và thu hồi công nợ đặc biệt những khoản nợ lớn, nợ xấu .
- Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Điều hành.
- Ban hành Quy chế tài chính.

Đối với cổ đông: Trong tình hình thị trường ngành ống cạnh tranh ngày càng khốc liệt, tuy không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017 nhưng dưới sự dẫn dắt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã có những giải pháp kịp thời và hiệu quả, bằng sự cố gắng của toàn thể người lao động, Công ty vẫn tiếp tục giữ được vị trí hàng đầu trong ngành ống nhựa và mở rộng được thị phần. Đề nghị Cổ đông dành những hình thức động viên, khen thưởng xứng đáng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

Đại hội cổ đông kỳ này là đại hội cuối nhiệm kỳ. Tuy nhiên chúng tôi cũng dự thảo kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2018 như sau:

1. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính kế toán, quản lý doanh thu, chi phí thông qua việc kiểm tra số liệu báo cáo tài chính quý, năm và tham gia vào công tác kiểm kê tài sản định kỳ của Công ty.
2. Kiểm tra việc thực hiện điều lệ và nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
3. Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết HĐQT về việc huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện các dự án đầu tư.
4. Các thành viên mới tham gia các khóa đào tạo, hội thảo có liên quan để nâng cao trình độ và kỹ năng phục vụ cho công việc của Ban.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2013 - 2018:

Với chương trình hoạt động BKS trong năm 2017, từng thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Ban phân công đúng thời gian, đúng tiến độ. Ngoài ra, BKS còn tham gia vào thực hiện Báo cáo thường niên, cùng với HĐQT tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên...

Về tư cách đạo đức :

Các thành viên BKS đều có tư cách đạo đức tốt, tinh thần thái độ làm việc tích cực, quan hệ tốt với người xung quanh, không lợi dụng thông tin để trục lợi cá nhân, ảnh hưởng đến hình ảnh Công ty.

Trong nhiệm kỳ 5 năm (2013 – 2018) BKS nhận được sự phối hợp cao, tạo điều kiện của HĐQT và Ban Điều hành nên hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao phó.

Chúng tôi cam kết đã thực hiện công việc một cách công tâm và cẩn trọng, các nhận xét và số liệu trên là trung thực, khách quan và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cổ đông về báo cáo trên.



CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ

Nhựa Bình Minh tiên phong ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị. Năm 2017, Công ty đã hoàn thành nghiệm thu và đưa vào hoạt động hệ thống quản trị công nghệ thông tin ERP.



COMMUNICATION

A central dashboard area featuring a network of blue hexagonal nodes connected by thin lines. The nodes contain various icons: a Wi-Fi symbol, a gear, a magnifying glass, a globe, a padlock, and a group of people. A hand is shown interacting with the interface, with a finger pointing at the group of people icon.

Control elements including three circular sliders labeled '50%', '50%', and '50%' with 'START' and 'STOP' labels. Below the sliders are three horizontal bars with circular indicators, and a '50%' label.

A sidebar area containing several data visualization panels, including a line graph, a bar chart, and a table with columns and rows of data.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017



Trong năm 2017, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Suchai Asvathavornvanit (gửi đơn từ nhiệm ngày 06/6/2017). Đồng thời bầu bổ sung Ông Apiachai thay thế chức vụ này từ ngày 06/6/2017.

Nhu vậy, tính đến ngày 31/12/2017, cơ cấu thành viên HĐQT BMP gồm 05 thành viên, trong đó 01 thành viên trong Ban Điều hành và 04 thành viên không điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU ĐANG SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	1.062.252	Không điều hành
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	618.550	Kiểm Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	457.034	Không điều hành
4	Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên	0	Không điều hành
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	0	Không điều hành

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Số lượng các cuộc họp chính thức của HĐQT trong năm 2017

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2017

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/NQ-BM/HĐQT/2017	24/4/2017	Chi trả cổ tức còn lại 2016
2	02/NQ-BM/HĐQT/2017	24/4/2017	Phát hành CP tăng vốn
3	03/NQ-BM/HĐQT/2017	24/4/2017	Chấm dứt dự án BMV
4	04/NQ-BM/HĐQT/2017	10/5/2017	Thông qua Bộ hồ sơ phát hành cổ phiếu
5	05/NQ-BM/HĐQT/2017	10/5/2017	Thông qua việc phát hành cổ phiếu
6	06/NQ-BM/HĐQT/2017	06/6/2017	Việc từ nhiệm của ông Suchai và bổ nhiệm ông Apichai
7	07/NQ-BM/HĐQT/2017	31/7/2017	Phát hành CP tăng vốn (Bổ sung theo yêu cầu của Sở KHĐT TPHCM)
8	08/NQ-BM/HĐQT/2017	31/7/2017	Về việc tạm ứng cổ tức đợt 1-2017

STT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/QĐ-BM/HĐQT/2017	29/6/2017	Ban hành Điều lệ NBM
2	02/QĐ-BM/HĐQT/2017	29/6/2017	Bổ nhiệm Chủ tịch Công ty NBM
3	03/QĐ-BM/HĐQT/2017	14/7/2017	Trích quỹ thưởng điều hành năm 2016

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Thực hiện đúng quy định về công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường. Trong năm 2017 không có nhắc nhở nào của HOSE về vấn đề này.
- Tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHCĐ 2017 đúng quy định.
- HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ theo quy chế làm việc để đánh giá hoạt động trong kỳ cũng như hoạch định kế hoạch hoạt động cho kỳ tới.
- Các Tiểu ban của HĐQT hoạt động có hiệu quả, có nhiều đề xuất và tư vấn cho HĐQT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, có số lượng và tỷ lệ tham dự các cuộc họp HĐQT của từng thành viên được thống kê chi tiết như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	Từ 2004	5	100	
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	Từ 2004	5	100	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	Từ 2004	5	100	
4	Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên	24/4/2013 đến 06/6/2017	3	60	Từ nhiệm
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	Từ 06/6/2017	4	80	Bận công tác
6	Ông Apichai Chareonsuk	Thành viên	07/3/2016	2	40	Thành viên mới

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong năm 2017, Phó Chủ tịch HĐQT tham gia các chương trình về quản trị như sau:

- Diễn đàn quản trị Công ty.
- Hội nghị Người đại diện.
- Diễn đàn quản trị xung đột lợi ích và giao dịch bên liên quan.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ 5 thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.



CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

STT	TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ TRONG CÔNG TY
1	NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỜNG	1. Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT
		2. Ông Bùi Quang Khôi	Giám đốc BMLA; Thư ký Công ty
		3. Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
		4. Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên pháp lý - Phòng Quản trị Hành chính
2	QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	1. Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT; Chủ tịch NBM
		2. Ông Bông Hoa Việt	Trưởng Phòng Quản trị Hành chính
		3. Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Phòng Đầu tư Nghiên cứu - Phát triển
		4. Ông Phùng Hữu Luận	Phó Phòng Tài chính Kế toán - Kiểm soát viên NBM
3	CHIẾN LƯỢC - PHÁT TRIỂN	1. Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc
		2. Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
		3. Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Trưởng Phòng Tài chính kế toán
		4. Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Phòng Kinh doanh
4	QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ	1. Ông Nguyễn Kim Thương	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống thông tin
		2. Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS
		3. Bà Nguyễn Ngọc Linh	Phó Phòng Nhân sự
		4. Bà Vy Thị Hồng Loan	Phó Phòng Kinh doanh

Đánh giá chung của HĐQT về hoạt động của các Tiểu ban

Thành viên của các Tiểu ban tuy đều là những người kiêm nhiệm nhưng làm việc rất có trách nhiệm, tích cực. Hoạt động của các Tiểu ban đã đáp ứng được yêu cầu hoạt động quản trị của Công ty. Các Tiểu ban đã xem xét nhiều chính sách, quy chế và có các đề xuất, tư vấn giúp HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình chung của Công ty và thực hiện công việc theo Quy chế đã được HĐQT phê duyệt.

Đặc biệt trong năm 2017, trong tình hình kinh doanh có nhiều khó khăn và Công ty phải tiến hành các thủ tục tăng vốn, nới room, sửa đổi điều lệ, các Tiểu ban đã tích cực xem xét nhiều chính sách, quy chế và có các đề xuất, tư vấn để giúp HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình chung của Công ty và có các quyết sách phù hợp.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2018 bao gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên đang công tác tại Công ty và một thành viên bên ngoài, là đại diện cổ đông Nhà nước (SCIC).

Trong năm 2017 không có sự thay đổi nhân sự trong Ban.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU ĐANG SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS	228.051	Là người lao động của Công ty
2	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	14.040	Là người lao động của Công ty
3	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	0	Không phải là người lao động của Công ty

TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

PHIÊN HỌP	NỘI DUNG CHÍNH
Phiên 1 23/2/2017	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra tình hình hoạt động Công ty năm 2016. Kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 của HĐQT và Ban Điều hành. Kiểm tra tình hình hoạt động và sự phối hợp của HĐQT và Ban Điều hành trong năm 2016. Kiểm tra tình hình thực hiện Dự án Bình Minh – Long An giai đoạn 1 mở rộng và Dự án 240 Hậu Giang. Kế hoạch hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát.
Phiên 2 18/4/2017	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá, bình bầu kết quả hoạt động BKS năm 2016.
Phiên 3 31/8/2016	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra tình hình hoạt động Công ty 06 tháng đầu năm 2017. Kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 của HĐQT và Ban Điều hành 06 tháng đầu năm 2017. Rà soát báo cáo tài chính của Công ty 06 tháng đầu năm 2017. Kiểm tra tình hình thực hiện Dự án Bình Minh – Long An giai đoạn 2.

Ngoài các cuộc họp chính thức, BKS tham gia 01 cuộc họp định kỳ với HĐQT và thực hiện các trao đổi giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại để các thành viên BKS đảm bảo thông suốt các chủ trương chính sách của Công ty và kịp thời hỗ trợ nhau trong công việc nhằm đạt hiệu quả cao nhất.



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

THU NHẬP CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

S TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ	GHI CHÚ
1	Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT	3.353.556.000	1.017.744.600	2.335.811.400	
2	Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	4.622.959.307	1.435.846.657	3.187.112.650	
3	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	2.682.044.427	782.715.552	1.899.328.875	
4	Suchai Asvathavornvanit	Thành viên HĐQT	1.022.167.000	204.433.000	817.734.000	Đại diện Nawa-plastic Industries
5	Apichai Chareonsuk	Thành viên HĐQT	232.000.000	46.400.000	185.600.000	Đại diện Nawa-plastic Industries
6	Đặng Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	1.244.167.000		1.244.167.000	Đại diện SCIC
CỘNG HĐQT			13.156.893.734	3.487.139.809	9.669.753.925	
7	Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS - Trưởng phòng Kinh doanh	2.459.414.829	642.520.272	1.816.894.557	
8	Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	1.185.393.428	207.590.736	977.802.692	
9	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	604.962.000		604.962.000	Đại diện SCIC
CỘNG BKS			4.249.770.257	850.111.008	3.399.659.249	
10	Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	1.742.853.955	382.021.428	1.360.832.527	
11	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.447.219.746	306.927.360	1.140.292.386	
12	Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Trưởng phòng TCKT	1.438.807.676	306.273.588	1.132.534.088	
CỘNG KHÁC			4.628.881.377	995.222.376	3.633.659.001	
Tổng cộng			22.035.545.368	5.332.473.193	16.703.072.175	



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có hợp đồng hoặc giao dịch với các cổ đông nội bộ.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA HĐQT, BKS ĐẾN NGÀY 31/12/2017

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH TRONG NĂM			SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
				NGÀY	MUA	BÁN			
1	2	3	4				8	9	10
1	Lê Quang Doanh	CT. HĐQT	1.062.252				1.062.252	1,298%	
2	Nguyễn Hoàng Ngân	PCT. HĐQT	618.550				618.550	0,756%	TGD
3	Nguyễn Thị Kim Yến	UV. HĐQT	457.034				457.034	0,558%	
4	Bùi Quang Khôi	THƯ KÝ	157.154	Năm 2017	1.800	7.000	151.954	0,186%	
5	Nguyễn Thị Phương Nga	TB. BKS	228.051				228.051	0,279%	
6	Nguyễn Lưu Thùy Minh	UV. BKS	14.040				14.040	0,017%	
TỔNG CỘNG			2.537.081		1.800	7.000	2.531.881	3,093%	

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG ĐẾN NGÀY 31/12/2017

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH TRONG NĂM			SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
				NGÀY	MUA	BÁN			
1	2	3	4				8	9	10
1	Nguyễn Hoàng Ngân	TGD	618.550				618.550	0,756%	PCT. HĐQT
2	Nguyễn Thanh Hải	Phó TGD	21.600				21.600	0,024%	
3	Nguyễn Thanh Quan	Phó TGD	11.709				11.709	0,014%	
4	Hồng Lê Việt	KTT	3				3	0,000%	
TỔNG CỘNG			630.262		0	0	630.262	1,33%	

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN
CỦA NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN TỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG NÓI TRÊN: KHÔNG CÓ.**



RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

“ Nhận định cơ hội và thách thức từ các quá trình, bối cảnh của tổ chức, các nhu cầu mong đợi các bên quan tâm để từ đó Nhựa Bình Minh đưa ra các phương án nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro hết mức có thể từ đó tạo nền tảng phát triển bền vững cho Công ty.”

Công ty thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ giúp việc HĐQT phát hiện và ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty đã chuyển đổi thành công Hệ thống quản lý chất lượng theo phiên bản mới ISO 9001:2015, trong đó vấn đề quản trị rủi ro được rất được chú trọng.

Tất cả các bộ phận Phòng Ban trong Công ty đều được đào tạo và thực hiện việc xác định và đánh giá rủi ro thông qua: Thủ tục quản lý rủi ro và cơ hội (TT-22), với các bước như sau:



BƯỚC 1

Xác định các rủi ro và cơ hội dựa vào các căn cứ

- Các quá trình.
- Bối cảnh tổ chức.
- Nhu cầu mong đợi của các bên quan tâm.
- Các nghĩa vụ phải tuân thủ.
- Các khía cạnh môi trường.
- Điều kiện môi trường.

BƯỚC 2

Phân tích các rủi ro

Căn cứ theo quy định của ISO, xem xét, đánh giá điểm cho hai tiêu chí:

- Khả năng xảy ra.
- Mức độ nghiêm trọng (Hậu quả xảy ra).

BƯỚC 3

Đánh giá các rủi ro căn cứ vào

- Các mức điểm của 2 tiêu chí: Khả năng xảy ra và mức độ nghiêm trọng đã đánh giá.
- Quy định của ISO: Tiến hành đánh giá và phân loại rủi ro theo 3 mức: Cao, trung bình và thấp.

BƯỚC 4

Phê duyệt Bảng xác định các rủi ro và cơ hội

Các bộ phận phải lập “Bảng xác định rủi ro và cơ hội” để trình phê duyệt theo thẩm quyền.

BƯỚC 5

Xác định các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội

Căn cứ theo “Bảng xác định các rủi ro và cơ hội” được phê duyệt, các bộ phận lập “Bảng hành động giải quyết rủi ro và cơ hội”. Nội dung của bảng này là đưa ra các biện pháp và hành động cho các loại rủi ro được đánh giá là CAO hoặc TRUNG BÌNH.

BƯỚC 6

Phê duyệt các hành động giải quyết xử lý rủi ro và cơ hội.

BƯỚC 7

Tổ chức thực hiện và theo dõi

Thực hiện các hành động kiểm soát các rủi ro và cơ hội đã được phê duyệt

BƯỚC 8

Đánh giá lại rủi ro và cơ hội khi:

- Theo định kỳ hàng năm.
- Khi có sự thay đổi làm ảnh hưởng kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý.

Nếu chưa đạt được kết quả mong đợi, các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội phải được thực hiện cải tiến.

RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO MÔI TRƯỜNG KINH TẾ



Năm 2017, các yếu tố vĩ mô của Việt Nam đều rất thuận lợi, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát tốt, mặt bằng lãi suất hợp lý tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp. Thị trường bất động sản phát triển cũng là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp ngành nhựa vật liệu xây dựng.

Tuy nhiên, thị trường cũng tiềm ẩn những rủi ro có thể xảy ra tình trạng khủng hoảng kinh tế do cuộc chiến thương mại trên thế giới, tình trạng lạm phát có dấu hiệu gia tăng do đầu tư công kém hiệu quả, hay tình trạng bong bóng bất động sản có thể xảy ra bất cứ lúc nào... đều là những rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Biện pháp quản trị

Nắm bắt được vấn đề trên, Công ty chủ động thường xuyên cập nhật thông tin kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế. Đặc biệt các thông tin liên quan trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản, vật liệu xây dựng để có các quyết sách phù hợp. Theo dõi sát sao tình hình thị trường, tình hình tiêu thụ hàng tháng, để có chính sách phù hợp. Tăng cường công tác quản trị tài chính hạn chế rủi ro. Tích cực tìm kiếm cơ hội hợp tác để mở rộng thị trường.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT VÀ TUÂN THỦ



Nhựa Bình Minh hoạt động theo loại hình công ty cổ phần và cổ phiếu đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh do vậy Công ty đang chịu sự quản lý và hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế.... Đến cuối năm 2017 hệ thống văn bản pháp luật nước ta vẫn đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện, những thay đổi về pháp luật liên quan này cũng ảnh hưởng lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp quản trị

Vì vậy, để hạn chế những tác động trong việc thay đổi các chính sách của Nhà nước đến hoạt động của mình, Công ty thành lập bộ phận pháp chế, chuyên nghiên cứu tìm hiểu và nắm vững các quy định của luật về kinh tế, lao động, môi trường... rà soát các quy trình, quy chế và tiến hành sửa đổi cho phù hợp quy định của Pháp luật. Thêm vào đó Công ty sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật cho các hoạt động liên quan, giúp nâng cao tính tuân thủ và tránh đi những rủi ro, thiệt hại không đáng có.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG VÀ CẠNH TRANH



Năm 2017, thị trường nhựa vật liệu xây dựng có sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cùng ngành. Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất với quy mô lớn, dẫn đến tăng nguồn cung sản phẩm cao hơn sức tiêu thụ của thị trường trong từng thời điểm. Do đó dẫn đến tình trạng cạnh tranh bằng chiết khấu, giảm giá bán vô tội vạ nhằm giành giật thị phần của nhau.

Biện pháp quản trị

Để thích nghi với tình hình trên, Nhựa Bình Minh đã tiếp tục duy trì và phát triển kênh bán hàng truyền thống là Hệ thống phân phối sản phẩm rộng khắp nhằm mở rộng quy mô và phát triển thị phần. Đồng thời, Nhựa Bình Minh cũng tăng cường thâm nhập vào khách hàng dự án để tăng cường doanh số và sản lượng tiêu thụ. Nhựa Bình Minh còn áp dụng chính sách chiết khấu linh hoạt, phù hợp từng giai đoạn để giữ vững thị phần bên cạnh việc không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO



Các yếu tố nguyên liệu nhựa, chi phí vận chuyển, chi phí lao động... không ổn định và có xu hướng ngày càng tăng trong năm 2017 ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Do giá nguyên liệu chiếm đến 70% - 75% giá vốn hàng bán, trong khi giá bán sản phẩm khó có thể thay đổi, nên biến động về giá nguyên liệu ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả của Công ty. Nguồn nguyên liệu trong nước không đủ cung cấp cho thị trường, tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu còn cao, nên giá nguyên liệu chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ thị trường thế giới.

Biện pháp quản trị

Để phòng ngừa những diễn biến thất thường, Công ty thường xuyên cập nhật tình hình và dự báo kinh tế trong và ngoài nước, về tình hình giá nguyên liệu theo từng tháng, quý từ đó cân đối lượng tồn kho cho phù hợp. Lượng tồn kho đảm bảo cho Công ty hoạt động liên tục trong 2-3 tháng. Công ty ưu tiên nguồn nguyên liệu trong nước để giúp giảm thiểu những biến động về tỷ giá, vận chuyển và tiến độ cung cấp. Đồng thời xây dựng mối quan hệ với đối tác, tạo sự tin cậy với nhà cung cấp, giữ uy tín trong kinh doanh với phương châm đôi bên cùng có lợi, hạn chế tình trạng nhà cung cấp độc quyền.



CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trong 40 hoạt động của mình, Nhựa Bình Minh luôn kiên định với các mục tiêu phát triển bền vững. Nhựa Bình Minh cam kết phát huy hiệu quả việc xây dựng và thực hiện các chương trình vì lợi ích cộng đồng xã hội và bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động.

Đặc biệt, trong năm 2017, Nhựa Bình Minh đã tiên phong trong việc sử dụng hệ phụ gia mới không chứa kim loại nặng, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho sức khỏe người sử dụng và thân thiện với môi trường, phù hợp với sự phát triển chung của ngành nhựa theo xu hướng của thế giới.



THÔNGIỆP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kính thưa Quý vị,

Năm 2017, nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập, Nhựa Bình Minh đã tổ chức và thực hiện nhiều hoạt động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, Công ty đã đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới không có kim loại nặng, thân thiện với môi trường và an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.

Bên cạnh các kết quả kinh doanh tích cực của năm 2017, Công ty còn quan tâm thực hiện các giải pháp liên quan đến phát triển bền vững và trách nhiệm đối với môi trường thông qua các hoạt động kiểm soát diện nước tiêu thụ. Theo đó, Công ty đã tiết giảm được hơn 2,2 triệu Kwh điện, tương đương với số tiền tiết kiệm hơn 3,6 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia các hoạt động chia sẻ lợi ích với cộng đồng xã hội với tổng số tiền hơn 2 tỷ đồng.

Năm 2018, chúng tôi cam kết tiếp tục phát huy hiệu quả việc xây dựng và thực hiện các chương trình vì lợi ích cộng đồng xã hội và bảo vệ môi trường, tiếp tục cập nhật và hoàn thiện cơ chế nội bộ. Đặc biệt quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động, chúng tôi tiếp tục thực hiện kiểm toán độc lập và đánh giá theo định kỳ đối với kết quả hoạt động của Công ty nhằm tìm kiếm những cơ hội cải tiến để hướng đến phát triển bền vững.

Thay mặt cho toàn thể Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ nhiệt tình của các đối tác, nhà phân phối, các cơ quan quản lý hữu quan và toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững. Và đặc biệt tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến người tiêu dùng Việt Nam đã tin tưởng và tin dùng sản phẩm Nhựa Bình Minh trong suốt thời gian qua.

Kính chúc Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Nhà phân phối, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ QUANG DOANH



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Để hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững BMP đã có một loạt các biện pháp cụ thể cho từng lĩnh vực như:



ĐỐI VỚI SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và xử lý nước thải.
- Cải tiến quy trình sản xuất, lắp đặt các thiết bị hiện đại nhằm tăng năng suất, tiết kiệm nguyên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh.
- Chống hàng giả, hàng nhái.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn mới nhất.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.
- Xây dựng hệ thống quan trắc và quản lý môi trường, giám sát đánh giá tác động môi trường.
- Xác định và đánh giá các rủi ro ô nhiễm môi trường để từ đó có các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời áp dụng phân loại rác thải tại nguồn.
- Xây dựng đội ngũ và quy trình sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.



ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đánh giá môi trường làm việc hàng năm để có các biện pháp cải tiến kịp thời.
- Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc sức khỏe, đời sống cho người lao động.
- Cử người lao động tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao chuyên môn đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao nhận thức của người lao động đối với việc tiết giảm năng lượng và gìn giữ môi trường.



ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm với môi trường.
- Duy trì các hoạt động từ thiện thường xuyên như hiến máu nhân đạo, nuôi mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ ngày lương cho quỹ hỗ trợ khó khăn
- Nâng cao ý thức của người lao động đối với các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2017 Công ty đã có những tiến bộ vượt trội trong việc ghi nhận, thống kê các dữ liệu để làm cơ sở phân tích, đánh giá các hoạt động và có những cải tiến, điều chỉnh kịp thời cho các hoạt động liên quan đến môi trường trong năm. Đồng thời, giúp cho việc lập Báo cáo phát triển bền vững một cách chính xác, minh bạch.

Tiếp nối các năm trước, năm 2017 Nhựa Bình Minh tiếp tục thực hiện Báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên của Công ty, theo tài liệu Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững do Ủy ban chứng khoán Nhà nước phối hợp với Tổ chức IFC phát hành và có tham khảo theo tiêu chuẩn công bố thông tin GRI - G4.

Trong báo cáo này, các lĩnh vực trọng yếu được xác định dựa trên đánh giá kết hợp giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và các tác động của chúng tới các hoạt động sản xuất của Nhựa Bình Minh. Trong 40 hoạt động của mình, Nhựa Bình Minh luôn kiên định với các mục tiêu phát triển bền vững. Xuất phát điểm từ

phong trào thi đua tiết kiệm cho sản xuất, từ đó hình thành nên tinh thần tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi và ngày càng ý thức đến việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Năm 2017, Công ty đã nâng cấp hệ thống quản lý môi trường từ phiên bản ISO 14001: 2004 lên phiên bản mới: ISO 14001: 2015. Phiên bản này đặt trọng tâm vào việc xác định, đánh giá rủi ro và quy trình PDCA (Plan - Do - Check - Action), giúp cho Công ty nhìn nhận trước và có các hành động phòng ngừa kịp thời để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra và tận dụng các cơ hội để phát triển. Đồng thời, giúp cho việc ghi nhận, đánh giá các hoạt động môi trường nhanh chóng, chính xác.

KỶ BÁO CÁO

Báo cáo được thành lập cho năm tài chính 2017, bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017. Từ năm 2015, Nhựa Bình Minh tiến hành lập Báo cáo phát triển bền vững định kỳ hàng

năm và công bố cùng với Báo cáo thường niên.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được thực hiện tại Việt Nam, về lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh nhựa, được lập cho Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc là công ty con 100% vốn của BMP.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo được xây dựng dựa trên Hướng dẫn thực hiện báo cáo phát triển bền vững theo Tài liệu hướng dẫn doanh nghiệp lập báo cáo thường niên năm 2017 của Vietnam Annual Report Awards (ARA), Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường & xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, IFC và Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo tiêu chuẩn công bố thông tin GRI - G4 để xác định các lĩnh vực trọng yếu tác động đến các bên liên quan.



THÔNG TIN LIÊN HỆ BÁO CÁO

Các ý kiến đóng góp cho báo cáo hoặc những câu hỏi liên quan đến báo cáo xin vui lòng liên hệ:

Ông **Nguyễn Thanh Hải** - Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 84 28 39690973 (Ext. 104)

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM

Ông **Lê Anh Huy** - Đại diện Lãnh đạo QEMS

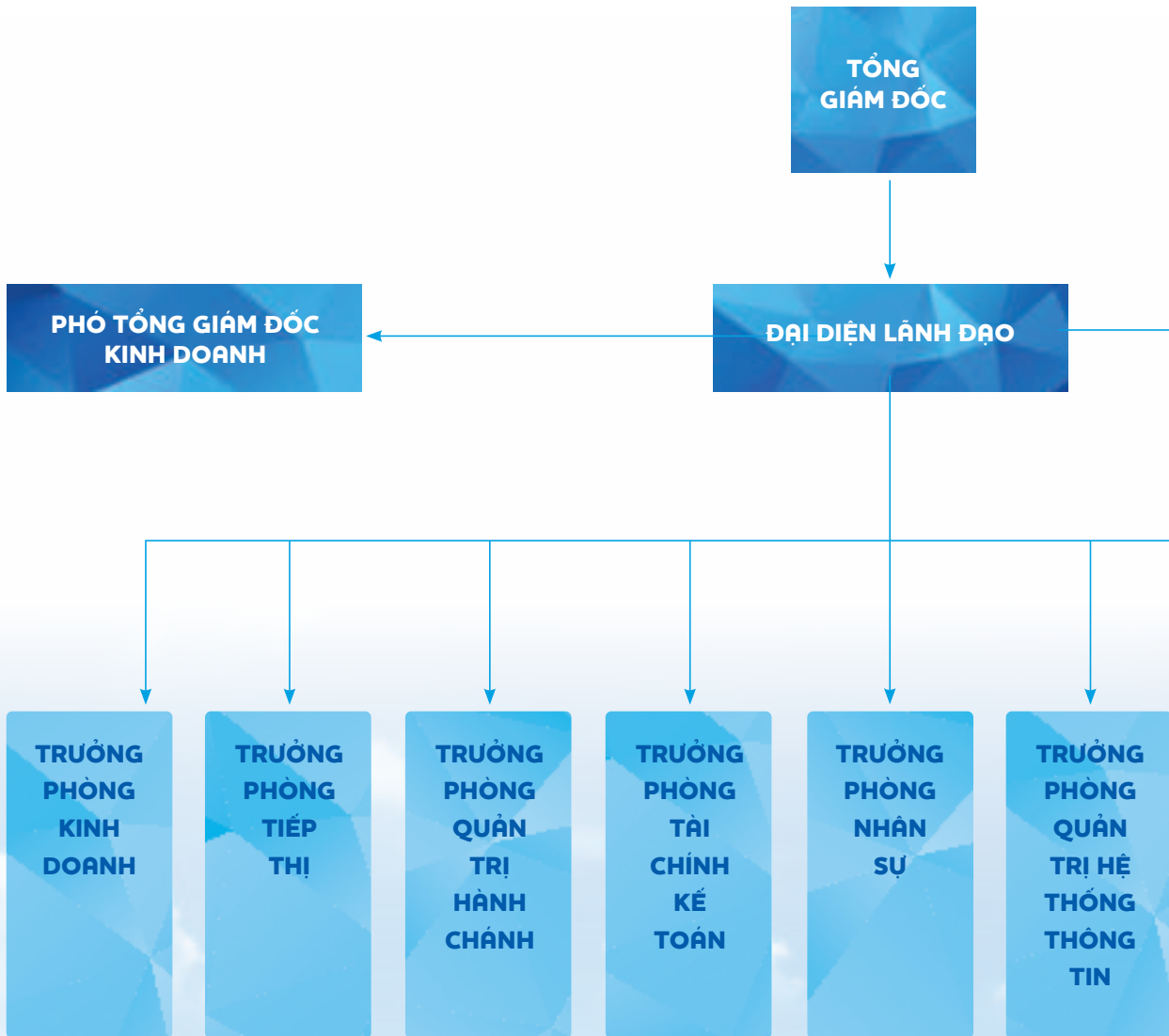
Điện thoại: 84 28 39690973 (Ext. 147)

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM

“Nhựa Bình Minh luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Xuất phát điểm từ phong trào thi đua tiết kiệm cho sản xuất, từ đó hình thành tinh thần tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi và ngày càng ý thức đến việc bảo vệ môi trường.”



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2015



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT**

**TRƯỞNG
PHÒNG
ĐẦU TƯ
NGHIÊN
CỨU
PHÁT
TRIỂN**

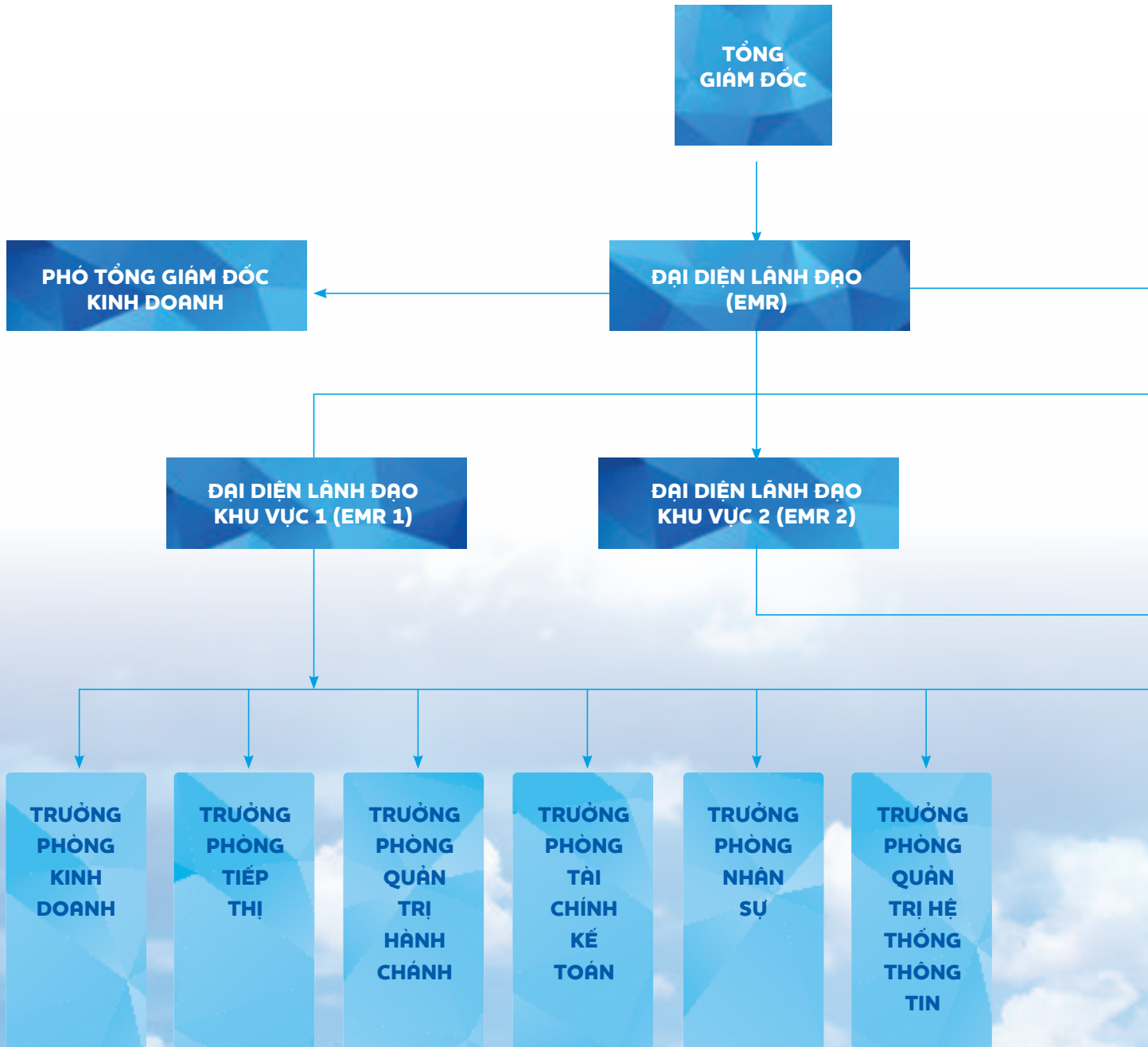
**TRƯỞNG
PHÒNG
ĐẢM
BẢO
CHẤT
LƯỢNG**

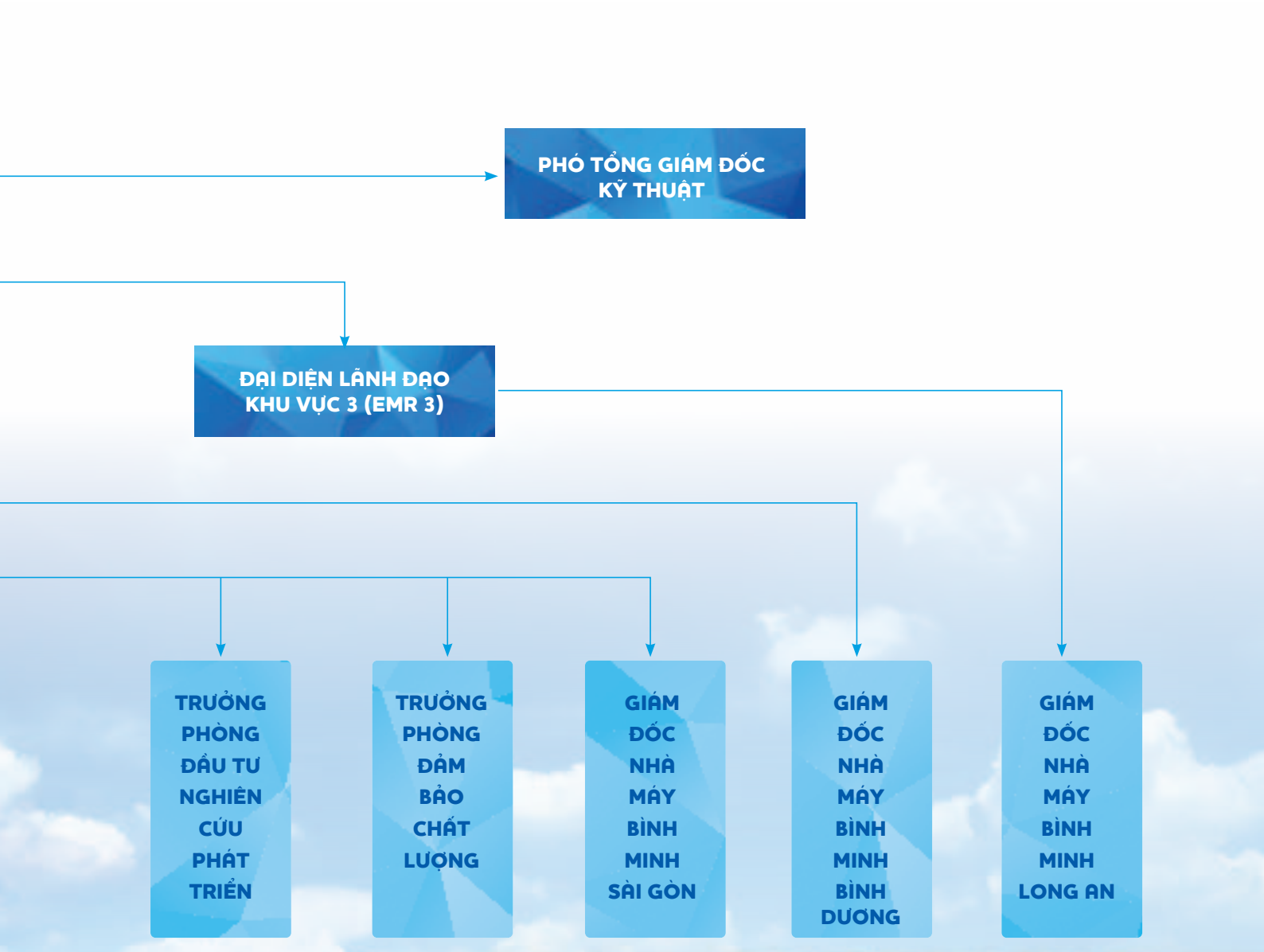
**GIÁM
ĐỐC
NHÀ
MÁY
BÌNH
MINH
SÀI GÒN**

**GIÁM
ĐỐC
NHÀ
MÁY
BÌNH
MINH
BÌNH
DƯƠNG**

**GIÁM
ĐỐC
NHÀ
MÁY
BÌNH
MINH
LONG AN**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001:2015





**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT**

**ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO
KHU VỰC 3 (EMR 3)**

**TRƯỞNG
PHÒNG
ĐẦU TƯ
NGHIÊN
CỨU
PHÁT
TRIỂN**

**TRƯỞNG
PHÒNG
ĐẢM
BẢO
CHẤT
LƯỢNG**

**GIÁM
ĐỐC
NHÀ
MÁY
BÌNH
MINH
SÀI GÒN**

**GIÁM
ĐỐC
NHÀ
MÁY
BÌNH
MINH
BÌNH
DƯƠNG**

**GIÁM
ĐỐC
NHÀ
MÁY
BÌNH
MINH
LONG AN**

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Việc đánh giá và xác định đúng các vấn đề trọng yếu có mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là yếu tố quan trọng để đảm bảo tốt nhất lợi ích cho các bên liên quan. Do đó, dựa trên bối cảnh thị trường ngành nhựa trong nước và thế giới cũng như những thông tin phản hồi và ý kiến các bên liên quan, chúng tôi đưa ra những vấn đề trọng yếu mà các bên quan tâm được ưu tiên thực hiện trong năm 2017.

CƠ SỞ XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của BMP.
- Kết quả đánh giá hoạt động của các phòng ban chức năng.
- Kết quả đánh giá từ các báo cáo giám sát, các báo cáo kiểm toán, kết quả kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất.
- Các phản hồi, đánh giá từ khách hàng, tổ chức tư vấn.
- Tham khảo các báo cáo về dự báo tình hình kinh tế chung và sự phát triển của thị trường ngành nhựa.

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- **Bước 1:** Đánh giá thị trường ngành nhựa, xem xét chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- **Bước 2:** Phân tích các vấn đề có ảnh hưởng đến chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- **Bước 3:** Xác định các vấn đề quan trọng có ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh của Công ty, có tác động đến kinh tế, môi trường, xã hội.
- **Bước 4:** Đánh giá mức độ kiểm soát các hoạt động.
- **Bước 5:** Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu để báo cáo.

MỘT SỐ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU ĐÃ ĐƯỢC CÔNG TY XÁC ĐỊNH BAO GỒM

Kinh tế

- Hiệu quả kinh tế
- Thực hiện chính sách thuế đối với Nhà nước
- Lợi ích cho cổ đông

Môi trường

- Vật liệu
- Năng lượng
- Nước
- Phát thải
- Nước thải và chất thải
- Thông tin nhân sản phẩm và dịch vụ
- Cải thiện môi trường làm việc
- Ứng phó tình huống khẩn cấp

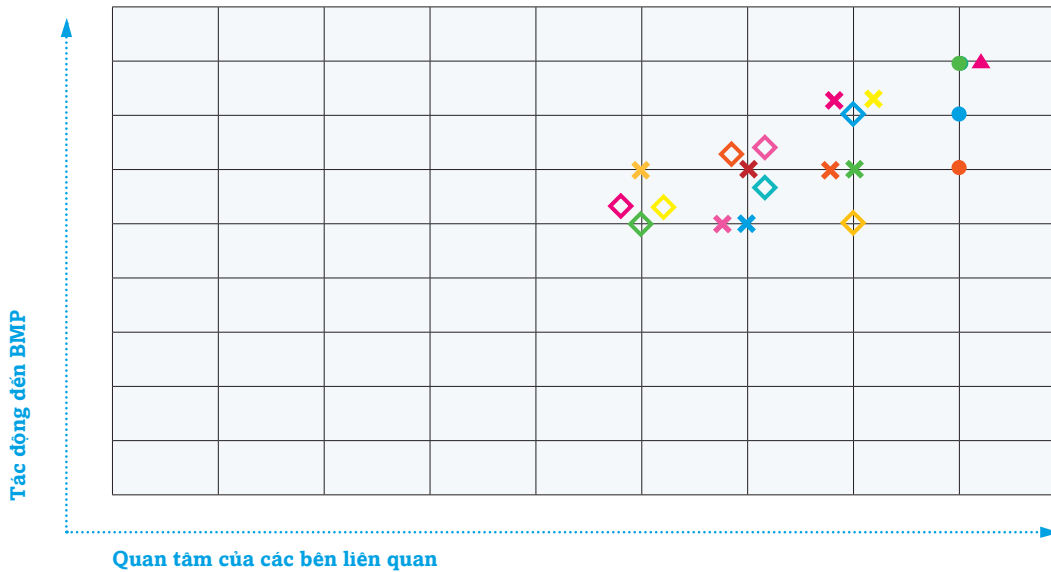
Xã hội

- Việc làm
- An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- Giáo dục và đào tạo
- Quyền con người
- Thỏa ước Lao động tập thể
- Trách nhiệm đối với sản phẩm
- Các hoạt động cộng đồng
- Đánh giá nhà cung ứng

Tiêu chuẩn ngành

- Tuân thủ

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



Kinh tế

- Hiệu quả kinh tế
- Thực hiện chính sách thuế đối với Nhà nước
- Lợi ích cho cổ đông

Môi trường

- ◇ Vật liệu
- ◇ Năng lượng
- ◇ Nước
- ◇ Phát thải
- ◇ Nước thải và chất thải
- ◇ Thông tin nhân sản phẩm và dịch vụ
- ◇ Cải thiện môi trường làm việc
- ◇ Ứng phó tình huống khẩn cấp

Xã hội

- × Việc làm
- × An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- × Giáo dục và đào tạo
- × Quyền con người
- × Thỏa ước Lao động tập thể
- × Trách nhiệm đối với sản phẩm
- × Các hoạt động cộng đồng
- × Đánh giá nhà cung ứng

Tiêu chuẩn ngành

- ▲ Tuân thủ

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (TIẾP THEO)

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cơ sở xác định các bên liên quan

- Dựa trên kết quả đánh giá của Ban điều hành và bộ phận tham vấn về mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ tương tác, tác động của họ đối với các hoạt động của Công ty.
- Kết quả đánh giá từ các báo cáo giám sát, các báo cáo kiểm toán, kết quả kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất.
- Các phản hồi, đánh giá từ khách hàng, tổ chức tư vấn.
- Tham khảo các báo cáo về dự báo tình hình kinh tế chung và sự phát triển của thị trường ngành nhựa.

Quy trình gắn kết các bên liên quan

- **Bước 1:** Xem xét các bên liên quan quan tâm tới Công ty và có tương tác với Công ty.
- **Bước 2:** Phân tích các mức độ tác động có ảnh hưởng đến chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- **Bước 3:** Gắn kết các bên liên quan dựa trên lợi ích và kỳ vọng hợp lý của họ.
- **Bước 4:** Đánh giá các lợi ích và kỳ vọng để không ngừng cải tiến quá trình gắn bó giữa các bên.





GẮN KẾT MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC BÊN LIÊN QUAN

KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC



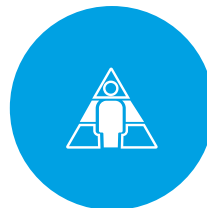
- Tuân thủ pháp luật.
- Triển khai và ủng hộ các chương trình của nhà nước.
- Hiệu quả kinh tế.
- Thực hiện chính sách thuế đối với Nhà nước.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên, năng lượng.

CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ



- Hiệu quả sử dụng vốn.
- Minh bạch thông tin.
- Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư.
- Giá trị doanh nghiệp.
- Năng lực quản trị doanh nghiệp.

KHÁCH HÀNG



- Đa dạng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu sử dụng.
- Thông tin rõ ràng về sản phẩm.
- Chất lượng sản phẩm cao, giá cả phù hợp và dịch vụ tốt.

HÀNH ĐỘNG CỦA BMP

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,...
- Đẩy mạnh quan hệ với các cơ quan chức năng nhưng không lợi dụng những mối quan hệ này để thực hiện hành vi hối lộ nhằm đạt lợi bất chính.
- Tăng cường thu thập, xử lý thông tin, phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các cơ sở làm hàng giả, hàng nhái.

GIÁ TRỊ MANG LẠI

- Tạo việc làm và phúc lợi ổn định cho người lao động.
- Là một trong những doanh nghiệp đóng góp nhiều nhất cho ngân sách nhà nước.
- Thực thi hiệu quả các chính sách tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và nguyên vật liệu.
- Bảo đảm lợi ích người tiêu dùng, giữ vững uy tín và giá trị thương hiệu.

- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và minh bạch.
- Thường xuyên tổ chức các chương trình, hội nghị công khai giúp cổ đông, nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- Đảm bảo các khoản đầu tư của cổ đông, nhà đầu tư được sinh lời.
- Cam kết bảo mật thông tin của cổ đông, nhà đầu tư.

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh.
- Liên tiếp đạt các doanh hiệu cao quý.
- Thực hiện công bố thông tin nhanh chóng, công khai, minh bạch.
- Tỷ suất lợi nhuận trên cổ phiếu cao.
- Đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm.

- Luôn quan tâm và lắng nghe khách hàng.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- Kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Thể hiện sự tri ân đối với khách hàng thông qua việc tổ chức hội nghị khách hàng, những chương trình khuyến mãi, chính sách ưu đãi và chế độ bảo hành, hậu mãi hấp dẫn...
- Chính sách giá cả hợp lý và cạnh tranh, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích khách hàng và lợi ích Công ty.

- Chất lượng sản phẩm cao và ổn định.
- Hệ thống phân phối trải dài khắp toàn quốc với gần 1.600 cửa hàng.
- Khách hàng được tư vấn thông qua các hội thảo, hội nghị, hội chợ...
- Chính sách bảo hành chu đáo và kịp thời.
- Khách hàng gắn bó lâu dài với Công ty.

GẮN KẾT MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC BÊN LIÊN QUAN

KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

NGƯỜI LAO ĐỘNG



- Chính sách phúc lợi, lương thưởng, chế độ làm việc tốt.
- Môi trường làm việc an toàn, không phân biệt đối xử và được chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp.
- Công việc ổn định, cơ hội đào tạo và thăng tiến.

ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG ỨNG



- Hợp tác cùng phát triển.
- Giá thành thu mua hợp lý.

CỘNG ĐỒNG



- Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác.
- Tạo việc làm tại địa phương.
- Ứng phó tình huống khẩn cấp.
- Giảm phát thải, nước thải và chất thải.
- Tham gia, hỗ trợ các hoạt động cộng đồng.

HÀNH ĐỘNG CỦA BMP

- Xây dựng đầy đủ các quy chế về lương, thưởng, phụ cấp rõ ràng và công bằng.
- Áp dụng thưởng thông qua việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong tháng.
- Áp dụng các chế độ phúc lợi và chính sách đãi ngộ cao hơn so với luật định.
- Đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết và xanh, sạch, đẹp.
- Cam kết không sử dụng lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.
- Tôn trọng quyết định, mong muốn, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác của người lao động.

GIÁ TRỊ MANG LẠI

- Đảm bảo hàng năm 100% người lao động được khám và chăm sóc sức khỏe.
- Luôn duy trì môi trường làm việc an toàn, tỷ lệ bệnh nghề nghiệp, và tai nạn lao động được kiểm soát và giảm thiểu.
- Tăng động lực làm việc và sự gắn kết của người lao động với BMP.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết với đối tác.
- Lựa chọn đối tác một cách công bằng dựa trên năng lực đáp ứng nhu cầu.
- Không lạm dụng quy mô, lợi thế để chèn ép và đưa ra những yêu sách vô lý đối với đối tác.
- Không hợp tác với các đối tác có hoạt động sản xuất kinh doanh không minh bạch.
- Không tiết lộ thông tin mật của đối tác cho đối thủ cạnh tranh của họ.

- Tạo được các mối quan hệ gắn kết, hợp tác bền vững.
- Chủ động được nguồn hàng với giá thành hợp lý.
- Đảm bảo chất lượng nguồn hàng ổn định, đồng đều.

- Chung tay cùng các tổ chức và đoàn thể chia sẻ khó khăn với cộng đồng thông qua các hoạt động như hiến máu nhân đạo, đóng góp cứu trợ thiên tai, bão lụt, xây dựng nhà tình thương...
- Cam kết giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng bất lợi đến cộng đồng và môi trường xung quanh.

- Kiểm soát các hoạt động quản lý môi trường.
- Tạo danh tiếng và uy tín trong cộng đồng địa phương.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với phương châm trung thực, công khai và minh bạch trong mọi hoạt động, ngay từ ngày đầu thành lập, Nhựa Bình Minh đã chủ động nghiên cứu, xây dựng cơ chế hợp lý để các bên liên quan tham gia ý kiến. Từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực, các định hướng phát triển mang tầm chiến lược góp phần hoàn thiện cách thức quản lý và vận hành các hoạt động của Công ty, hướng tới mục tiêu mang lại chuỗi giá trị lâu dài cho tất cả các bên.

ĐỐI TƯỢNG

CÁCH TIẾP CẬN

CHÍNH PHỦ



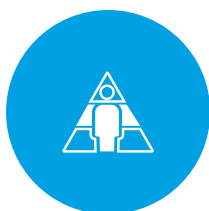
- Tiếp nhận ý kiến đóng góp của các cơ quan chức năng thông qua các buổi kiểm tra đột xuất, định kỳ hàng năm.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành do Chính phủ, các bộ ngành tổ chức.
- Tham gia các hoạt động của các tổ chức, hiệp hội liên quan: Hội Doanh nghiệp TP. HCM, Hội Doanh Nhân trẻ; Hiệp hội Cấp thoát nước Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.
- Báo cáo thuế và phí theo quy định.
- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phòng chống nhựa giả.
- Liên tục cập nhật các chính sách, quy định của Nhà nước.

CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ



- Tổ chức cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý và theo yêu cầu; công bố lịch họp trên website Công ty.
- Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc thông qua trả lời email, điện thoại, fax,...
- Tổ chức Đại hội cổ đông, các cuộc họp định kỳ và bất thường, thông báo BCTC chi tiết trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

KHÁCH HÀNG



- Tư vấn và giải quyết thắc mắc thông qua việc tiếp nhận thông tin trên mạng xã hội, trên chuyên mục Hỏi - Đáp của website Công ty; gặp gỡ trực tiếp hoặc trao đổi qua điện thoại, email của các bộ phận có liên quan.
- Tư vấn và giải quyết thắc mắc thông qua khảo sát ý kiến người tiêu dùng tại các kỳ hội chợ, ghi nhận ý kiến từ các cửa hàng bán sản phẩm.
- Cập nhật thông tin trên trang mạng xã hội, website.
- Tổ chức và tham gia triển lãm, hội nghị, hội thảo, tọa đàm,... (Hội thảo Giới thiệu sản phẩm mới, Hội thảo Hướng dẫn sử dụng các sản phẩm của Công ty...).

NGƯỜI LAO ĐỘNG



- Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo Công ty, tổ chức công đoàn.
- Khảo sát ý kiến nhân viên về an toàn lao động, môi trường làm việc, chính sách, phúc lợi xã hội,... thông qua email, điện thoại, mạng xã hội.
- Tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ.
- Tổ chức hội thao, hội nghị sơ kết, tổng kết năm, các ngày lễ truyền thống của Công ty, du lịch, dã ngoại...

ĐỐI TÁC, NHÀ CUNG ỨNG



- Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp;
- Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc thông qua trả lời email, điện thoại, fax...
- Công khai minh bạch số liệu tài chính.
- Tham dự hội chợ, triển lãm, diễn đàn kinh tế (Đại hội Chi hội Cấp nước miền Nam, triển lãm VietBuild, Hội chợ Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao...).
- Thông qua các quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác, quy chế mua hàng...

CỘNG ĐỒNG



- Tham gia các cuộc vận động về hiến máu nhân đạo, các hoạt động từ thiện vì người nghèo; hỗ trợ nhân dân các vùng thiên tai, lũ lụt...
- Tổ chức thăm hỏi các đối tượng chính sách.

NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đối với khách hàng

Công ty cam kết cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng cao và dịch vụ chu đáo. Trung thực trong các chương trình quảng cáo khuyến mãi. Chính sách bán hàng với giá cả hợp lý, đảm bảo nguyên tắc các bên cùng có lợi.

Đối với nhà đầu tư

Công ty đảm bảo công bố thông tin minh bạch, chính xác, rõ ràng và kịp thời. Duy trì thông tin hiệu quả cho nhà đầu tư qua các kênh như Website, Báo cáo thường niên, các cuộc họp mặt các nhà đầu tư định kỳ hàng quý, gặp gỡ trực tiếp, trả lời qua điện thoại, email.

Đối với nhà cung ứng

Nhựa Bình Minh đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh công bằng, minh bạch dựa trên nguyên tắc hợp tác bình đẳng các bên cùng có lợi. Giữ bí mật thông tin của nhà cung ứng.

Đối với Người lao động

Công ty luôn duy trì mức thu nhập bình quân của người lao động ở mức cao so với mặt bằng lương chung trên thị trường. Áp dụng Thỏa ước Lao động tập thể có các điều khoản tốt hơn so với quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, đồng nghiệp đối xử hòa nhã, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong công việc.

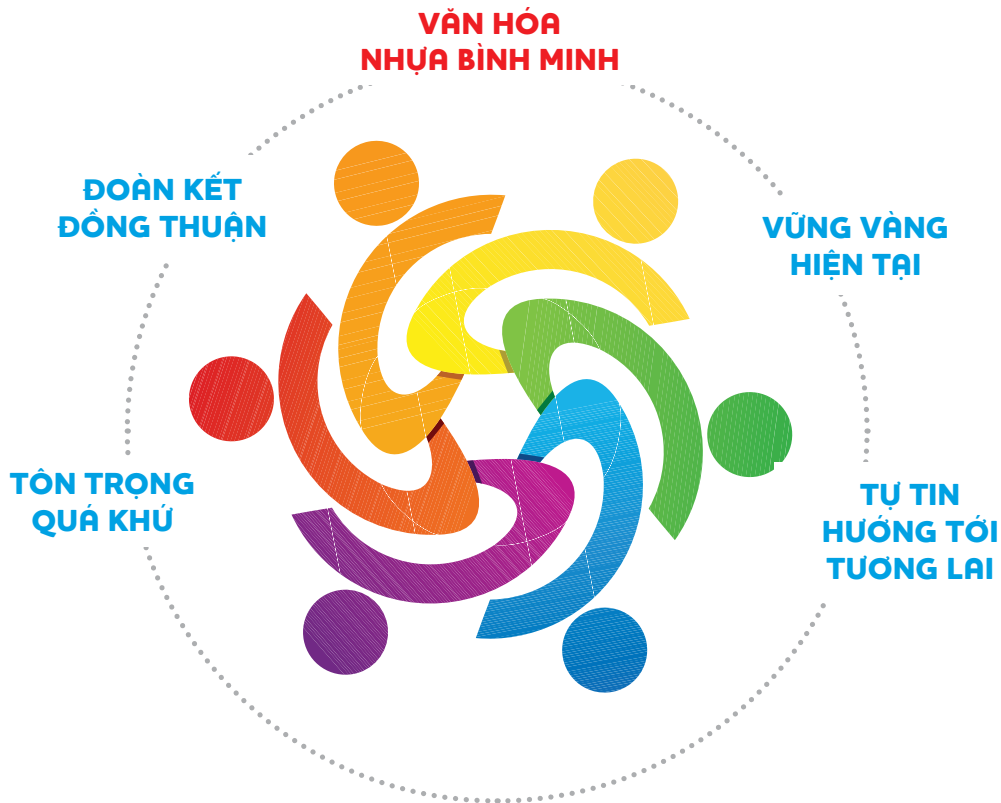
Đối với cộng đồng

Hướng đến việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng, Nhựa Bình Minh tích cực đóng góp và tham gia các hoạt động xã hội như: Chương trình hiến máu nhân đạo, thăm nuôi Mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây nhà tình thương tình nghĩa, tham gia các hoạt động cứu trợ giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, hỗ trợ trẻ em khuyết tật...





VĂN HÓA NHỰA BÌNH MINH



Văn hóa Nhựa Bình Minh được nhen nhóm ngay từ những ngày đầu thành lập Công ty. Đó là sự tận tụy với công việc, sự giản dị, chân thành trong quan hệ giữa Ban Lãnh đạo với toàn thể CBNV trong những giai đoạn khó khăn nhất của Công ty. Trải qua các thời kỳ phát triển, văn hóa Nhựa Bình Minh ngày càng được bồi đắp và định hình một cách rõ nét hơn cho đến khi trở thành giá trị cốt lõi, là nền tảng để Nhựa Bình Minh có được những bước phát triển vượt bậc và vững vàng ở vị trí hàng đầu trong ngành nhựa Việt Nam. Văn hóa Nhựa Bình Minh như một dòng chảy, luôn tồn tại trong tâm thức của các thế hệ CBNV Công ty.

ĐOÀN KẾT - ĐỒNG THUẬN

Đây là điều mà khi nhắc đến Nhựa Bình Minh ai cũng nghĩ ngay đến và đều cảm thấy tự hào. Ở đây, mọi người vẫn luôn đấu tranh cho cái đúng, tranh luận, thuyết phục nhau để đạt đến sự đồng thuận, từ đó cùng nhau thực hiện công việc một cách đồng lòng.

TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ

“Ôn cố tri tân” là những điều luôn được nhắc đến tại Nhựa Bình Minh. Những bài học kinh nghiệm thế hệ trước để lại luôn là hành trang không thể thiếu cho thế hệ sau. Mỗi công sức, mỗi thành quả của thế hệ trước đều được thế hệ sau trân trọng biết ơn. Nhờ đó, nhịp cầu nối giữa quá khứ và hiện tại trở nên



vững bền, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” luôn thấm đẫm trong từng thành viên Nhựa Bình Minh.

VỮNG VÀNG HIỆN TẠI

Ban Lãnh đạo và toàn thể CBNV là những người đã được rèn luyện và trưởng thành qua nhiều năm tại Công ty, có đầy đủ bản lĩnh, năng lực trong việc giải quyết những bài toán hóc búa hiện tại: Phát triển sản xuất, bồi đắp cho thương hiệu, phát triển thị trường,... để Nhựa Bình Minh luôn vững vàng ở vị thế thương hiệu nhựa hàng đầu Việt Nam. Khách hàng, nhà cung ứng luôn tìm thấy ở Nhựa Bình Minh một đối tác tin cậy, biết tôn trọng, bình đẳng và đặc biệt là luôn luôn lắng nghe, đồng hành và chia sẻ để ngày càng gắn bó hơn.

TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự tự tin luôn thể hiện rất rõ trong Ban Lãnh đạo của Nhựa Bình Minh. Những người Lãnh đạo luôn củng cố niềm tin của CBNV bằng định hướng đúng đắn, tiên phong trong ứng dụng công nghệ mới, phương pháp quản lý mới, bằng những kế hoạch chu đáo về cơ sở hạ tầng, điều kiện vật chất và đặc biệt là nguồn nhân lực để Công ty ngày một phát triển hơn tại thị trường Việt Nam và từng bước chinh phục các nước trong khu vực và trên thế giới.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ



Chính sách người lao động là một trong những chính sách quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, để đảm bảo mối quan hệ hài hòa và cân bằng lợi ích giữa người lao động với Công ty, Ban Lãnh đạo luôn đưa ra những nội dung hoạt động có lợi cho người lao động, đồng thời đưa ra chính sách thưởng và hỗ trợ nhằm tạo môi trường năng động và khuyến khích sáng tạo trong công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn ban hành Quy chế Dân chủ - Đối thoại đảm bảo quyền tự do, bình đẳng tạo cơ hội tương tác tốt nhất giữa Ban lãnh đạo với người lao động để có thể giải quyết những vướng mắc nhanh nhất và đóng góp ý kiến về những mặt hạn chế còn tồn tại trong hoạt động giúp Công ty phát triển hơn nữa, người lao động yên tâm làm việc.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Quan hệ lao động

Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động cũng như của người sử dụng lao động, Thỏa ước Lao động tập thể thường xuyên được soát xét để tìm ra những điểm không còn phù hợp. Ngày 01/10/2016, Công ty đã điều chỉnh lại Thỏa ước Lao động tập thể với các nội dung liên quan sao cho phù hợp quy định mới về hệ thống thang bảng lương.

Hiện tại, Thỏa ước Lao động tập thể tại Công ty có những thỏa thuận có lợi hơn cho NLD so với Bộ luật Lao động, ví dụ như:

- Tất cả hình thức hợp đồng lao động đều được ký dưới dạng văn bản, kể cả hợp đồng dưới 3 tháng;
- Không bố trí lao động nữ làm việc theo ca khi còn dưới 18 tháng tuổi, trong trường hợp 2 vợ chồng cùng làm việc theo ca;



- Khi nhận nuôi con nuôi sơ sinh hợp pháp, vẫn được hưởng các quyền như khi sinh con ruột;
- Lao động nam được hưởng chế độ thai sản khi vợ sinh con trong khoảng thời gian 30 ngày đầu,...

Tham gia ký kết Thỏa ước Lao động tập thể có một bên là Tổng Giám đốc Công ty - đại diện người sử dụng lao động và một bên là Chủ tịch Công đoàn Công ty - đại diện NLD.

Nhờ thực hiện nghiêm túc Thỏa ước Lao động tập thể, hiện nay, 100% NLD trong Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động dưới dạng văn bản.

Bên cạnh Thỏa ước Lao động tập thể, còn có một văn bản quan trọng khác quy định mối quan hệ lao động giữa các bên đó là Quy chế Dân chủ - Đối thoại được ban hành từ năm 2015. Theo Quy chế này, hàng năm, Tổng Giám đốc tổ chức đối thoại định kỳ với NLD 4 lần theo các quý, trong đó có một lần tại Hội nghị Người lao động tổ chức vào Quý I.

Trong hoạt động đối thoại, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông tin chính xác tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh theo quý hoặc năm; thông tin về kết quả thực hiện Thỏa ước Lao động tập thể; chế độ chính sách lương thưởng, thi đua; giải đáp các vướng mắc, kiến nghị của NLD; thông tin về việc giải quyết các kiến nghị từ đối thoại trước;... nhằm đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa NLD và Công ty.

Ngoài ra, Công ty cam kết tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Các biện pháp về an toàn lao động đã được tiếp tục thực hiện trong năm 2017, cụ thể:

Biện pháp kỹ thuật

- Thực hiện che chắn, cảnh báo khu vực nguy hiểm.
- Lắp đặt các bệ đỡ để giảm tiếng ồn, độ rung của máy móc.
- Đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt.
- Các hoạt động đo lường các yếu tố vi khí hậu được thực hiện đúng thời hạn nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

Biện pháp y tế, chăm sóc sức khỏe người lao động

- Định kỳ hằng năm, Công ty thực hiện việc khám sức khỏe cho người lao động với tiêu chuẩn khám cao hơn rất nhiều so với quy định của pháp luật. Năm 2017, Công ty đã tiếp tục thực hiện phân loại lao động theo độ tuổi, môi trường làm việc để chỉ định khám chuyên khoa, giúp phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho người lao động.
- Công ty cũng tổ chức bữa ăn tập thể theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Chất lượng bữa ăn thường xuyên được kiểm tra, đánh giá để kịp thời nâng cao hàm lượng dinh dưỡng trong bữa ăn cho cán bộ công nhân viên. Hàng ngày, ngoài bữa cơm trưa các công nhân đều được bồi dưỡng thêm các thức ăn, thức uống bổ dưỡng, giải khát như: sữa tươi, sữa chua, nước chanh đường,...

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

- Tại các nhà máy, Công ty đều trang bị phòng y tế và có y sĩ túc trực để kịp thời chăm sóc sức khỏe, giúp người lao động an tâm làm việc.

- Hàng năm, Công ty mời các cán bộ Trung tâm Y tế - Môi trường lao động công nghiệp tiến hành đo kiểm môi trường định kỳ tại các Nhà máy. Thông qua kết quả đo kiểm, Công ty có những cải thiện kịp thời cho môi trường làm việc của người lao động.

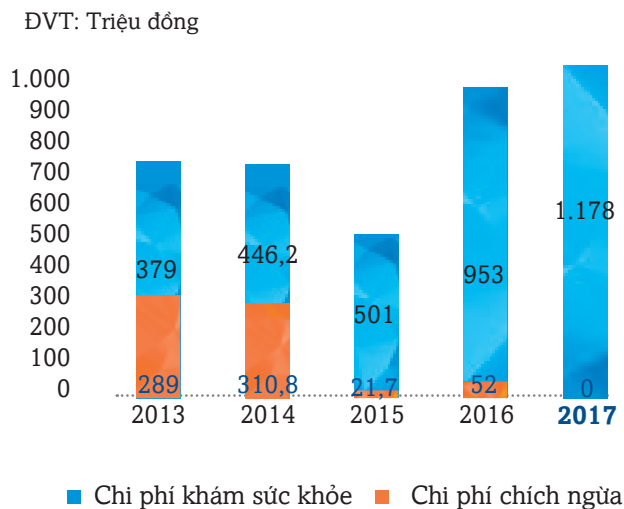
- An toàn lao động luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, ngoài việc cấp phát trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ và đúng tiêu chuẩn cho người lao động theo từng vị trí làm việc như: giày cách điện, mũ tai chống ồn, khẩu trang than hoạt tính, găng tay, kính bảo hộ, dép chống trơn trượt, đai bảo hộ khi làm việc trên cao, nón bảo lao động... Công ty còn có các an toàn viên tại các bộ phận luôn theo dõi, giám sát và nhắc nhở người lao động sử dụng phương tiện bảo hộ lao động đúng lúc, đúng quy cách và đúng mục đích công việc.

Biện pháp tuyên truyền, huấn luyện

Công ty tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) bằng các hình thức như:

- Mời giảng viên của Sở Lao động thương binh và Xã hội TP. HCM đến nói chuyện về chuyên đề ATVSLĐ.
- Tổ chức các buổi tuyên truyền về ATVSLĐ, PCCC nội bộ qua các buổi sinh hoạt an toàn viên, các buổi họp tổ/ họp nhà máy định kỳ hằng quý, hằng 6 tháng đầu năm và cuối năm.
- Thực hiện in và treo các tranh áp phích, pano, băng rôn cổ động tuyên truyền về ATVSLĐ và PCCC tại Công ty.
- Biện pháp phòng cháy chữa cháy.

BIỂU ĐỒ CHI PHÍ CHĂM SÓC SỨC KHỎE



- Tổ chức thực hiện tốt các yêu cầu về PCCC theo quy định của Nhà nước.
- Tuyên truyền ý thức chấp hành công tác PCCC cho toàn thể người lao động.
- Thành lập Đội PCCC tại mỗi khu vực, chịu trách nhiệm và thực hiện công tác PCCC.
- Tổ chức mời Cảnh sát PCCC đến công ty đào tạo, huấn luyện và tuyên truyền và phối hợp diễn tập PCCC, cứu nạn, cứu hộ.
- Cử người lao động ra nước ngoài học nghiệp vụ về công tác PCCC.
- Tổ chức mạng lưới an toàn viên để thực hiện việc kiểm tra công tác ATVSLĐ và PCCC hằng ngày trong ca làm việc.
- Lập Ban kiểm tra cấp Công ty để kiểm tra công tác ATVSLĐ và PCCC đột xuất và định kỳ mỗi quý.
- Kiểm tra định kỳ các trang thiết bị PCCC và ứng phó tình huống khẩn cấp.
- Đầu tư và mua mới các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC.



Những cải tiến về chính sách nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng mang lại thành công cho Công ty, ngoài ra nguồn nhân lực còn là nguồn sáng tạo và đóng góp quan trọng vào sự phát triển không ngừng cho quá trình sản xuất. Ý thức được điều này, Công ty luôn chú trọng đến các chế độ, chính sách đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, tích lũy kiến thức đầy đủ và phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực của người lao động. Đồng thời, Công ty còn chăm lo và hỗ trợ về các mặt tinh thần lẫn vật chất nhằm giúp người lao động yên tâm làm việc. Ngoài những chính sách chế độ theo quy định trong Luật lao động, Công ty còn áp dụng các chính sách riêng có lợi cho người lao động, được quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động tập thể như chính sách lương khi nghỉ thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, chính sách nghỉ dưỡng du lịch hàng năm, v.v... tạo động lực giúp người lao động yên tâm công tác.

Các chính sách liên quan đến người lao động

Với phương châm lấy người lao động làm gốc, Công ty luôn chú trọng đến công tác chăm lo đời sống cho người lao động, bảo đảm được công ăn việc làm, tạo môi trường làm việc tốt để người lao động yên tâm công tác từ đó phát huy tối đa năng lực của mỗi cá nhân.

Tất cả người lao động khi vào làm việc tại Công ty đều được ký Hợp đồng lao động đúng với Luật Lao động. Công ty xây dựng Nội quy lao động và Thỏa ước Lao động tập thể, phổ biến áp dụng trong toàn Công ty và đăng ký với Sở LDTB & XH TP.HCM. Thỏa ước Lao động tập thể, thường xuyên được xem xét và chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới.

Các chính sách lao động của Công ty trong thời gian qua đã thật sự tạo động lực làm việc cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

- Mặc dù có sự điều chỉnh về mức lương vùng cũng như là mức trích nộp BHXH của chính phủ nhưng Công ty vẫn giữ nguyên chế độ phúc lợi cho người lao động, chẳng hạn như:
- Chế độ lương đào tạo: Để tạo điều kiện cho người lao động ngoài việc Công ty chi 100% học phí, người lao động còn được hưởng 100% tiền lương khi tham gia đào tạo trong thời gian làm việc.
- Chế độ lương ốm, thai sản: Để đảm bảo cuộc sống của người lao động trong thời gian ốm

đau hoặc nghỉ thai sản theo quy định, ngoài tiền lương do BHXH chi trả NLĐ còn được hưởng thêm phần lương của Công ty được tính theo mức lương tối thiểu cho những ngày nghỉ.

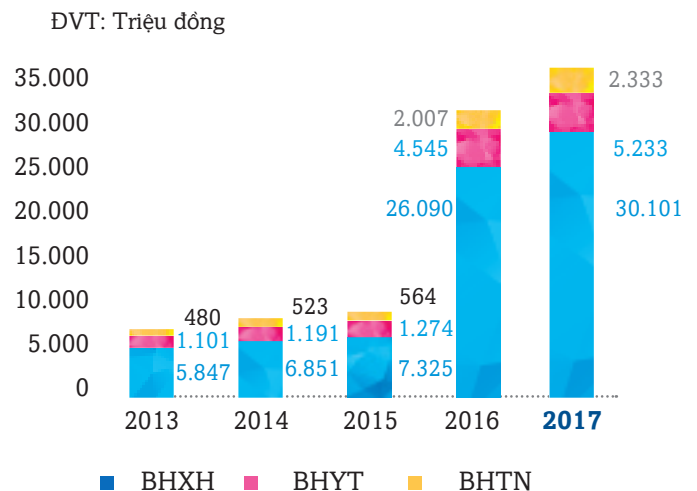
- Chế độ thưởng: Ngoài chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành công việc định kỳ 06 tháng, cả năm, thưởng các dịp ngày Lễ lớn, Tết dương lịch, Tết cổ truyền Việt Nam, người lao động còn được thưởng nhân ngày Kỷ niệm thành lập Công ty hoặc thưởng cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến, cải tiến trong phương pháp làm việc, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chế độ bảo hiểm:

Công ty luôn ý thức trong việc tuân thủ theo quy định của pháp luật, và đảm bảo quyền lợi cho người lao động nên việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN luôn được Công ty thực hiện đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho người lao động trong việc thụ hưởng các chế độ chính sách của BHXH.



BIỂU ĐỒ BHXH, BHYT, BHTN TỪ 2013-2017



Trong năm, cùng với sự gia tăng về số lượng lao động thì các khoản trích đóng BHXH, BHYT, BHTN cũng tăng lên đáng kể. Cụ thể, tỷ lệ các khoản đóng BHXH, BHYT, BHTN đã tăng hơn 15% so với năm 2016.

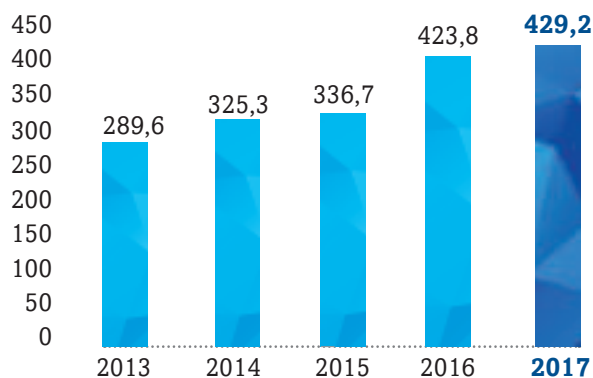
Mặc dù chi phí cho bảo hiểm bắt buộc tăng lên nhưng Công ty vẫn duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc như bảo hiểm rủi ro 24/24, bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm trách nhiệm quản lý... đã thực hiện trong nhiều năm qua để làm tăng thêm phúc lợi cho người lao động và tạo niềm tin cho người lao động yên tâm công tác.

Trong năm 2017, chi phí cho loại hình bảo hiểm không bắt buộc này tăng khoảng 1.26% so với năm 2016, trong đó chế độ bảo hiểm sức khỏe toàn diện chỉ tăng khoảng 0.57%, còn bảo hiểm 24/24 lại tăng thêm đến 2.21%.



CHI PHÍ BẢO HIỂM KHÔNG BẮT BUỘC

DVT: Triệu đồng



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

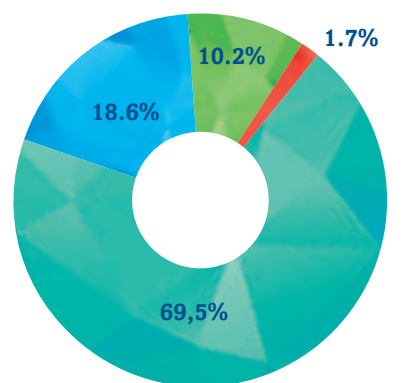


Chính sách huấn luyện, đào tạo

Công ty luôn khuyến khích người lao động đào tạo các lĩnh vực liên quan đến công việc của mình, như nâng cao trình độ chuyên môn, vi tính, ngoại ngữ...

Bên cạnh việc đào tạo nội bộ và đào tạo trong nước, Công ty thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật đi tham gia các khóa đào tạo về công nghệ hiện đại được áp dụng trên thế giới tại các nước như Đức, Ý, Áo, ... các lớp Quản lý chất lượng, sản xuất và cải tiến hiện trường tại Nhật Bản thông qua chương trình HIDA-AOTS. Các cán bộ kỹ thuật sau khi tham gia các khóa đào tạo đã phát huy được tác dụng, mạnh dạn đề xuất ứng dụng khoa học công nghệ mới vào quản lý sản xuất tại Công ty và đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần trong việc phát triển Công ty.

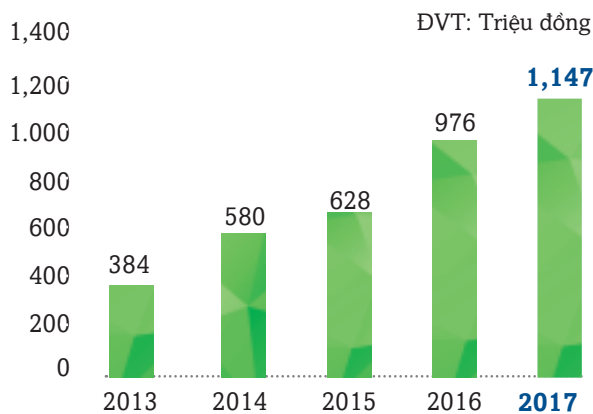
BIỂU ĐỒ CÁC KHÓA ĐÀO TẠO NĂM 2017



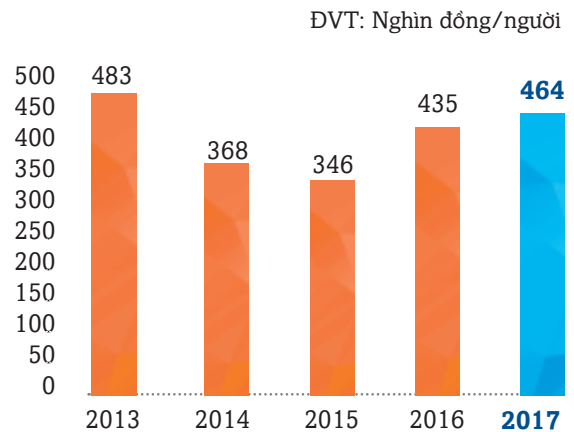
- Môi trường
- Luật định
- Chuyên môn
- Kỹ năng

Trong năm 2017, các lớp học về chuyên môn được Công ty đẩy mạnh thực hiện, chiếm đến 69.5% tổng số khóa học. Thêm vào đó, các lớp học về kỹ năng cho nhân viên cũng chiếm tỷ lệ lớn, khoảng 18.6%.

BIỂU ĐỒ CHI PHÍ ĐÀO TẠO QUA CÁC NĂM



BIỂU ĐỒ SUẤT CHI PHÍ ĐÀO TẠO TỪ 2013-2017



Chi phí đào tạo

Với mục tiêu không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên cũng như trang bị tốt các kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc và theo kịp với sự thay đổi của môi trường thông qua các chương trình, khóa học đã làm tổng chi phí đào tạo công ty tăng lên đáng kể so với năm 2016. Cụ thể, chi phí đào tạo 2017 ở mức hơn 1.1 tỷ đồng, tăng thêm gần 171 triệu đồng (khoảng 17.5%).

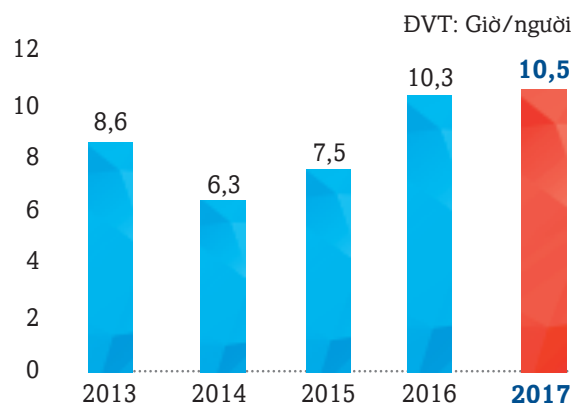
Trong năm 2017, tiếp tục đẩy mạnh các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng cho nhóm đối tượng cán bộ quản lý đã làm gia tăng chi phí đào tạo trung bình thêm 6,7% so với năm 2016.

Mặc dù nhân lực tăng 17% so với năm 2016 nhưng thời gian đào tạo trung bình trong năm tăng không đáng kể, chỉ khoảng gần 2% so với năm trước do đa số các người lao động tuyển mới được đào tạo kèm cặp tại chỗ.

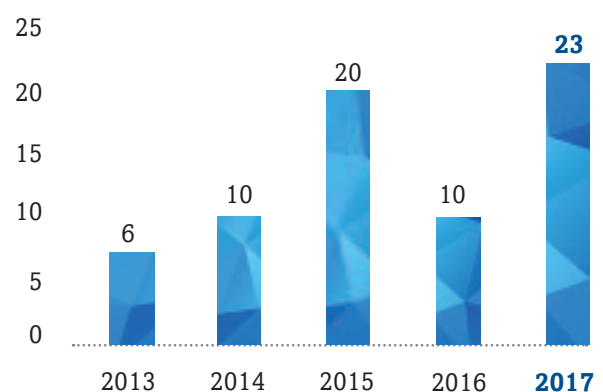
Chế độ quản lý tập sự

Bên cạnh việc chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề và kỹ năng cho người lao động thì vấn đề đào tạo đội ngũ kế thừa cũng được Công ty hết sức coi trọng. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2017 số người được bổ nhiệm tập sự ngày càng tăng, đặc biệt tăng nhiều nhất là trong năm 2017 với tỷ lệ tăng đến 130% so với năm trước.

BIỂU ĐỒ THỜI GIAN ĐÀO TẠO TỪ 2013 - 2017



BIỂU ĐỒ BỔ NHIỆM CBQL TẬP SỰ TỪ 2013-2017



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Năm 2017, tổng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là 96.500 tấn. Trong đó, BMP là 89.000 tấn và NBM là 7.500 tấn.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, AGC VN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001 và quản lý môi trường theo ISO 14001.

Các loại sản phẩm Nhựa Bình Minh được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm, không sử dụng phế liệu; một số ít sản phẩm không phù hợp được đưa vào tái sản xuất với tỷ lệ nhất định cho đến khi hết hoàn toàn. Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

Đặc biệt, trong năm 2017, Nhựa Bình Minh đã tiên phong trong việc sử dụng hệ phụ gia mới không chứa kim loại nặng, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho sức khỏe người sử dụng và thân thiện với môi trường, phù hợp với sự phát triển chung của ngành nhựa theo xu hướng của thế giới.

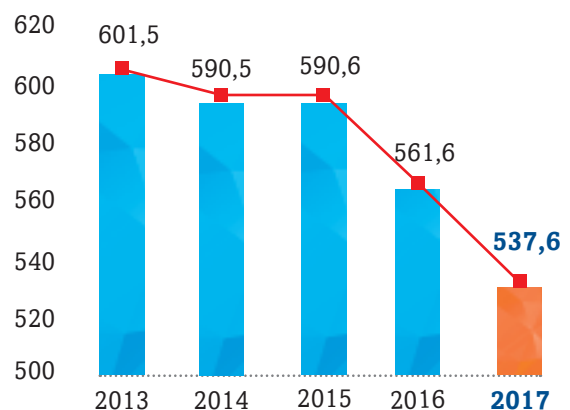
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiếp tục các hoạt động nhằm giảm hiệu ứng nhà kính, Công ty đã tiếp tục duy trì và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm suất tiêu thụ điện năng tiêu thụ như sau:

- Kiểm toán năng lượng tại các khu vực.
- Đào tạo nhận thức về Tiết kiệm năng lượng cho toàn Công ty.

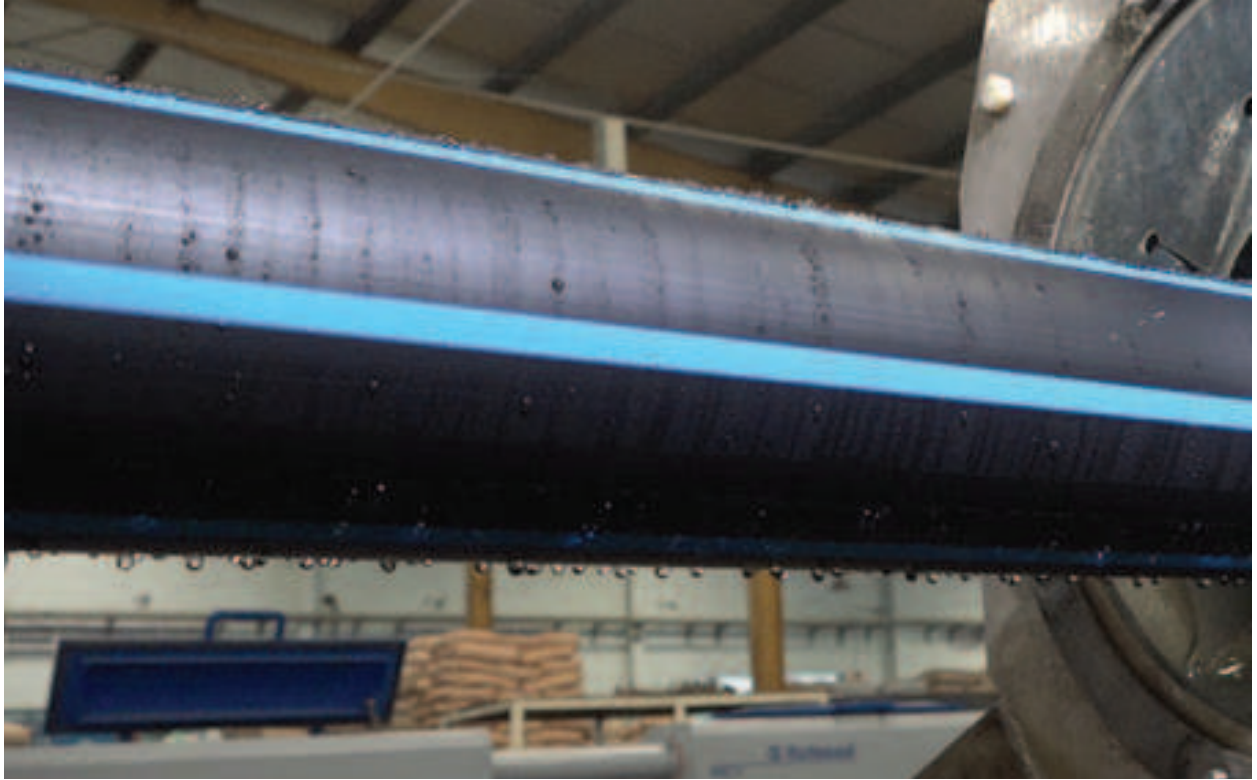
- Giảm tỉ lệ phế liệu.
- Thiết lập kế hoạch sản xuất phù hợp nhằm kiểm soát được tăng giảm suất tiêu hao điện.
- Lắp đặt thiết bị đo đếm và triển khai ghi nhận số liệu để có cơ sở tách riêng số liệu suất tiêu hao cho từng nhóm sản phẩm: phụ tùng, bình xịt, keo dán nhằm thực hiện tiếp tục các giải pháp kỹ thuật.
- Lắp biến tần và servo cho động cơ chính thiết bị sản xuất.
- Đầu tư mới các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ tiết kiệm điện.
- Kiểm soát máy làm lạnh nước các hồ tuần hoàn trong quá trình sản xuất.
- Quá trình thực hiện được ghi nhận xem xét phân tích và đánh giá so sánh theo định kỳ, kết quả thực hiện được trong năm 2017 so với các năm trước như sau:

TỶ SUẤT TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG - BMP (Kwh/tấn)



Tại BMP

NĂM	2013	2014	2015	2016	2017
Sản lượng sản xuất (Tấn):	54.903	65.944	77.395	84.890	91.884
Lượng điện tiêu thụ (1.000 Kwh):	33.026	38.941	45.706	47.673	49.400
Tỷ suất tiêu thụ điện (Kwh/Tấn)	601,5	590,5	590,6	561,6	537,6



Sản lượng sản xuất toàn Công ty năm 2017 tăng hơn 8,2% so với năm 2016 nhưng tổng lượng điện tiêu thụ chỉ tăng có khoảng 3,6% so với cùng kỳ năm 2016.

So với 2016, suất tiêu thụ điện năng năm 2017:

- Giảm được khoảng 4,3%,
- Tương đương lượng điện tiết giảm được hơn 2,2 triệu Kwh.

Giá trị tiết kiệm được hơn 3,6 tỷ đồng.

Hoạt động tiết kiệm năng lượng trong năm 2017 được tiếp tục đánh giá là có hiệu quả cao và ngày càng tiệm cận mức tiêu thụ tối ưu. Nguyên nhân là do Công ty đã tiếp tục đầu tư nhiều thiết bị sản xuất thế hệ tiên tiến với năng suất cao, tiêu thụ điện năng thấp và ý thức sử dụng điện tiết kiệm của người lao động.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

TIÊU THỤ NƯỚC

Với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước tại các nhà máy.

Nguồn nước được Công ty sử dụng cho mục đích chính là nước giải nhiệt cho thiết bị và sản phẩm được tuần hoàn tái sử dụng lại nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.

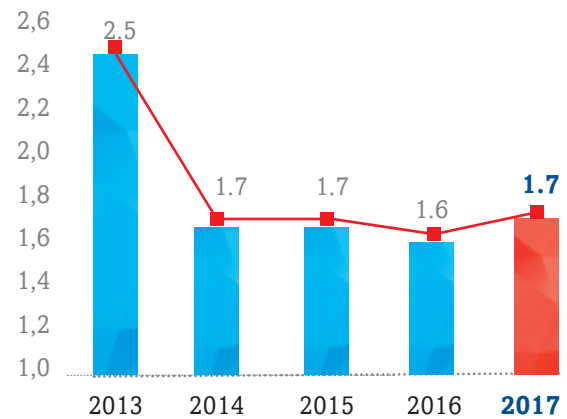
Một số giải pháp nhằm tiết kiệm lượng nước sử dụng như sau:

- Lắp các sơ đồ hệ thống nước cấp cho từng khu vực.
- Lắp đặt các đồng hồ đo, van đóng mở tổng nhằm kiểm soát lượng nước tiêu thụ theo mục đích sử dụng và theo từng khu vực.
- Ghi nhận và phân tích số liệu trên các thiết bị đo nhằm phát hiện ra các trường hợp thất thoát nước và tiến hành khắc phục.

Các giải pháp này đã mang lại hiệu quả cao trong năm 2016. Tuy nhiên, trong năm 2017, suất tiêu thụ

nước toàn Công ty tăng khoảng 0,1 m³/tấn sản phẩm so với năm 2016 với các số liệu ghi nhận như sau:

**TỶ SUẤT TIÊU THỤ NƯỚC
TẠI BMP (m³/tấn)**



Tại BMP

NĂM	2013	2014	2015	2016	2017
Sản lượng sản xuất (tấn):	54.903	65.944	77.395	84.890	91.884
Lượng nước tiêu thụ (m ³):	134.823	110.904	131.455	132.421	158.453
Tỷ suất tiêu thụ nước (m ³ /tấn)	2,5	1,7	1,7	1,6	1,7





Phân tích và đánh giá, suất tiêu hao nước năm 2017 tăng nhẹ so với 2016 là do một số nguyên nhân như sau:

- Xây dựng mở rộng nhà xưởng mới tại Nhựa Bình Minh Long An.
- Lắp đặt thiết bị sản xuất mới, di dời và tái bố trí thiết bị tại các nhà máy.
- Sản xuất thử nghiệm trong quá trình chuyển đổi hoàn toàn sang sử dụng phụ gia không kim loại nặng.
- Quá trình nghiệm thu và sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới tăng mạnh trong năm 2017.
- Sản xuất các loại sản phẩm ống lớn nhưng số lượng ít theo như đơn hàng của khách hàng tại NBM.

Các hoạt động này đã tiêu thụ một lượng nước đáng kể trong năm 2017. Tuy nhiên, các giải pháp tiết kiệm nước đã phát huy hiệu quả nên suất tiêu thụ nước toàn Công ty chỉ tăng nhẹ so với năm 2016, tương đương với các năm 2014 và 2015 và vẫn thấp hơn 2013.

Năm 2018, Lãnh đạo Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động kiểm soát mức tiêu hao nước nhằm tiếp tục tiết giảm suất nước tiêu thụ theo như mục tiêu chất lượng năm 2018 đã đề ra.

BẢO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Năm 2017, Công ty đã cải tiến và chuyển đổi thành công Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015 và đã được Quacert chứng nhận.

Với Hệ thống quản lý này, các hoạt động kiểm soát nhằm tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường đã đem lại nhiều hiệu quả.

Năm 2017, Công ty đã tiếp nhiều đoàn kiểm tra, thanh tra về lĩnh vực môi trường. Các kết quả sau khi kiểm tra, thanh tra đều nhận được nhiều đánh giá tích cực và không ghi nhận bất kỳ vi phạm nào đối với hoạt động tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Kiểm soát nước thải

Xử lý nước thải

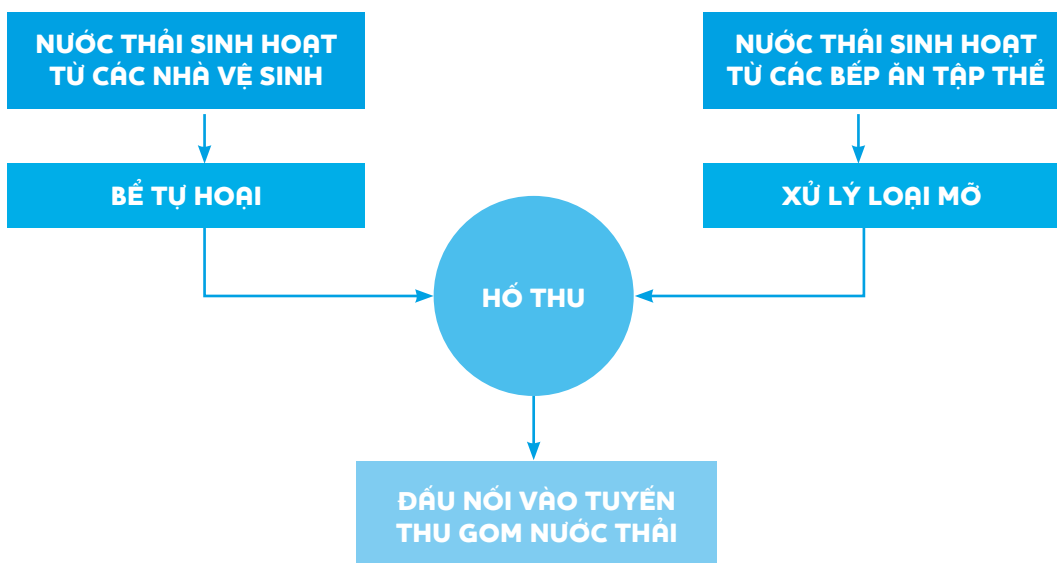
Do nước sử dụng trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh được hoàn lưu tái sử dụng nên lượng nước thải phát sinh chủ yếu từ nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn. Toàn bộ lượng nước thải tại các khu vực được đo đạc, kiểm soát và giám sát theo định kỳ 6 tháng.

Trong năm 2017, tổng chi phí hàng thực hiện cho các hoạt động đo đạc giám sát này khoảng hơn 100 triệu đồng.

Lượng nước thải phát sinh của Công ty được xử lý như sau:

- Tại Khu vực Văn phòng và Nhà máy Nhựa Bình Minh Sài Gòn - Số 240 đường Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh: Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua hệ thống xử lý bằng vi sinh để đạt các kết quả theo quy định QCVN 14:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) trước khi vào hệ thống nước thải chung của Thành phố.
- Tại Khu vực Nhà máy Nhựa Bình Minh Bình Dương (KCN Sóng Thần - Bình Dương), Khu vực Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An (KCN Vĩnh Lộc 2 - Long An), Khu vực Nhựa Bình Minh Miền Bắc (KCN Phố Nối A - Hưng Yên): Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được dẫn về trung tâm xử lý chung để tiến hành xử lý tập trung theo quy định của từng khu công nghiệp.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU
Đại lộ Võ Văn Kiệt



Hệ thống nước thải từ các nhà vệ sinh được qua các bể tự hoại nhằm lọc giữ lại chất rắn và xử lý vi sinh. Đồng thời, nước thải từ các nhà ăn tập thể được qua hệ thống xử lý mỡ nhằm loại bỏ lượng mỡ dư trong nước thải. Sau đó, các nguồn nước thải sau xử lý được thu gom về hố thu chính và thông qua hệ thống cống rãnh chính để tập trung đầu nối với hệ thống thu gom nước thải bên ngoài.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Phương tiện, phương pháp và kết quả giám sát nước thải

Định kỳ 6 tháng tại mỗi khu vực, nước thải được lấy mẫu ngẫu nhiên bởi một đơn vị độc lập để đo đạc kiểm tra.

Bảng thông tin về thiết bị thí nghiệm

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	THỜI GIAN HIỆU CHUẨN	TẦN SUẤT HIỆU CHUẨN
1	Máy quang phổ so màu	UVT60	PGI	08/08/2017	1 lần/năm
2	Lò nung	NABERTHERM LE6 LH/8150	Đức	01/08/2017	1 lần/năm
3	Máy cát nước 1 lần	LPH4	Ấn Độ	-	1 lần/năm
4	Máy đo TDS, EC	ADWA AD332	Hungary	08/08/2017	1 lần/năm
5	Máy đo pH	SCHOTT LAB	Đức	08/08/2017	1 lần/năm
6	Máy đo độ đục	MICRO TPW	Trung Quốc	08/08/2017	1 lần/năm
7	Máy sắc ký khí	VARIAN 450 - GC	Mỹ	08/08/2017	1 lần/năm
8	Tủ ủ BOD	AQUALYTIC	Đức	01/08/2017	1 lần/năm
9	Tủ sấy	MEMMERT 100 – 800 UNB	Đức	02/08/2017	1 lần/năm
10	Lò nung phá mẫu Nito	-	Việt Nam	02/08/2017	1 lần/năm
11	Bộ phá mẫu COD	-	Việt Nam	02/08/2017	1 lần/năm
12	Cân phân tích 4 số lẻ OHAUS PA214	TBPTN15-CPT ^{4S}	Mỹ	01/08/2017	1 lần/năm
13	Tủ ẩm	MEMMERT IN55	Đức	01/08/2017	1 lần/năm



Kiểm soát chất thải rắn:

Chất thải rắn Công ty được phân loại làm 4 loại như sau:

- Chất thải sinh hoạt.
- Chất thải tái chế.
- Chất thải nguy hại.
- Chất thải y tế.

Toàn bộ các nhà máy thuộc Nhựa Bình Minh đã thực hiện:

- Đào tạo về việc phân loại rác thải, nhận thức về giữ gìn vệ sinh chung cho toàn thể người lao động, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường.
- Lắp đặt các thùng rác tại khu vực văn phòng, nhà xưởng và tại khuôn viên xung quanh Công ty để người lao động phân loại trước khi bỏ rác vào thùng rác.
- Kiểm tra định kỳ việc phân loại rác thải.
- Các chất thải được các đơn vị thu gom theo định kỳ và chuyển về nơi xử lý theo pháp luật quy định.
- Các đơn vị thu gom chất thải được xem xét đánh giá và tái ký hợp đồng theo định kỳ hàng năm.

Kiểm soát bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu:

Các biện pháp khắc phục :

Để hạn chế, khắc phục ô nhiễm do bụi, khí thải, các yếu tố vi khí hậu Công ty đã thực hiện các giải pháp sau:

Đối với bụi phát sinh từ quá trình sản xuất:

- Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất được hạn chế tối đa bằng cách tập trung các khâu sản xuất sinh ra bụi vào một khu vực nhất định, các điểm phát sinh nhiều bụi được bao phủ, che chắn để hạn chế bụi phát tán ra xung quanh.
- Lắp đặt thiết bị thu gom bụi tự động tại khu vực trộn bột.
- Thường xuyên quét dọn thu gom bụi.
- Đầu tư và lắp đặt hệ thống cấp liệu tự, dây chuyền khép kín từ nguyên liệu đến bột sau trộn, hạn chế tối đa bụi phát tán ra ngoài.
- Mặt khác, đối với tất cả các khâu sản xuất của Công ty, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của bụi tới sức khỏe của công nhân, Công ty đã chú trọng đến vấn đề bảo hộ lao động bằng cách trang bị khẩu trang chống bụi chuyên dụng cho công nhân khi làm việc trong khu vực sản xuất có phát sinh ra bụi.

- Các hoạt động kiểm tra được thực hiện thường xuyên bởi các An toàn Vệ sinh viên nhằm đảm bảo công tác an toàn lao động và đưa ra các biện pháp xử lý thích hợp, kịp thời.

Đối với khí thải từ quá trình sản xuất

- Tại các khu vực có phát sinh khí thải như trong quá trình sản xuất keo dán ống, hệ thống không khí tại đây được làm tươi liên tục bằng hệ thống thông gió bằng quạt hút.
- Ngoài ra, Nhựa Bình Minh cũng đã trang bị cho các công nhân làm việc tại khu vực này các khẩu trang chuyên dụng để bảo hộ trong quá trình làm việc.

Đối với khí thải từ máy phát điện

- Hệ thống máy phát điện được đặt trong phòng kín có cách âm và ngăn bụi, khí thải được thải thông qua ống khói cao đến 16 m nên không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Hệ thống máy phát điện chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới bị mất điện. Theo số liệu thống kê của các nhà máy, số lần mất điện trong năm 2017 không nhiều do các Công ty Điện lực đã áp dụng giải pháp sửa chữa nóng trên đường dây. Do đó, số giờ hoạt động của máy phát điện cũng rất ít nên ảnh hưởng khí thải từ máy phát điện là không đáng kể.

Đối với bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông:

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và phương tiện đi lại của mọi người trong Công ty chủ yếu là xe nâng hàng, xe máy và xe tải nhỏ, số lượng không nhiều và chủ yếu sử dụng nhiên liệu là xăng nên khí thải và bụi phát sinh ô nhiễm là rất thấp và có thể bỏ qua.
- Ngoài ra, mặt đường nội bộ trong khuôn viên Công ty đều được bê tông hóa và thường xuyên được quét dọn nên khả năng sinh và phát tán bụi rất ít, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.

Đối với sự thông thoáng và nhiệt độ:

Công ty đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tối đa các ảnh hưởng của các yếu tố vi khí hậu đến sức khỏe của công nhân và tạo điều kiện cho công nhân làm việc tốt hơn.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Các biện pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng, sắp xếp bố trí lại nhà xưởng khoa học, sử dụng vật liệu chống nóng, đảm bảo nhiệt độ và sự thông thoáng cần thiết.
- Trên mái nhà xưởng lắp đặt các thiết bị thông gió, đồng thời trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại các nhà xưởng nhằm tăng cường sự thông thoáng, giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị cách nhiệt cần thiết cho người lao động nhằm hạn chế tới mức thấp nhất các tác hại đối với công nhân.
- Thực hiện các giải pháp giảm tiếng ồn như: lắp các tấm cách âm, lắp đặt các bộ đỡ để giảm ồn, giảm rung cho các máy móc.
- Bảo trì thiết bị máy móc đúng theo kế hoạch, đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.
- Trang bị các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...) cho người lao động.
- Kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động.
- Tự động hóa đến mức tối đa các khâu sản xuất phát sinh tiếng ồn cường độ lớn nhằm giảm thời gian và số người tiếp xúc với môi trường này.

Đối với độ rung, tiếng ồn

- Để đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, Công ty đã áp dụng các biện pháp hạn chế sự phát tán tiếng ồn ra môi trường ngoài như sau:
- Khu vực sản xuất có nhiều tiếng ồn được bố trí cách ly.

Phương tiện và kết quả đo mẫu môi trường

Công tác đo đặc bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu luôn được thực hiện định kỳ hàng năm.

Bảng thông tin về thiết bị quan trắc

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	THỜI GIAN HIỆU CHUẨN	TẦN SUẤT HIỆU CHUẨN
1	Máy định vị	GARMIN ETREX 20	Đài Loan	-	-
2	Máy đo hàm lượng bụi	HAZDUST EPAM5000	Mỹ	30/12/2017	1 lần/năm
3	Máy đo khí thải	TESTO350	Đức	28/02/2018	1 lần/năm
4	Thiết bị lấy mẫu bụi, khí	ISO KINETIC C-5000	Mỹ	28/02/2018	1 lần/năm
5	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm	TBQT-NA-14	Đức	09/08/2017	1 lần/năm
6	Máy đo ồn giải tần	ACO TYOE6236	Nhật Bản	07/08/2017	1 lần/năm
7	Máy bơm pin chân không	F&JECOOAIR	Mỹ	07/08/2017	1 lần/năm

Kết quả đo đặc bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu luôn đạt các yêu cầu theo Quy định 3733/2002/QĐ-BYT do Bộ Y tế ban hành, được thể hiện như sau:

TẠI BMP

Khu vực văn phòng và Nhà máy Nhựa Bình Minh Sài Gòn:

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Cường độ ồn (dBA)	76	76	76	76	75	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	30,5	30	28,8	30,2	30,4	≤ 32
Độ ẩm (%)	68,4	79,4	72,8	70,3	66	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Bụi (mg/m ³)	0,41	0,46	0,48	0,49	0,32	6
CO (mg/m ³)	4,35	6,91	5,22	5,82	3,0	18

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm Tư vấn Công nghệ và An toàn vệ sinh lao động).

Khu vực Nhà máy Nhựa Bình Minh Bình Dương:

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Cường độ ồn (dBA)	81	76	84	74	72	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	30,2	30,2	31,8	31,8	28,8	≤ 32
Độ ẩm (%)	-	80	69,9	78,1	66	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Bụi (mg/m ³)	0,42	0,47	0,41	0,52	1,28	6
CO (mg/m ³)	5,16	3,28	4,05	5,98	1,45	18

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm Tư vấn Công nghệ và An toàn vệ sinh lao động).

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Khu vực Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An:

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Cường độ ồn (dBA)	-	-	-	76	73	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	-	-	-	31,8	30,8	≤ 32
Độ ẩm (%)	-	-	-	63,1	63	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Bụi (mg/m ³)	-	-	-	0,19	0,59	6
CO (mg/m ³)	-	-	-	5,42	6,58	18

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm Tư vấn Công nghệ và An toàn vệ sinh lao động).

Tại NBM:

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Cường độ ồn (dBA)	80,4	80,4	79,0	79,2	82,1	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	20,9	16,6	25,8	25,6	20,6	≤ 32
Độ ẩm (%)	40,3	56,5	82,6	79,7	40,4	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY					TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	2013	2014	2015	2016	2017	
Bụi (mg/m ³)	0,381	0,356	0,347	0,894	1,346	6
CO (mg/m ³)	0,440	0,633	0,641	0,486	1,160	20

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường của Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động).



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM

“**Chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu của Nhựa Bình Minh. Đây là nguyên tắc tạo nên thương hiệu Nhựa Bình Minh trong suốt 40 năm hoạt động.**”

SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG HIỆU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI ĐỘC QUYỀN

Sở hữu trí tuệ và đầu tư thương hiệu

Công ty đã thực hiện và duy trì hiệu lực các chứng nhận đăng ký nhãn hiệu trong nước.

Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện bảo hộ thương hiệu và nhãn hiệu theo quy định của chính quyền sở tại và theo Thỏa ước Madrid (VPQT) tại các nước như: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Nga, Úc, Singapore, Philipine, Hoa Kỳ, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Kuwait, Ả Rập Saudi, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Myanmar.

Nghiên cứu cải tiến và phát triển sản phẩm

Năm 2017, Công ty đã cho ra đời dòng sản phẩm mới: Phụ tùng ống PP-R, sản phẩm ống PVC-U không chứa kim loại nặng an toàn cho sức khỏe và thân thiện môi trường.

Bên cạnh đó, trong năm 2017 toàn Công ty cũng đã có 28 sáng kiến được đăng ký, bao gồm các sáng kiến về sản phẩm mới và cải tiến nhằm hợp lý hóa trong quá trình sản xuất, cụ thể: Công nhận hợp lý hóa: 14; Công nhận sáng kiến: 3; Thù lao trả cho tác giả: 53 triệu đồng.

Một số sáng kiến cải tiến quy trình sản xuất được Ban Lãnh đạo Công ty xem xét và ghi nhận. Các sáng kiến cải tiến này đã góp phần tăng năng suất, tạo môi trường làm việc thông thoáng, chuyên nghiệp, các thao tác trong công việc hằng ngày được hợp lý hóa, tiết kiệm sức lao động tại Công ty.

Tổng giá trị làm lợi trong năm 2017: 27,1 tỷ đồng.

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

Thông tin trên nhãn, bao bì và trên chữ in sản phẩm của Nhựa Bình Minh đảm bảo tuân thủ luật pháp và đầy đủ thông tin cho khách hàng. Các thông tin bao gồm:

- Thông tin về Công ty (logo, thương hiệu, địa chỉ sản xuất,...)
- Tên sản phẩm
- Vật liệu chế tạo
- Các thông số kỹ thuật của sản phẩm
- Công dụng sản phẩm và các khuyến cáo

Những thông tin này không những nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng mà còn để Nhựa Bình Minh kiểm soát chất lượng thông qua truy tìm nguồn gốc sản phẩm khi có khiếu nại khách hàng.

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

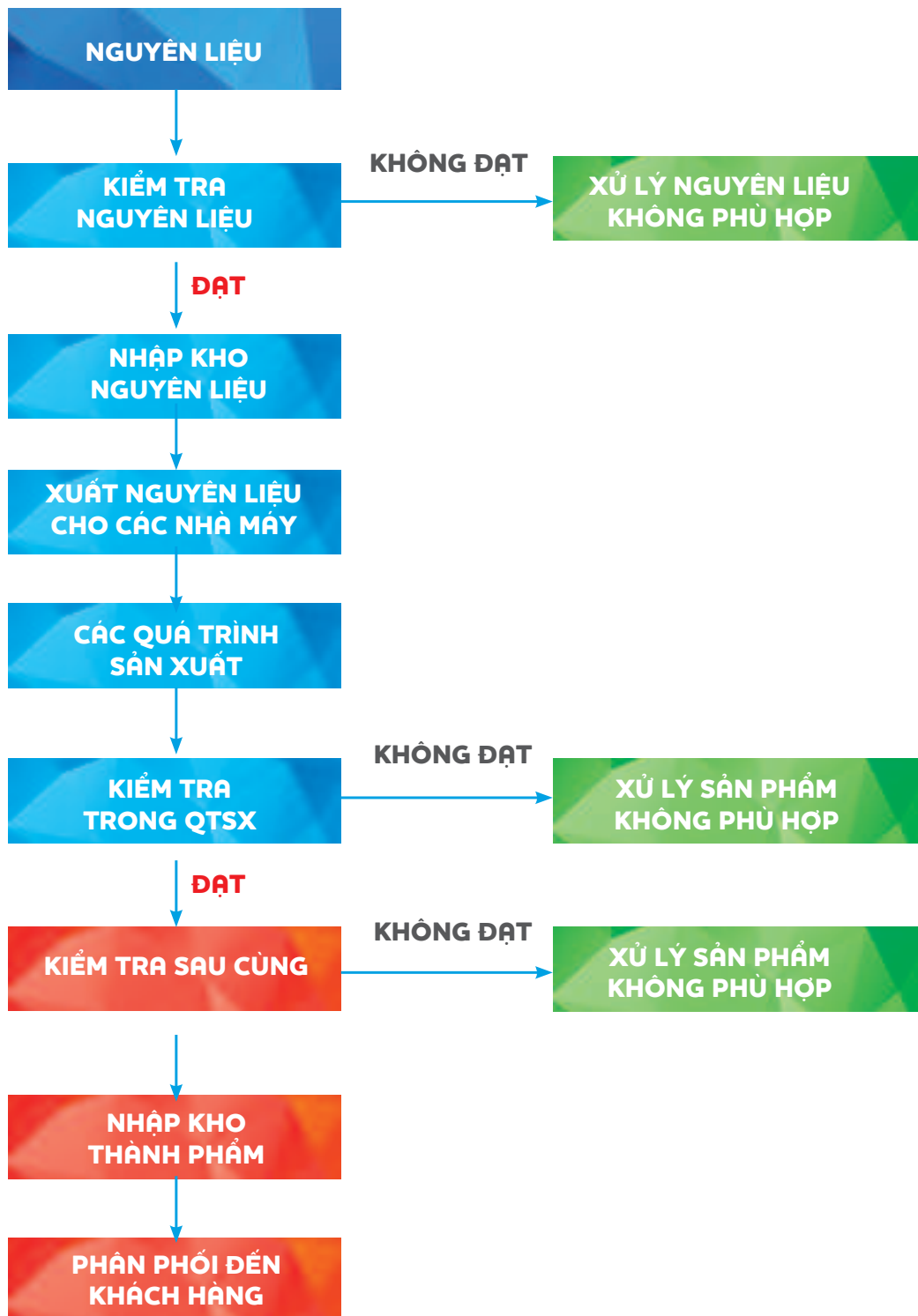
Năm 2017, hệ thống quản lý chất lượng và môi trường công ty đã được cải tiến mạnh mẽ và đã được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015.

Đồng thời, Hội đồng giải thưởng chất lượng Quốc Gia 2017 đã xét duyệt và công nhận Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh đạt Giải thưởng chất lượng Quốc Gia năm 2017.

Liên tục từ nhiều năm qua, sản phẩm Nhựa Bình Minh luôn được Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng 3 giám sát, đánh giá và chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn:

1. ISO 1452:2009 / TCVN 8491:2011 đối với ống và phụ tùng ống uPVC.
2. ISO 4427:2007 / TCVN 7305:2008 đối với ống và phụ tùng ống HDPE.
3. ISO 15874:2013 / TCVN 10097:2013 đối với ống và phụ tùng ống PP-R.
4. DIN 8077:2007/DIN 8078:2007 đối với ống PP-R.
5. ISO 4437:2007 đối với ống HDPE dẫn gas.
6. QCVN 16:2017/BXD đối với ống uPVC, ống PE và ống PP-R.

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH QUY TRÌNH

Nguyên liệu đầu vào

- Nguyên liệu cho sản xuất ống và phụ kiện của Nhựa Bình Minh được cung cấp bởi các nhà sản xuất uy tín hàng đầu trong và ngoài nước như Borouge, Sabic, TPC Vina, Sun Ace...
- Các lô nguyên liệu khi nhập vào Nhựa Bình Minh đều phải có giấy chứng nhận chất lượng về các chỉ tiêu hóa lý, sau đó phải được kiểm tra chất lượng một lần nữa tại phòng thí nghiệm của Nhựa Bình Minh trước khi nhập kho nguyên liệu.
- Nguyên liệu có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu chất lượng của Nhựa Bình Minh sẽ được cách ly và đối trả với nhà sản xuất.

Sản phẩm trong quá trình sản xuất

- Sau khi có thông báo sản xuất, các kho xuất nguyên liệu đến nhà máy để tiến hành sản xuất.
- Tại nhà máy, các chi tiết của sản phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng ở mỗi công đoạn bởi công nhân và kỹ thuật viên công nghệ.
- Chỉ có những sản phẩm đạt hoàn toàn các yêu cầu theo quy định mới được duyệt thành sản phẩm chờ kiểm tra sau cùng.
- Những sản phẩm không phù hợp sẽ được tiến hành xử lý theo phê duyệt.

Sản phẩm đầu ra

- Sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt lại một lần nữa toàn bộ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định bởi các nhân viên QC của Phòng Đảm bảo Chất lượng. Các nhân viên QC hoàn toàn độc lập với nhà máy để đảm bảo rằng sản phẩm được kiểm tra thử nghiệm một cách khách quan và chính xác, hoàn toàn đạt chất lượng như đã công bố trước khi đến tay khách hàng.
- Các chỉ tiêu cơ lý hóa của nguyên liệu và sản phẩm được kiểm tra thử nghiệm tại phòng thí nghiệm bằng các thiết bị hiện đại có xuất xứ từ châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... như máy đo chỉ số chảy Dynisco (Hoa Kỳ), Thiết bị thử áp IPT (Đức), Thử độ bền kéo nén Shimadzu (Nhật),...
- Ngoài ra, các sản phẩm của Nhựa Bình Minh còn được kiểm tra định kỳ độc lập tại các trung tâm thử nghiệm quốc gia như: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng 3 về các chỉ tiêu cơ lý cũng như các chỉ tiêu liên quan đến an toàn sức khỏe người sử dụng.

Với quy trình kiểm tra thử nghiệm này, Nhựa Bình Minh mong muốn đem đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM (TIẾP THEO)

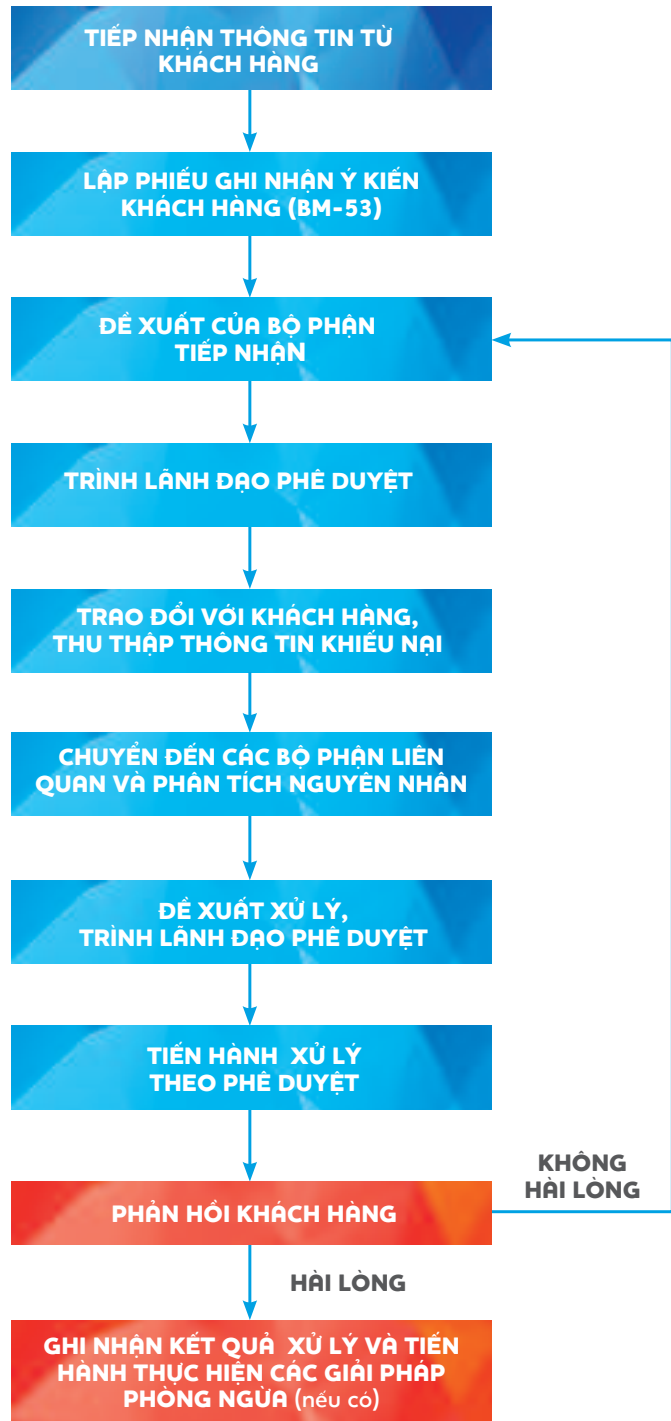
GIẢI QUYẾT PHẢN HỒI, KHIẾU NẠI KHÁCH HÀNG

Nhựa Bình Minh luôn xem các phản hồi, khiếu nại của khách hàng là sự quan tâm của khách hàng dành cho Nhựa Bình Minh, là nguồn thông tin đầu vào quý giá để Nhựa Bình Minh cải tiến liên tục.

Trên cơ sở đó, Nhựa Bình Minh đã thiết lập và duy trì các kênh thông tin trực tiếp tại các cửa hàng đại lý hoặc qua email, điện thoại để tiếp nhận tất cả ý kiến, phản hồi của khách hàng, đặc biệt đối với vấn đề chất lượng sản phẩm. Tất cả khiếu nại của khách hàng được Nhựa Bình Minh ghi nhận và trao đổi, giải quyết với khách hàng trên quan điểm thỏa mãn khách hàng và cải tiến hoạt động.



QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA KHÁCH HÀNG





CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG VỀ TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

STT	TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ
1	Tỷ lệ các sản phẩm không sử dụng hóa chất không an toàn cho sức khỏe / Tổng sản phẩm	100%
2	Nhà máy có chứng nhận về ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004	100%
3	Số vụ vi phạm về nhãn hiệu, công bố thông tin sản phẩm	0
4	Số vụ phải thu hồi sản phẩm do không đảm bảo chất lượng	0
5	Tổng sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời	0
6	Tổng sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhận	0
7	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp	0
8	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị	0
9	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng	0
10	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm và dịch vụ	0

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

CÁC HOẠT ĐỘNG THỂ HIỆN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG



Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức và tham gia nhiều chương trình công tác xã hội thiết thực hướng đến cộng đồng. Các hoạt động này một mặt giải quyết được các vấn đề của cộng đồng, thu được nhiều thiện cảm của cộng đồng đối với Công ty, nhưng quan trọng hơn, chính thông qua các hoạt động này, người lao động trong Công ty tự định hình được cho bản thân những giá trị nhân văn và niềm tự hào khi làm việc cho Nhựa Bình Minh.

Năm 2017, toàn Công ty đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động hướng đến cộng đồng. So sánh với năm 2016, con số này đã tăng hơn 2,7%. Có thể phân loại các hoạt động xã hội đó theo 4 mảng chính như sau:

- **Hoạt động chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng.**
- **Hoạt động chăm lo cho thế hệ trẻ.**
- **Hoạt động đền ơn đáp nghĩa.**
- **Hoạt động khác vì một xã hội công bằng văn minh.**



2.015.000.000

DỒNG

**ĐẦU TƯ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG.**

“Năm 2017, toàn Công ty đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng cho các hoạt động hướng đến cộng đồng. So sánh với năm 2016, con số này đã tăng hơn 2,7%.”

CHI TIẾT GIÁ TRỊ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG TRONG NĂM 2017 NHƯ SAU:

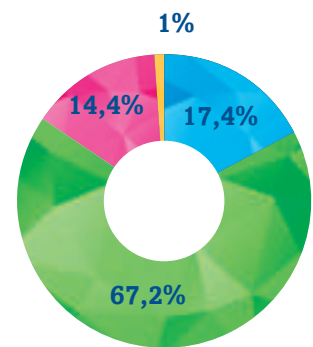
LĨNH VỰC - NỘI DUNG ĐÓNG ĐÓNG GÓP	Quy giá trị thực hiện (triệu đồng)
I. Chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng:	350
• Hỗ trợ khó khăn cho đồng bào vùng núi phía Bắc bị thiên tai mưa lũ (qua Báo NLĐ và UBM-TTQ P9 Q6 TP.HCM)	160
• Hỗ trợ khó khăn cho đồng bào miền Trung bị thiên tai bão lũ (qua Báo NLĐ)	100
• Hỗ trợ khó khăn 6 gia đình công nhân bị ảnh hưởng do thiên tai, tai nạn, bệnh tật...	30
• Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 2 căn nhà tình thương cho 2 hộ nghèo theo chính sách tại Quận 6	80
• Đóng góp vào Quỹ Vì người nghèo của UBMTTQVN TP. HCM	50
• Đóng góp vào Quỹ Công tác Xã hội của Công đoàn Công thương	40
• Tặng quà Tết cho Ban Điều hành Khu phố 1, và đồng bào nghèo tại P9,Q6	10
II. Chăm lo thế hệ trẻ:	1.355
• Cấp dưỡng năm 2017 cho 1 con công nhân bị bệnh mắt.	8
• Tài trợ cho 12 học sinh giỏi tham gia Trại hè Thanh Đa 2017	15
• Thực hiện chương trình học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho sinh viên học sinh có thành tích học tập tốt.	220
• Tặng 10 Học bổng cho học sinh nghèo học giỏi theo Đề nghị của Đoàn Khối DNCNTW tại TP.HCM	10
• Tài trợ Quỹ học bổng Vừ A Dính	500
• Tài trợ Quỹ Trò Nghèo Vùng cao	500
• Tặng tập vở cho Trường Tiểu học Long Sơn, Cần Đước, Long An	12
• Tài trợ các hoạt động Thể dục Thể thao, Văn nghệ Giải trí cho Thanh niên Công nhân	176
• Tổ chức Đêm Hội Trăng Rằm cho Thiếu nhi	40
• Tặng quà Tết cho Thanh niên Công nhân Thành phố	25
• Hỗ trợ Ngày hội việc làm	5
• Hỗ trợ chiến dịch Kỳ nghỉ Hồng của Thành đoàn TP.HCM	25
• Hỗ trợ Hội Trẻ em khuyết tật TP.HCM	20
• Hỗ trợ Hội Thanh niên khuyết tật TP.HCM	20
III. Đến ơn – Đáp nghĩa:	290
• Phụng dưỡng hàng năm 3 Mẹ Việt Nam Anh Hùng- Mẹ Liệt sĩ	29
• Đóng góp Quỹ Vì Biển Đảo Quê hương-Vì tuyến đầu Tổ Quốc	185
• Tặng quà và đóng góp Quỹ CTXH tại Đồn Biên Phòng Lũng Cú, Hà Giang	15
• Tặng quà Tết Chiến sĩ Nhà dân DK1 theo Quỹ Doanh nhân vì cộng đồng	65
• Tặng quà Tết cho đồng bào chiến sĩ vùng biên giới Đắk Nông	40
• Tặng quà Tết cho Công an, PCCC, An ninh, Dân quân tư vệ... tại Q6	30
IV. Các hoạt động Xã hội khác:	20
• Tài trợ chương trình “Vì một Việt Nam tươi đẹp”	20

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (TIẾP THEO)



Biểu đồ tỷ trọng chi phí hoạt động vì cộng đồng

S TT	HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ TRỌNG (%)
1	Chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng	350	17,4
2	Chăm lo thể hệ trẻ	1.355	67,2
3	Đền ơn - đáp nghĩa	290	14,4
4	Hoạt động khác	20	1,0
Tổng cộng		2.015	100

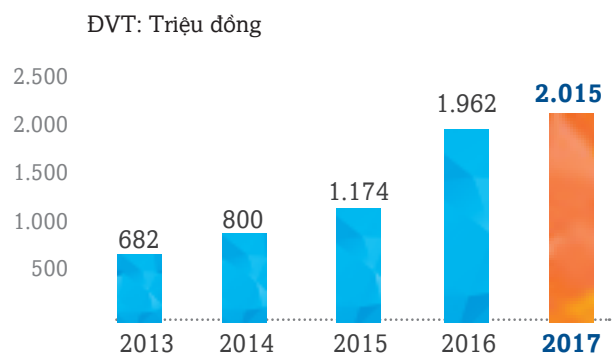


- Chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng
- Chăm lo thể hệ trẻ
- Đền ơn - đáp nghĩa
- Hoạt động khác



Biểu đồ giá trị đầu tư các hoạt động vì cộng đồng trong 5 năm:

NĂM	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)
2013	682
2014	800
2015	1.174
2016	1.962
2017	2.015



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI (TIẾP THEO)



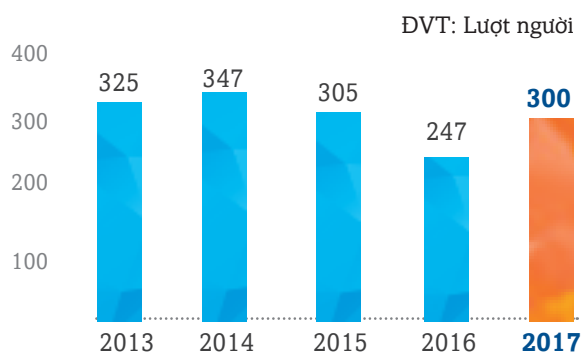
Ngoài những hoạt động vì cộng đồng có thể quy thành giá trị ở trên, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động thông qua những hành động cụ thể để đóng góp công sức cho địa phương địa bàn các đơn vị trong Công ty trú đóng như giao lưu văn nghệ thể thao; tham gia phối hợp giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh, an toàn trên địa bàn; tham gia các sự kiện kỷ niệm, tuyên truyền, thăm hỏi các đối tượng chính sách... Đặc biệt, phong trào Hiến máu nhân đạo vẫn được duy trì như một truyền thống tốt đẹp của Công ty trong suốt 14 năm qua. Năm 2017, Công ty đã vận động và tổ chức cho 300 lượt người lao động tham gia hiến máu nhân đạo. Liên tục trong 5 năm gần đây, Nhựa Bình Minh đã vận động và tổ chức cho 1.524 lượt người lao động trong công ty tham gia hiến máu nhân đạo

Số lượng người lao động hiến máu nhân đạo trong 5 năm:

NĂM	SỐ LƯỢT NGƯỜI LAO ĐỘNG HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO
2013	325
2014	347
2015	305
2016	247
2017	300
Tổng	1.524



“Người lao động trong Công ty tự định hình được cho bản thân những giá trị nhân văn và cảm thấy tự hào khi được là thành viên của Nhựa Bình Minh.”



BẢNG THAM CHIẾU THEO TIÊU CHUẨN GRI4

Mục tham chiếu	Chỉ số GRI	Nội dung báo cáo	Trang
TIÊU CHUẨN CHUNG			
CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH			
G4-1	Đưa ra tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức, Chủ tịch hoặc vị trí cấp cao về sự liên quan của phát triển bền vững với tổ chức và chiến lược của tổ chức về phát triển bền vững.	Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	12-13
		Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững.	124
G4-2	Đưa ra các mô tả về tác động, rủi ro và cơ hội chính.	Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế.	56-61
		Phân tích SWOT.	62-63
		Thông tin thị trường sản xuất kinh doanh ngành nhựa.	66-67
		Đặc điểm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.	68-76
		Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2018.	98-99
Rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro.	118-121		
HỒ SƠ TỔ CHỨC			
G4-3	Tên công ty.	Thông tin khái quát.	16
G4-4	Các thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính.	Ngành nghề kinh doanh.	22
		Danh mục sản phẩm tiêu biểu.	26-29
G4-5	Trụ sở chính.	Thông tin khái quát.	16
G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo.	Địa bàn hoạt động.	24
		Hệ thống phân phối sản phẩm.	24-25
G4-7	Loại hình sở hữu và hình thức pháp lý.	Thông tin khái quát.	16
		Quá trình hình thành và phát triển.	18-21
		Mô hình quản trị Công ty	36
G4-8	Thị trường kinh doanh (theo khu vực địa lý, theo phân khúc thị trường, đối tượng khách hàng).	Hệ thống phân phối sản phẩm.	24-25
G4-9	Quy mô Công ty.	Các nhà máy sản xuất.	25
		Công ty con và công ty liên kết.	38-39
G4-10	Báo cáo về lực lượng lao động.	Tổng quan lực lượng lao động.	78-81
G4-11	Tỷ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các Thỏa ước lao động tập thể.	Quan hệ lao động.	78
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức.	Hệ thống phân phối sản phẩm.	24
		Nguyên liệu đầu vào.	156
G4-13	Bất kể thay đổi nào đáng kể trong kỳ báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng.	Hoàn thành quy hoạch tổng thể nhà máy Nhựa Bình Minh Long An giai đoạn 2	31
		Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.	82

CAM KẾT ĐỐI VỚI CÁC SÁNG KIẾN BÊN NGOÀI

G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không áp dụng xử lý thế nào.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.	156-167
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường, xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành và ủng hộ.	Hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008.	131-132
		Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.	133-134
G4-16	Liệt kê quyền hội viên trong các hiệp hội và các tổ chức vận động trong nước và quốc tế mà tổ chức nắm giữ.	Nhựa Bình Minh hiện là thành viên: Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM, Hội Doanh nhân trẻ, Hiệp hội Cấp thoát nước Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.	142

XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI TRỌNG YẾU

G4-17	Liệt kê các đơn vị bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương. Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương không được đề cập trong báo cáo hay không.	Công ty con.	38-39
		Báo cáo tình hình hoạt động của công ty con.	88
G4-18	Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới các lĩnh vực. Giải thích cách tổ chức đã triển khai các nguyên tắc báo cáo cho việc xác định nội dung báo cáo như thế nào.	Phạm vi báo cáo phát triển bền vững.	128
		Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	128
G4-19	Liệt kê tất cả các lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	134-135
G4-20	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trong tổ chức.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	134-135
G4-21	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	134-135
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về quy mô và các ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	128

SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

G4-24	Cung cấp danh sách các nhóm liên quan được tổ chức mời tham gia.	Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	136-144
G4-25	Báo cáo cơ sở của việc xác định và lựa chọn các bên liên quan để mời tham gia. Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	136-144
G4-26	Báo cáo phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan.	Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan.	142-143
G4-27	Báo cáo các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	134-135

HỒ SƠ BÁO CÁO

G4-28	Giai đoạn báo cáo.	Kỳ báo cáo.	128
G4-29	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	128
G4-30	Chu kỳ báo cáo.	Kỳ báo cáo.	128
G4-31	Thông tin liên hệ nếu có câu hỏi/ thắc mắc liên quan đến báo cáo hay nội dung của báo cáo.	Thông tin liên hệ báo cáo.	128
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	128

BẢNG THAM CHIẾU THEO TIÊU CHUẨN GRI4

QUẢN TRỊ			
G4-34	Cơ cấu quản trị, quản lý của tổ chức.	Mô hình quản trị.	36-42
G4-35	Báo cáo quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các Giám đốc Điều hành cấp cao và các nhân viên khác.	Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008.	131-132
		Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.	133-134
G4-36	Báo cáo liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội hay không, và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không.	Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008.	131-132
		Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.	133-134
G4-37	Báo cáo quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu việc tham vấn được ủy quyền thì mô tả người được ủy quyền là ai và bất kỳ quy trình phản hồi cho cơ quan quản trị cao nhất nào.	Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành.	36-42
		Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan.	142-143
G4-38	Báo cáo thành phần của cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này.	Giới thiệu HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.	44-45
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải cũng là Giám đốc Ban Điều hành hay không.	Chủ tịch HĐQT không tham gia điều hành.	44
G4-43	Báo cáo các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	Quản trị rủi ro.	119-121
G4-45	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội.	Quản trị rủi ro.	119-121
G4-47	Báo cáo tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro về cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất.	Các cuộc họp của HĐQT.	109
G4-48	Báo cáo ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các Lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo.	Thông điệp báo cáo phát triển bền vững.	124
G4-51	Chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao.	Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS và Ban TGD.	114
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức.	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi.	10-11
		Văn hóa Nhựa Bình Minh.	146-147
G4-57	Báo cáo cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tư vấn về hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực, như đường dây trợ giúp/đường dây tư vấn.	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi.	10-11
		Văn hóa Nhựa Bình Minh.	146-147
		Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	138-144
		Cơ chế tiếp nhận ý kiến các bên liên quan.	142-143

DANH MỤC: KINH TẾ

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Sứ mệnh.	10
		Định hướng phát triển.	56
		Định hướng phát triển giai đoạn 2017 – 2018	87
		Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017.	68-69
EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối.	Thông điệp báo cáo phát triển bền vững.	124
		Báo cáo các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho xã hội.	174-179
EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức.	Báo cáo các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho xã hội.	174-179

DANH MỤC: MÔI TRƯỜNG

VẬT LIỆU

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Quản lý nguồn nguyên liệu.	156
---------------	--------------------------------------	----------------------------	-----

NĂNG LƯỢNG

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Thông điệp báo cáo phát triển bền vững.	124
		Các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	156-158
EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức.	Báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng.	156-158
EN5	Cường độ năng lượng.	Báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng.	156-158
EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng.	Báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng.	156-158
EN7	Cắt giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ.	Các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	156-158

NUỐC

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Các giải pháp tiết kiệm nước.	158
EN8	Tổng lượng nước khai thác phân loại theo nguồn.	Báo cáo tình hình tiêu thụ nước.	158-159
EN10	Phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng.	Báo cáo tình hình tiêu thụ nước.	158-159

PHÁT THẢI

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Kiểm soát bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu.	162-167
---------------	--------------------------------------	--	---------

NUỐC THẢI VÀ CHẤT THẢI

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Kiểm soát nước thải và chất thải rắn.	160-167
EN22	Tổng lượng nước thải theo chất lượng thải và nơi thải.	Báo cáo tình hình xử lý nước thải.	160-161
EN23	Phương pháp xử lý chất thải.	Kiểm soát chất thải rắn.	163

THÔNG TIN VÀ NHÂN SẢNH PHẨM DỊCH VỤ

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cung cấp thông tin về sản phẩm.	169
---------------	--------------------------------------	---------------------------------	-----

TUÂN THỦ

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.	132-133
---------------	--------------------------------------	--	---------

VẬN CHUYỂN

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Các biện pháp kiểm soát bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển.	163
---------------	--------------------------------------	--	-----

BẢNG THAM CHIẾU THEO TIÊU CHUẨN GRI4

DÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Những nhà cung cấp nguyên liệu cho BMP đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và quản lý môi trường theo ISO 14001:2004.	170
DANH MỤC: XÃ HỘI			
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG			
VIỆC LÀM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức nhân sự, chính sách, quản lý.	148-155
LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực.	Tổng quan lực lượng lao động.	78
LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian không áp dụng cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa điểm và hoạt động trọng yếu.	Báo cáo mức lương bình quân của người lao động.	81
		Những cải tiến về chính sách nguồn nhân lực.	148-155
QUAN HỆ QUẢN TRỊ/ LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững với người lao động.	141-142
		Quan hệ lao động.	148-149
LA4	Những thay đổi trong hoạt động được nêu cụ thể trong các thỏa thuận tập thể hay không.	Thỏa ước lao động tập thể.	148-149
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	149-150
		An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	149-150
LA8	Các chủ đề về an toàn và sức khỏe được nêu trong các thỏa thuận chính thức với công đoàn.	Các biện pháp khắc phục bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu nhằm cải thiện sức khỏe người lao động.	163-166
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Chính sách huấn luyện, đào tạo.	155
LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên theo giới tính và theo danh mục người lao động.	Chính sách huấn luyện, đào tạo.	155
LA10	Các chương trình về quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động.	Chính sách huấn luyện, đào tạo	155
SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG VỚI NHAU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững đối với người lao động.	141-142
		Quan hệ lao động.	148-149
LA12	Thành phần các cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác.	Cơ cấu nhân sự.	78-81

QUYỀN CON NGƯỜI			
ĐẦU TƯ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Những cải tiến về chính sách nguồn nhân lực.	152-155
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững đối với người lao động.	141-142
		Quan hệ lao động.	148-149
TỰ DO LẬP HỘI VÀ THỎA ƯỚC TẬP THỂ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Quan hệ lao động.	148-149
LAO ĐỘNG TRẺ EM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cam kết không sử dụng lao động trẻ em dưới mọi hình thức.	148-149
LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cam kết không sử dụng lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.	148-149
XÃ HỘI			
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Hoạt động cộng đồng, xã hội.	174-179
SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động được thực hiện với cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.	Hoạt động cộng đồng, xã hội.	174-179
HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Tầm nhìn.	10
		Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế.	56-61
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM			
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG			
PR2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực (tự nguyện tham gia) liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời, phân loại theo loại kết quả.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	173
THÔNG TIN NHÂN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cung cấp thông tin về sản phẩm.	172
PR4	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, phân theo loại kết quả.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	173
TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững đối với truyền thông, báo chí.	142-143
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	173
QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA KHÁCH HÀNG			
PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	173
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Trách nhiệm đối với sản phẩm.	172-173
PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm và dịch vụ.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	173



CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN

Nhựa Bình Minh đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và minh bạch. BMP Thường xuyên tổ chức các chương trình, hội nghị công khai giúp cổ đông, nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ngày 05/02/2018, Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ban hành quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV về việc bán cổ phần của Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	
Ông Suchai Asathavornvanit	Thành viên	Đến ngày 06/06/2017
Ông Apichai Chareonsuk	Thành viên	Từ ngày 06/06/2017
Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 06 đến trang 39 và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày từ trang 06 đến trang 39 kèm theo

hay mặt Hội đồng Quản trị



Lê Quang Doanh

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 107/BCKT/TC

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con, được lập ngày 26/03/2018, từ trang 192 đến trang 226, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh tại mục V.5 trang 209, theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế, quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 và quyết định số 6060/QĐ-CTTTP của Cục Thuế TP.HCM về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 và năm 2010, số thuế TNDN bị truy thu là 49.124.197.087 đồng. Công ty đã nộp và đang tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2017 và 31/12/2017. Nếu Công ty xử lý khoản trên bằng quỹ đầu tư phát triển thì khoản mục phải thu ngắn hạn khác và quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01/01/2017 và 31/12/2017 trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sẽ giảm tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Hồng Nga

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.815.270.863.053	2.185.930.163.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	445.325.555.042	404.984.303.020
1. Tiền	111		445.325.555.042	374.984.303.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		450.000.000.000	490.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	450.000.000.000	490.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		509.512.656.705	810.289.964.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	348.405.029.399	462.713.114.907
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	93.480.282.783	170.182.392.794
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	134.018.851.393	218.899.760.019
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(66.881.685.952)	(41.686.006.490)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	490.179.082	180.703.368
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	384.705.882.686	471.566.033.404
1. Hàng tồn kho	141		384.705.882.686	471.566.033.404
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.726.768.620	9.089.862.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	3.907.456.874	3.883.235.666
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.904.696.261	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.914.615.485	5.206.626.911
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.056.977.318.066	705.145.134.378
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
II. Tài sản cố định	220		934.706.927.841	593.845.512.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	677.513.071.107	341.426.990.122
- Nguyên giá	222		1.474.192.790.354	1.047.248.364.219
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(796.679.719.247)	(705.821.374.097)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	257.193.856.734	252.418.522.102
- Nguyên giá	228		286.549.368.746	276.075.787.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.355.512.012)	(23.657.265.644)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.285.864.322	34.015.745.834
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	10.285.864.322	34.015.745.834
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	67.018.922.495	66.565.759.231
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		64.824.972.095	64.371.808.831
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.193.950.400	4.193.950.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		44.965.603.408	10.718.117.089
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	27.350.170.997	683.454.877
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		17.615.432.411	10.034.662.212
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.872.248.181.119	2.891.075.297.977

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		423.168.399.861	593.701.687.314
I. Nợ ngắn hạn	310		423.168.399.861	593.533.958.214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	170.886.882.020	129.476.100.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	63.406.706.003	7.786.023.112
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	19.982.898.964	49.797.789.009
4. Phải trả người lao động	314		57.623.329.068	45.512.115.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	16.531.617.930	152.716.832.474
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.709.450.534	93.989.310.013
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	61.312.187.000	105.992.187.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.715.328.342	8.263.600.943
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán trái phiếu CP	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	167.729.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	167.729.100
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.449.079.781.258	2.297.373.610.663
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2.449.079.781.258	2.297.373.610.663
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		818.609.380.000	454.784.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		818.609.380.000	454.784.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.238.008.806.063	1.255.583.270.948

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		345.885.260.495	540.429.205.015
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.981.681.900	3.981.681.900
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		341.903.578.595	536.447.523.115
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.872.248.181.119	2.891.075.297.977

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.056.607.554.239	3.678.351.052.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	231.948.886.761	369.607.442.561
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	3.824.658.667.478	3.308.743.610.428
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.901.883.582.006	2.248.176.459.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		922.775.085.472	1.060.567.150.659
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	24.481.735.279	48.978.172.732
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	97.838.321.698	41.507.236.190
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>1.262.423.915</i>	<i>3.396.589.902</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		453.163.264	494.078.484
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	135.639.589.779	166.921.964.902
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	124.418.207.374	115.282.371.963
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		589.813.865.164	786.327.828.820
12. Thu nhập khác	31	VI.8	565.797.993	384.684.264
13. Chi phí khác	32	VI.9	7.422.962.507	2.727.582.521
14. Lợi nhuận khác	40		(6.857.164.514)	(2.342.898.257)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		582.956.700.650	783.984.930.563
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	144.928.431.175	133.538.242.711
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(26.666.716.120)	23.042.204.737
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		464.694.985.595	627.404.483.115
<i>18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	<i>61</i>		<i>464.694.985.595</i>	<i>627.404.483.115</i>
<i>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	5.677	6.452
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	5.677	6.452

Người lập biểu



Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng



Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	582.956.700.650	783.984.930.563
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	98.883.259.060	87.290.025.205
- Các khoản dự phòng	03	25.195.679.462	1.828.607.147
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.466.558	(92.015.072)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.610.482.589)	(48.300.966.554)
- Chi phí lãi vay	06	1.262.423.915	3.396.589.902
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	683.698.047.056	828.107.171.191
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	213.619.237.746	(132.804.411.928)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	79.279.380.519	(142.364.510.546)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	27.506.319.828	32.260.639.603
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.221.208)	(69.150.488)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.716.298.317)	(3.625.874.758)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(179.979.225.604)	(127.206.014.600)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(77.788.720.601)	(47.523.072.259)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	741.594.519.419	406.774.776.215
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(416.011.183.223)	(315.030.878.853)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	9.090.909	170.363.104
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.000.000.000	180.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(53.040.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.144.618.474	43.265.879.922
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	(351.857.473.840)	(144.634.635.827)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.565.000.000	67.562.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(47.245.000.000)	(22.670.000.000)
5. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(304.705.327.000)	(272.870.880.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(349.385.327.000)</i>	<i>(227.978.880.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40.351.718.579	34.161.260.388
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	404.984.303.020	370.744.808.359
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.466.558)	78.234.272
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	445.325.555.042	404.984.303.020

Người lập biểu



Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng



Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 03 năm 2018

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU
Hạ tầng Khu công nghiệp
Dung Quất





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh- chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương	Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có công ty con được hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa	29,05%
Công ty Cổ phần ĐT KD BDS Bình Minh Việt	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản. Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	25,26%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2017/TT-BTC ngày 21/03/2017 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	41 – 50 năm	41 – 50 năm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định là quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu cho Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.679.744.081	3.103.655.327
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	443.645.810.961	371.880.647.69
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	30.000.000.000
Cộng	445.325.555.042	404.984.303.020



Đơn vị tính: VND

Ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	450.000.000.000	450.000.000.000	490.000.000.000	490.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	450.000.000.000	450.000.000.000	490.000.000.000	490.000.000.000
Cộng	450.000.000.000	450.000.000.000	490.000.000.000	490.000.000.000

Dài hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
<i>i) Đầu tư vào công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	11.784.972.095	29,05%	11.331.808.831	29,05%
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	53.040.000.000	25,26%	53.040.000.000	25,26%
Cộng	64.824.972.095		64.371.808.831	

Ghi chú: Quyền biểu quyết của công ty trong các công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại các công ty này.

	31/12/2017				01/01/2017			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>								
Công ty Cổ phần Long Hậu	17.317	193.950.400	-	294.389.000	17.317	193.950.400	-	314.303.550
Công ty CP Nhựa Tân Tiến (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu)	20.000	4.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	20.000	4.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000
Cộng		4.193.950.400	(2.000.000.000)	2.294.389.000		4.193.950.400	(2.000.000.000)	2.314.303.550

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	93.680.866.334	87.589.516.807
Công ty TNHH Đầu Tư - Tư Vấn - Xây Dựng Thép Mới	65.907.614.897	55.233.829.427
Công ty TNHH SXTM Phương Hoàng	38.494.225.344	23.097.554.133
Phải thu bán hàng các khách hàng khác	150.322.322.824	296.792.214.540
Cộng	348.405.029.399	462.713.114.907

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không có

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Nhà Thép Tiên Chế Zamil Việt Nam	-	18.416.521.200
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phan Vũ	-	20.791.460.140
Công ty CP T.B.A	-	20.447.939.480
Battenfeld-Cincinnati Austria	-	31.095.353.168
Công ty CP Điện Máy R.E.E	8.206.532.400	-
Kraussmaffe Technologies GMBH	20.420.934.200	-
Rollepaal BV	12.801.120.070	-
Promixon S.R.L	15.111.176.032	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	36.940.520.081	79.431.118.806
Cộng	93.480.282.783	170.182.392.794

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Không có

5. Phải thu khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tạm ứng	1.028.812.595	520.338.000
Ký cược, ký quỹ	82.773.060.804	140.841.480.124
Phải thu khác	50.216.977.994	77.537.941.895
<i>BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên</i>	<i>936.279.907</i>	<i>584.131.808</i>
<i>Thuế TNDN truy thu đã nộp theo BB thanh tra thuế của Cục Thuế TP (*)</i>	<i>49.124.197.087</i>	<i>71.420.413.472</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>156.501.000</i>	<i>5.533.396.615</i>
Cộng	134.018.851.393	218.899.760.019

Phải thu khác là các bên liên quan: Không có

(*) Thuế TNDN truy thu đã nộp theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế, quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 và quyết định số 6060/QĐ-CTTTP của Cục Thuế TP.HCM. Công ty sẽ xử lý khoản này sau khi xin ý kiến Đại hội cổ đông thường niên 2018.



Đơn vị tính: VND

6. Nợ xấu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	223.940.248.269	157.058.562.317	(66.881.685.952)	59.791.123.414	18.105.116.924	(41.686.006.490)
Cộng	223.940.248.269	157.058.562.317	(66.881.685.952)	59.791.123.414	18.105.116.924	(41.686.006.490)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Hàng tồn kho	490.179.082	180.703.368
Cộng	490.179.082	180.703.368

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	5.032.741.820	-	1.965.923.614	-
Nguyên liệu, vật liệu	140.484.955.983	-	113.898.057.585	-
Công cụ, dụng cụ	14.380.069.882	-	1.058.876.887	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	82.123.339.186	-	124.717.548.043	-
Thành phẩm	97.921.137.041	-	183.482.308.197	-
Hàng hoá	44.763.638.774	-	46.443.319.078	-
Cộng	384.705.882.686	-	471.566.033.404	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	188.690.450.967	823.413.199.954	27.766.010.661	7.378.702.637	1.047.248.364.219
Số tăng trong năm	311.248.969.079	113.219.406.656	4.754.808.000	44.300.000	429.267.483.735
- Mua sắm mới	-	113.219.406.656	4.754.808.000	44.300.000	118.018.514.656
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	311.248.969.079	-	-	-	311.248.969.079
- Phân loại lại	-	-	-	356.982.193	-
Số giảm trong năm	-	1.309.950.933	656.124.474	356.982.193	2.323.057.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.666.933.126	656.124.474	-	2.323.057.600
- Giảm khác	-	356.982.193	-	-	-
Số dư cuối năm	499.939.420.046	934.608.691.219	31.864.694.187	7.779.984.830	1.474.192.790.354
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	103.801.324.924	578.425.550.271	18.944.668.670	4.649.830.232	705.821.374.097
Số tăng trong năm	19.733.498.486	69.832.848.563	3.156.594.526	462.071.117	93.185.012.692
- Khấu hao trong năm	19.733.498.486	69.832.848.563	3.156.594.526	462.071.117	93.185.012.692
- Phân loại lại	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.670.543.068	656.124.474	-	2.326.667.542
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.670.543.068	656.124.474	-	2.326.667.542
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	123.534.823.410	646.587.855.766	21.445.138.722	5.111.901.349	796.679.719.247
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	84.889.126.043	244.987.649.683	8.821.341.991	-	341.426.990.122
Tại ngày cuối năm	376.404.596.636	288.020.835.525	10.419.555.465	2.668.083.481	677.513.071.107

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 525.090.773.064 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)**

Năm 2017

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	275.650.873.946	424.913.800	276.075.787.746
Số tăng trong năm	-	10.473.581.000	10.473.581.000
- Mua sắm mới	-	10.473.581.000	10.473.581.000
- Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
Số dư cuối năm	275.650.873.946	10.898.494.800	286.549.368.746
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	23.430.279.415	226.986.229	23.657.265.644
- Khấu hao trong năm	5.556.608.436	141.637.932	5.698.246.368
- Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
Số dư cuối năm	28.986.887.851	368.624.161	29.355.512.012
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	252.220.594.531	197.927.571	252.418.522.102
Tại ngày cuối năm	246.663.986.095	10.529.870.639	257.193.856.734

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCD trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	53.339.608	733.911.465	733.911.465	53.339.608
Xây dựng cơ bản dở dang	33.962.406.226	297.992.668.567	321.722.550.079	10.232.524.714
- Chi phí tư vấn triển khai CNTT và bản quyền phần mềm Oracle	13.581.463.257	6.641.804.800	10.473.581.000	9.749.687.057
- Nhà máy tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An	20.380.942.969	291.350.863.767	311.248.969.079	482.837.657
Cộng	34.015.745.834	298.726.580.032	322.456.461.544	10.285.864.322

12. Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	3.907.456.874	3.883.235.666
Chi phí chờ phân bổ	3.907.456.874	3.883.235.666
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.907.456.874	3.883.235.666

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính : VND

	31/12/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	53.040.000.000	53.040.000.000	-	-	53.040.000.000	53.040.000.000
Các đối tượng khác (*)	8.272.187.000	8.272.187.000	2.565.000.000	47.245.000.000	52.952.187.000	52.952.187.000
Cộng	61.312.187.000	61.312.187.000	2.565.000.000	47.245.000.000	105.992.187.000	105.992.187.000

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cộng thêm 10% của mức lãi suất này cùng thời điểm.

Vay ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	53.040.000.000	53.040.000.000	-	-	53.040.000.000	53.040.000.000
--	----------------	----------------	---	---	----------------	----------------

14. Phải trả người bán

Đơn vị tính : VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC ViNa	47.733.576.000	47.733.576.000	46.553.496.000	46.553.496.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	25.009.600.000	25.009.600.000	36.011.360.000	36.011.360.000
Phải trả cho các đối tượng khác	98.143.706.020	98.143.706.020	46.911.244.215	46.911.244.215
Cộng	170.886.882.020	170.886.882.020	129.476.100.215	129.476.100.215
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	4.190.489.619	4.190.489.619	-	-

**15. Người mua trả tiền trước**

<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Xây Dựng - Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Lan Thanh	16.026.071.958	5.302.183.290
Công ty TNHH Trường Minh Hải	13.157.023.670	1.687.875.080
Công ty TNHH SX TM DV Minh Liêm	20.881.330.280	-
Các khách hàng khác	13.342.280.095	795.964.742
Cộng	63.406.706.003	7.786.023.112

16. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

Đơn vị t : VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
<i>a) Thuế phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	479.142.803	91.439.192.374	90.428.502.176	1.489.833.000
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	12.233.575.505	12.233.575.505	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	302.900.374	302.900.374	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.093.469.653	144.928.431.175	179.979.225.604	14.042.675.225
Thuế thu nhập cá nhân	225.176.553	2.127.142.306	540.758.529	1.811.560.330
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	344.388.485	344.388.485	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.706.037.829	67.207.420	2.638.830.409
Cộng	49.797.789.009	254.084.668.048	283.899.558.093	19.982.898.964
<i>b) Thuế phải thu</i>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.914.615.485	1.914.615.485
Thuế thu nhập cá nhân	5.206.626.911	23.179.940.666	17.973.313.755	-
Cộng	5.206.626.911	23.179.940.666	19.887.929.240	1.914.615.485

17. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chiết khấu phải trả	13.440.858.226	146.404.198.368
Chi phí lãi vay	670.759.704	4.124.634.106
Chi phí thù lao HDQT, BKS	2.210.000.000	1.978.000.000
Chi phí khác	210.000.000	210.000.000
Cộng	16.531.617.930	152.716.832.474

18. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>3.709.450.534</i>	<i>93.989.310.013</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	393.273.928	472.476.678
Kinh phí công đoàn	1.087.643.886	964.746.875
Nhận ký quỹ, ký cược	1.140.000.000	1.190.000.000
Cổ tức phải trả	350.414.300	91.307.374.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	738.118.420	54.712.160
<i>b) Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>167.729.100</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	-	167.729.100
Cộng	3.709.450.534	94.157.039.113

Số không có khả năng trả: không có

Phải trả khác là các bên liên quan: không có

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	28.232.506.040	1.863.583.711
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(882.335.043)	(1.180.128.834)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.350.170.997	683.454.877

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	1.065.824.112.077	44.983.552.000	448.093.837.257	2.015.279.084.034
- Lãi trong năm					627.404.483.115	627.404.483.115
- Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo NQ ĐHDCD					(444.112.155.358)	(444.112.155.358)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(204.653.160.000)	(204.653.160.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			189.759.158.871		(189.759.158.871)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(44.510.831.487)	(44.510.831.487)
+ Thường cho HDQT và BKS					(5.189.005.000)	(5.189.005.000)
- Chia cổ tức năm 2016					(90.956.960.000)	(90.956.960.000)
Số dư cuối năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	1.255.583.270.948	44.983.552.000	540.429.205.015	2.297.373.610.663
Số dư đầu năm nay	454.784.800.000	1.592.782.700	1.255.583.270.948	44.983.552.000	540.429.205.015	2.297.373.610.663
- Lãi trong năm					464.694.985.595	464.694.985.595
- Phân phối lợi nhuận năm 2016					(536.447.523.115)	(536.447.523.115)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(90.956.960.000)	(90.956.960.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			346.250.115.115		(346.250.115.115)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(56.466.403.000)	(56.466.403.000)
+ Trích quỹ thưởng đặc biệt cho NLD, HDQT và BKS					(36.500.000.000)	
+ Thường cho HDQT và BKS					(6.274.045.000)	(6.274.045.000)
- Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	363.824.580.000		(363.824.580.000)			
- Chia cổ tức năm 2017 (**)					(122.791.407.000)	(122.791.407.000)
Số dư cuối năm nay	818.609.380.000	1.592.782.700	1.238.008.806.063	44.983.552.000	345.885.260.496	2.449.079.781.259

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:8 từ Quỹ Đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 ngày 18/04/2017.

(**) Theo nghị quyết số : 08/NQ-BM/HDQT/2017 ngày 31/10/2017 của HDQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2017 là 15%/ Vốn điều lệ 1.500 đồng trên 1 cổ phiếu.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	%	01/01/2017 VND	%
Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	241.599.060.000	29,51%	134.221.700.000	29,51%
Vốn góp của các đối tượng khác	577.010.320.000	70,49%	320.563.100.000	70,49%
Cộng	818.609.380.000	100,00%	454.784.800.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	454.784.800.000	454.784.800.000
Vốn góp tăng trong năm	363.824.580.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	818.609.380.000	454.784.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(213.748.367.000)	(295.610.120.000)
<i>Trong đó:</i>		
+ <i>Bằng tiền</i>	<i>(213.748.367.000)</i>	<i>(295.610.120.000)</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81.860.938	45.478.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	81.860.938	45.478.480
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.860.938</i>	<i>45.478.480</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.860.938	45.478.480
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.860.938</i>	<i>45.478.480</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2017	01/01/2017
+ USD	289.273,32	227.206,74
+ EUR	17.445,37	20.828,36
+ JPY	42.000,00	150.000,00
+ SGD	2.450,00	2.450,00
+ THB	13.500,00	41.500,00

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)**

Năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.056.607.554.239	3.678.351.052.989
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.805.089.967.778	3.341.230.622.533
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	251.369.000.802	337.042.605.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ	148.585.659	77.825.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	231.948.886.761	369.607.442.561
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	230.782.768.044	368.149.395.840
Hàng bán bị trả lại	1.166.118.717	1.458.046.721
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.824.658.667.478	3.308.743.610.428
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.581.638.039.636	3.005.205.339.074
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	242.872.042.183	303.460.445.988
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	148.585.659	77.825.366

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.653.141.369.744	1.950.197.167.037
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	248.742.212.262	297.979.292.732
Cộng	2.901.883.582.006	2.248.176.459.769

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.144.618.474	48.189.555.338
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	57.019.028
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	337.116.805	549.389.918
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	92.015.072
Lãi bán ngoại tệ	-	90.193.376
Cộng	24.481.735.279	48.978.172.732

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền vay	1.262.423.915	3.396.589.902
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	258.055.954	90.125.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.466.558	-
Chiết khấu thanh toán	96.307.375.271	35.219.170.463
Lãi chậm thanh toán	-	2.801.349.833
Cộng	97.838.321.698	41.507.236.190

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	16.528.815.827	43.135.393.547
Chi phí vật liệu, bao bì	25.038.383.659	17.237.799.390
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	2.426.974.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.840.066.132	1.264.460.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.723.585.392	67.707.669.947
Chi phí bằng tiền khác	10.508.738.769	35.149.666.449
Cộng	135.639.589.779	166.921.964.902
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	24.405.000.709	41.065.546.442
Chi phí vật liệu quản lý	17.520.614.122	31.122.423.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.927.174.367	2.660.815.955
Thuế, phí và lệ phí	772.018.336	756.348.007
Chi phí dự phòng	27.138.780.213	2.887.089.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.768.472.813	8.615.142.428
Chi phí bằng tiền khác	23.886.146.814	28.175.005.714
Cộng	124.418.207.374	115.282.371.963

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	12.700.851	80.313.704
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	-
Bán phế liệu	-	-
Các khoản khác	553.097.142	304.370.560
Cộng	565.797.993	384.684.264

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Truy thu và phạt vi phạm luật thuế	7.093.669.763	2.677.391.676
Các khoản khác	329.292.744	50.190.845
Cộng	7.422.962.507	2.727.582.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Công ty mẹ: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty con: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.
 - Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
 - Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	144.928.431.175	133.538.242.711

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	590.276.878	23.285.562.402
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(27.256.992.998)	(243.357.665)
Cộng	(26.666.716.120)	23.042.204.737

12. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	464.694.985.595	627.404.483.115
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(99.240.448.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	99.240.448.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	56.466.403.000
+ Trích quỹ thưởng đặc biệt cho NLD, HDQT và BKS (*)	-	36.500.000.000
+ Thuởng cho HDQT và BKS (*)	-	6.274.045.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	464.694.985.595	528.164.035.115
Cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm	81.860.938	81.860.938
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	5.677	6.452
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.677	6.452

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng cho HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2017.

(**) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố cho 36.382.458 cổ phiếu thưởng phát hành trong năm và các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 ngày 18/04/2017 (Xem thuyết minh VIII.9).

Công ty không có CP phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2017.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.184.893.056.209	1.911.491.209.459
Chi phí nhân công	247.704.244.558	219.906.256.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.883.259.060	87.290.025.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.238.264.460	158.033.943.428
Chi phí khác bằng tiền	72.570.608.304	68.662.027.713
Cộng	2.799.289.432.591	2.445.383.462.234

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, như sau:

	Năm nay VND
Tăng vốn cổ phần trong năm từ Quỹ đầu tư phát triển (Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu)	363.824.580.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 05/02/2018, Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ban hành quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV về việc bán cổ phần của Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại BMP.

Theo thông báo số 289/TB-SGDHCM ngày 09/03/2018 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, tổng số cổ phần chào giá cạnh tranh bán được 24.159.906 cổ phần trong đó số cổ phần trúng của người nước ngoài là 24.139.923 cổ phần.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương, thù lao	16.703.072.175	12.338.424.518

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Nhựa Đà Nẵng	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ	4.900.445.108

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	445.325.555.042	404.984.303.020	445.325.555.042	404.984.303.020
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	450.000.000.000	490.000.000.000	450.000.000.000	490.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	414.605.914.933	639.342.736.628	414.605.914.933	639.342.736.628
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.193.950.400	2.193.950.400	2.294.389.000	2.314.303.550
Cộng	1.312.125.420.375	1.536.520.990.048	1.312.225.858.975	1.536.641.343.198
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	61.312.187.000	105.992.187.000	61.312.187.000	105.992.187.000
Phải trả người bán và phải trả khác	173.115.414.740	222.028.186.675	173.115.414.740	222.028.186.675
Chi phí phải trả	16.531.617.930	152.716.832.474	16.531.617.930	152.716.832.474
Cộng	250.959.219.670	480.737.206.149	250.959.219.670	480.737.206.149

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2017 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Giá trị hợp lý của các khoản vay được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2016 và vào ngày 31/12/2017 .

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác là sổ đỏ vào ngày 31/12/2016 và vào ngày 31/12/2017 theo biên bản thẩm định giá lần lượt là 249.126.800.000 đồng và 152.702.000.000 đồng để đảm bảo cho việc mua hàng hóa chưa phải thanh toán ngay thời điểm nhập hàng hóa.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	250.959.219.670	-	250.959.219.670
Các khoản vay	61.312.187.000	-	61.312.187.000
Phải trả người bán	170.886.882.020	-	170.886.882.020
Phải trả khác	2.228.532.720	-	2.228.532.720
Chi phí phải trả	16.531.617.930	-	16.531.617.930
Số đầu năm	480.737.206.149	-	480.737.206.149
Các khoản vay	105.992.187.000	-	105.992.187.000
Phải trả người bán	129.476.100.215	-	129.476.100.215
Phải trả khác	92.552.086.460	-	92.552.086.460
Chi phí phải trả	152.716.832.474	-	152.716.832.474

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2017

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2017, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

11. Những thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 ngày 18/04/2017 thì Công ty đã hủy bỏ quyết định sáp nhập với Công ty CP Nhựa Đà Nẵng (DPC).

Người lập biểu



Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng



Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 03 năm 2018

CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU
Hầm Thủ Thiêm





CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
☎ (84) 28 3969 0973
📠 (84) 28 3960 6814
www.binhminhplastic.com.vn